

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN BẮC MINH
Số: 120 /TB-HĐQT-SBM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2026

THÔNG BÁO

V/v: Mời họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Bắc Minh

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh trân trọng thông báo và kính mời Quý cổ đông đến tham dự **Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026** của Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Bắc Minh, như sau:

1. Thời gian: 14h00, Thứ Sáu, ngày 24 tháng 04 năm 2026

2. Địa điểm: Phòng họp Thăng Long, Tầng 2, Khách sạn Legend Westlake – Số 1-1A, Yên Phụ, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội.

3. Tài liệu thảo luận và xin ý kiến thông qua tại Đại hội:

- Báo cáo kết quả hoạt động năm 2025 và kế hoạch năm 2026 của HĐQT;
- Báo cáo kết quả SXKD năm 2025 và kế hoạch năm 2026 của Ban Giám đốc;
- Báo cáo hoạt động năm 2025 và kế hoạch năm 2026 của Ban kiểm soát;
- Tờ trình của HĐQT về việc thông qua BCTC kiểm toán năm 2025;
- Tờ trình của BKS về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2026;
- Tờ trình thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026;
- Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức & trích lập các quỹ;
- Tờ trình về thù lao HĐQT, BKS;
- Tờ trình Thông qua các giao dịch Công ty với các bên liên quan;
- Tờ trình thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế quản trị, Quy chế hoạt động của HĐQT (Văn bản chi tiết kèm theo);
- Tờ trình Thông qua Quy chế hoạt động BKS;
- Tờ trình miễn nhiệm và bầu bổ sung Thành viên HĐQT.

4. Điều kiện tham dự: các Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh theo Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán tham dự ĐHĐCĐ cho Công ty được VSDC chốt tại ngày đăng ký cuối cùng 01/04/2026.

5. Xác nhận tham dự Đại hội: Để đảm bảo quyền lợi của các Cổ đông, đề nghị Quý cổ đông thực hiện thủ tục xác nhận trực tiếp tham dự Đại hội hoặc ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội (theo mẫu giấy Xác nhận/ Ủy quyền gửi kèm) và gửi về



**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN BẮC MINH**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN
THAM DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN BẮC MINH

Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026

Tên cá nhân/ tổ chức:

Số CCCD/GPĐKKD:cấp ngày/...../.....
tại.....

Địa chỉ thường trú/ Trụ sở:

Người đại diện:

Số CMND người đại diện:cấp ngày/...../.....tại:

Số điện thoại:..... Số fax:.....

Xác nhận sẽ tham dự Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Bắc Minh được tổ chức vào 14h00 ngày 24 tháng 4 năm 2026 với:

Số cổ phần biểu quyết là:.....cổ phần.

(Bằng chữ:)

Trong đó:

• Số cổ phần sở hữu là: cổ phần.

• Số cổ phần được ủy quyền: cổ phần.

(Gửi kèm theo đây: Giấy ủy quyền).

Tôi cam kết sẽ chấp hành đúng các quy định của Đại hội./.

....., ngày tháng năm 2026

CÓ ĐÔNG

(Ký, họ tên và đóng dấu (nếu có))



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN

**THAM DỰ CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN BẮC MINH**

Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026

1. Bên ủy quyền

Tên cá nhân/ Tổ chức:

Số CCCD/GPĐKKD:cấp ngày/...../.....
tại.....

Địa chỉ:

Điện thoại:.....

Số cổ phần sở hữu:cổ phần.
(Bằng chữ:.....)

2. Bên được ủy quyền

Tên cá nhân:

Số CCCD:cấp ngày/...../.....
tại.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....

Số cổ phần có quyền biểu quyết được ủy quyền là:.....cổ phần.
(Bằng chữ:.....)

3. Nội dung ủy quyền

Bên được ủy quyền có quyền tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Bắc Minh với tư cách là đại diện cho số cổ phần mà tôi ủy quyền.

4. Thời hạn ủy quyền

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký tới khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Bắc Minh.

BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN
(Ký và ghi rõ họ tên)

BÊN ỦY QUYỀN
(Ký và ghi rõ họ tên)

QUY CHẾ LÀM VIỆC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN BẮC MINH

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh, để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức và tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2026, đồng thời hướng dẫn cho Cổ đông tham gia Đại hội và thực hiện biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh kính trình Đại hội thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026 như sau:

I. TRẬT TỰ CỦA ĐẠI HỘI

1. Cổ đông/ đại diện Cổ đông khi đến tham dự Đại hội mặc trang phục chỉnh tề, lịch sự, xuất trình đầy đủ giấy tờ tùy thân, thư mời họp và các giấy tờ liên quan đến việc xác minh tư cách Cổ đông tại bàn tiếp đón.

2. Khi vào hội trường tổ chức Đại hội phải tuân thủ việc sắp xếp vị trí của Ban Tổ chức.

3. Không nói chuyện riêng, không hút thuốc lá, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội. Tất cả các máy điện thoại di động đề nghị tắt hoặc để chế độ không chuông.

4. Các cổ đông/ đại diện Cổ đông có trách nhiệm tham dự ĐHĐCĐ từ khi bắt đầu Đại hội cho đến khi kết thúc Đại hội. Trong trường hợp cổ đông/ đại diện Cổ đông vì bất kỳ lý do gì phải rời khỏi cuộc họp trước khi kết thúc Đại hội thì cổ đông/ đại diện Cổ đông đó có trách nhiệm liên hệ với Ban tổ chức. Trường hợp cổ đông/ đại diện Cổ đông rời cuộc họp trước khi kết thúc Đại hội mà không thông báo với Ban Tổ chức thì cổ đông/ đại diện Cổ đông đó coi như đã đồng ý với tất cả những vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội.

II. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠI ĐẠI HỘI

1. Nguyên tắc:

- Các vấn đề cần biểu quyết trong chương trình nghị sự của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách bỏ phiếu biểu quyết trực tiếp tại Đại hội. Mỗi cổ đông được cấp một Phiếu biểu quyết của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh.

- Phiếu biểu quyết được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho cổ đông/ hoặc người được ủy quyền khi cổ đông/người được ủy quyền làm thủ tục đăng ký dự họp. Trên phiếu biểu quyết ghi rõ Mã số cổ đông, Họ tên và Số cổ phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

2. Phương thức biểu quyết:

- Cổ đông/đại diện cổ đông biểu quyết đối với một vấn đề bằng cách bỏ phiếu biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình tại Đại hội;

- Các cổ đông/đại diện cổ đông có quyền bỏ phiếu tán thành; không tán thành hoặc không có ý kiến đối với từng vấn đề trong Đại hội.

- Ngay sau khi hoàn thành phần Biểu quyết thông qua các nội dung được trình bày tại Đại hội, Ban kiểm phiếu sẽ tiến hành kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu trước toàn Đại hội.

3. Thẻ lệ biểu quyết

Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết.

Các vấn đề sau đây được thông qua khi có từ 50% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có mặt trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông chấp thuận:

- Báo cáo kết quả hoạt động năm 2025 và kế hoạch năm 2026 của HĐQT
- Báo cáo kết quả SXKD năm 2025 và kế hoạch năm 2026 của Ban Giám đốc
- Báo cáo hoạt động năm 2025 và kế hoạch năm 2026 của Ban kiểm soát
- Tờ trình của HĐQT về việc thông qua BCTC kiểm toán năm 2025
- Tờ trình của BKS về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2026
- Tờ trình thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026
- Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức & trích lập các quỹ
- Tờ trình về thù lao HĐQT, BKS
- Tờ trình Thông qua các giao dịch Công ty với các bên liên quan
- Tờ trình thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế quản trị, Quy chế hoạt động của HĐQT (Văn bản chi tiết kèm theo).
- Tờ trình Thông qua Quy chế hoạt động BKS
- Tờ trình về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung Thành viên HĐQT
- Các nội dung khác tại Đại hội

III. PHÁT BIỂU Ý KIẾN TẠI ĐẠI HỘI

- Cổ đông tham dự Đại hội sẽ phát biểu ý kiến trực tiếp tại Đại hội hoặc bằng cách ghi ý kiến phát biểu vào giấy và chuyển cho Ban tổ chức. Ban tổ chức sẽ có trách nhiệm chuyển tới Đoàn chủ tịch.

- Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại hội đã được thông qua. Đoàn chủ tịch sẽ giải đáp các thắc mắc của cổ đông trực tiếp tại Đại hội và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong Chương trình ĐHĐCĐ.

IV. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA ĐOÀN CHỦ TỊCH

1. Điều khiển Đại hội theo đúng chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được Đại hội thông qua. Đoàn chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.

2. Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.

3. Đoàn chủ tịch có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

4. Đoàn chủ tịch có quyền:

- Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;

- Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; yêu cầu những người không tuân thủ quyền điều hành của Đoàn chủ tịch, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp ĐHĐCĐ.

5. Đoàn chủ tịch có quyền hoãn cuộc họp ĐHĐCĐ đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau:

- Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp
- Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự; có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp. Thời gian hoãn tối đa không quá 3 ngày kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.
- Giải quyết các vấn đề nảy sinh khác trong suốt quá trình ĐH.

V. TRÁCH NHIỆM CỦA THƯ KÝ ĐẠI HỘI

5922
T Y
I AN
T TRIEN
INH
HA V

1. Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội.

2. Xác định kết quả biểu quyết của cổ đông về các vấn đề thông qua tại Đại hội.

3. Soạn thảo Biên bản họp Đại hội và Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.

4. Kịp thời thông báo với Đoàn chủ tịch về các vấn đề phát sinh ngoài thẩm quyền giải quyết.

VI. BIÊN BẢN VÀ NGHỊ QUYẾT HỌP ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

Tất cả các nội dung tại Đại hội đồng Cổ đông phải được Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông, Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng Cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Trên đây là toàn bộ Quy chế làm việc của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh. Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

Kính trình Đại hội thông qua./.

Nơi nhận:

- Thành viên HĐQT; BKS;
- Đoàn chủ tịch; thư ký ĐH;
- Cổ đông của Công ty;
- Đăng trên website Công ty;
- Lưu VT.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Thanh Hương

**QUY CHẾ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH 14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Bắc Minh được sửa đổi và thông qua ngày 22 tháng 04 năm 2025;

Việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026 được tiến hành theo những quy định sau:

I. Mục tiêu

1. Đảm bảo tuân thủ Pháp Luật và các thông lệ tại Việt Nam;
2. Đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ quyền lợi hợp pháp của tất cả các cổ đông;
3. Đảm bảo tính tập trung, ổn định của phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

II. Đối tượng, phạm vi áp dụng

1. Quy định này hướng dẫn trình tự và thủ tục đề cử, ứng cử, bầu cử vào thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) của Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh;
2. Các ứng cử viên tham gia ứng cử bầu bổ sung vào thành viên HĐQT có trách nhiệm thực hiện theo các nội dung của Quy định này.

III. Quy chế đề cử, ứng cử thành viên HĐQT

1. Thành phần và nhiệm kỳ

- Số lượng thành viên HĐQT bầu bổ sung: 02 người
- Nhiệm kỳ HĐQT: 05 năm (từ năm 2023 đến năm 2028), nhiệm kỳ của thành viên HĐQT là theo nhiệm kỳ của HĐQT và có thể được bầu lại với số lần không hạn chế.
- Số lượng ứng cử viên HĐQT: không hạn chế.

2. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT

- Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;



- Là Cổ đông Công ty hoặc được một nhóm cổ đông đại diện ít nhất 10% vốn điều lệ Công ty giới thiệu đề cử (nếu không là cổ đông Công ty phải là người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của công ty). Đại hội đồng cổ đông không cần thủ tục bỏ phiếu trong trường hợp có nhóm cổ đông đại diện ít nhất 51% vốn điều lệ nhất trí về danh sách các thành viên Hội đồng quản trị. Khi đó những người trong danh sách này đương nhiên trúng cử thành viên Hội đồng quản trị.
- Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết Pháp Luật và có ý thức chấp hành Pháp Luật.

IV. Thủ tục ứng cử, đề cử thành viên HĐQT

- Các Cổ đông đủ tiêu chuẩn ứng cử, đề cử để bầu cử thành viên HĐQT theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Bắc Minh được quyền ứng cử, đề cử trước ít nhất 01 ngày trước khi ĐHĐCĐ;
- Cổ đông nắm giữ từ 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát cụ thể:
 - + Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 01 ứng cử viên
 - + Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai ứng cử viên
 - + Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba ứng cử viên
 - + Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn ứng cử viên
 - + Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm ứng cử viên
 - + Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu ứng cử viên
 - + Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy ứng cử viên
 - + Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám ứng cử viên
 - + Trường hợp số lượng ứng cử viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử, số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử.
- Các cổ đông đủ tiêu chuẩn có thể gửi hồ sơ ứng cử, đề cử trước 12h00 ngày 24/04/2026 về địa chỉ:
 - Văn phòng Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Bắc Minh

- **Địa chỉ:** Số 03, An Dương, phường Hồng Hà, thành phố Hà Nội.
- **Người liên hệ:** Ban tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026, Bà Nguyễn Thị Thảo - Bộ phận Quản lý cổ đông (Điện thoại: 0973.595.621)
- **Điện thoại :** 024 37764615
- **Hồ sơ ứng cử, đề cử:**
 - Giấy ứng cử/đề cử ứng viên tham gia HĐQT (theo mẫu đính kèm);
 - Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai (theo mẫu đính kèm)

V. Nguyên tắc bầu thành viên HĐQT

1. Nguyên tắc bầu cử

Bầu cử các ứng viên vào HĐQT phải thực hiện theo phương thức dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ đông có tổng số biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân (x) với số thành viên được bầu của HĐQT. Cổ đông có quyền bầu dồn phiếu hết tổng số phiếu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

2. Nguyên tắc trúng cử

Ứng cử viên trúng cử là ứng viên có số phiếu bầu cao nhất trong tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp tại ĐHCĐCĐ.

VI. Hướng dẫn cách thức bầu thành viên HĐQT:

1. Hình thức phiếu bầu cử

- Mỗi cổ đông/đại diện theo ủy quyền đến dự Đại hội sẽ được phát một “Phiếu bầu cử thành viên HĐQT”.
- Trên mỗi phiếu bầu có ghi tên các ứng cử viên vào thành viên HĐQT.
- Trên phiếu bầu cử có ghi mã số từng cổ đông hoặc được đại diện theo ủy quyền và tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ đại diện. Khi cổ đông/người đại diện theo ủy quyền được phát phiếu bầu phải kiểm tra lại mã số và số cổ phần ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo lại ngay tại thời điểm nhận phiếu.

2. Cách ghi phiếu bầu

- Khi đồng ý bầu cho ứng cử viên, cổ đông viết số phiếu muốn bầu vào cột “Số phiếu bầu”.
- Nếu không bầu cho ứng cử viên, thì cổ đông để trống hoặc gạch chéo vào cột “Số phiếu bầu”.
- Tổng số phiếu bầu cho ứng cử viên của một cổ đông không được vượt quá tổng số phiếu bầu được phép của cổ đông đó (= số cổ phần x số thành viên được bầu).

3. Phiếu bầu cử được coi là hợp lệ khi:

- Phiếu do Ban Tổ chức Đại hội phát hành, có đóng dấu của Công ty cổ phần Dầu tư phát triển Bắc Minh;

- Bầu đủ số thành viên HĐQT đã được Đại hội thông qua và bầu cho những người có tên trong danh sách đề cử và ứng cử đã được Đại hội thông qua.
- Phiếu bầu ít hơn số thành viên HĐQT thông qua hoặc phiếu trắng.
- Phiếu bầu cử có gạch xóa tên do nhầm lẫn thì người bầu phải ký tên vào chỗ xóa hoặc báo cáo Ban kiểm phiếu xin đổi phiếu bầu lại.

4. Phiếu bầu cử không hợp lệ:

- Phiếu không do Ban Tổ chức Đại hội phát hành;
- Phiếu có tẩy xóa, sửa chữa nội dung (trường hợp viết sai phải đổi lại phiếu mới và hủy phiếu cũ);
- Bầu quá số thành viên HĐQT so với quy định;
- Phiếu bầu quá số quyền biểu quyết của cổ đông;
- Phiếu bầu có tên những người ngoài danh sách đề cử và ứng cử đã được Đại hội thông qua.

Các phiếu bầu cử không hợp lệ sẽ không có giá trị khi kiểm phiếu bầu cử.

VII. Ban Kiểm phiếu, nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu, công bố kết quả

1. Ban Kiểm phiếu:

- Ban kiểm phiếu do Chủ tịch đoàn đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Thành viên Ban kiểm phiếu có thể không phải là cổ đông nhưng không phải là người có tên trong danh sách ứng cử và/hoặc đề cử vào HĐQT.
- Ban kiểm phiếu có một số trách nhiệm chính sau:
 - + Hướng dẫn tóm tắt quy định về bầu cử;
 - + Phát phiếu bầu cho cổ đông/đại diện cổ đông;
 - + Kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu của các cổ đông, đại diện cổ đông;
 - + Tổ chức kiểm phiếu;
 - + Lập biên bản kiểm phiếu và công bố trước Đại hội đồng cổ đông;
 - + Giao lại biên bản và toàn bộ phiếu bầu cho Chủ tịch Đoàn Đại hội;
- Ban kiểm phiếu phải bảo đảm tính trung thực của việc bầu cử và kiểm phiếu phải bí mật; nếu sai phạm Ban kiểm phiếu phải chịu trách nhiệm. Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập biên bản kết quả kiểm phiếu, công bố trước Đại hội, sau đó phải niêm phong các phiếu bầu cử, xóa các dữ liệu liên quan đến bầu cử trên máy vi tính và chỉ được mở khi có quyết định của ĐHĐCĐ.

2. Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu:

- Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông;

- Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;
- Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc; Ban kiểm phiếu sẽ mời một cổ đông giám sát việc kiểm phiếu.
- Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng Ban kiểm phiếu công bố trước Đại hội.

3. Nguyên tắc trúng cử thành viên HĐQT

- Ứng viên trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

4. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu

- Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu. Nội dung Biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số cổ đông tham gia dự họp, tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu, tỷ lệ số phiếu của cổ đông tham gia bỏ phiếu so với tổng số phiếu của cổ đông tham gia dự họp (theo phương thức bầu dồn phiếu), số và tỉ lệ phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ, phiếu trống; số và tỉ lệ quyền biểu quyết cho từng ứng cử viên vào HĐQT;
- Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội.

5. Khiếu nại

Mọi khiếu nại về kết quả bầu cử chỉ được xem xét ngay tại Đại hội, cổ đông không được phản đối tính hợp lệ này bất kỳ lúc nào khác. Trường hợp có bất đồng về thủ tục bầu cử hoặc kết quả bầu cử, Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra lại và xin ý kiến Đại hội quyết định.

VIII. Điều khoản thi hành

Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và là cơ sở pháp lý cho trình tự và thủ tục đề cử, ứng cử, bầu cử HĐQT Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh.

Nơi nhận:

- Thành viên HĐQT; BKS;
- Đoàn chủ tịch; thư ký ĐH;
- Cổ đông của Công ty;
- Đăng trên website Công ty;
- Lưu VT.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Thị Thanh Hương



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

ĐƠN ỨNG CỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2023 - 2028

Kính gửi: Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh

Tôi tên là:
CCCD/ Hộ chiếu/GĐKKD số:.....Ngày cấp:
Nơi cấp:
Địa chỉ thường trú :
Đơn vị Công tác:.....
Trình độ học vấn:Chuyên ngành:
Hiện đang sở hữu:cổ phần. (Bằng chữ:.....
.....cổ phần)
Và Đại diện sở hữu:cổ phần. (Bằng chữ:.....
.....cổ phần)
của Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh.

Xét thấy phù hợp đầy đủ các điều kiện được quy định, tôi làm đơn này đề nghị Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Bắc Minh cho tôi được tự đề cử, làm ứng cử viên tham gia vào Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Bắc Minh nhiệm kỳ 2023 - 2028.

Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, tôi xin đem hết năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh.

Trân trọng cảm ơn./.

Hồ sơ kèm theo:

- Sơ yếu lý lịch của ứng viên (hoặc Phiếu lý lịch tư pháp cho người không có quốc tịch Việt Nam)
- Bản sao hộ khẩu, CCCD, các bằng cấp chứng nhận trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn.

Ngàythángnăm 2026

NGƯỜI ỨNG CỬ

(Ký, ghi rõ họ tên)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

ĐƠN ĐỀ CỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2023 - 2028

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH 14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Bắc Minh được sửa đổi và thông qua ngày 22 tháng 04 năm 2025;

Hôm nay, ngày.....tháng.....năm 2026, chúng tôi gồm có:

TT	Họ tên cổ đông	Mã số cổ đông	Số lượng cổ phần sở hữu	Chữ ký cổ đông
	Tổng cộng			



Sau khi nghiên cứu các điều kiện, tiêu chuẩn liên quan đến việc đề cử thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh nhiệm kỳ 2023-2028 chúng tôi nhất trí đề cử:

1. Ông/Bà:

CCCD số:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú :

Đơn vị công tác:.....

Trình độ học vấn:chuyên ngành:.....

Hiện đang sở hữu:cổ phần. (Bảng chữ:.....
.....cổ phần)

Và Đại diện sở hữu:cổ phần. (Bảng chữ:.....
.....cổ phần)

của Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh.

Tham gia ứng cử vào: Thành viên Hội đồng quản trị

2. Đính kèm hồ sơ của người được đề cử:

- Sơ yếu lý lịch có dán ảnh.
- Bản sao hộ khẩu, CCCD, các bằng cấp chứng nhận trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn.

..., Ngày....tháng.....năm 2026

(CÁC) CỎ ĐÔNG

(Ký và ghi rõ họ tên)



ảnh 4x6
(ảnh mẫu mới nhất,
có đóng
dấu giáp lai của
cơ quan xác
nhận lý lịch)

ảnh 4x6
(ảnh mẫu mới nhất,
có đóng
dấu giáp lai của
cơ quan xác
nhận lý lịch)

tin bản thân:

- Họ và tên:
- Ngày tháng năm sinh:
- Quê quán:
- Quốc tịch:
- Địa chỉ thường trú:
- Điện thoại liên hệ:
- Số căn cước công dân (số hộ chiếu đối với người nước ngoài):
- Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

(Trường hợp cá nhân được cử là người đại diện quản lý số vốn cổ phần của pháp nhân phải kê khai và bổ sung tên và địa chỉ pháp nhân)

- Trình độ chuyên môn: Chuyển ngành:
- Chức vụ hiện nay tại các tổ chức khác:
- Quá trình công tác

[illegible]

3. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có)

.....

4. Cam kết trước pháp luật:

Tôi cam kết không vi phạm một trong các quy định về tổ chức hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc của Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh, các quy định của pháp luật hiện hành khác có liên quan, chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân trong bản khai này và cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm Thành viên Hội đồng quản trị./.

NGƯỜI KHAI

(Ký và ghi rõ họ tên)





CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN BẮC MINH
BAC MINH DEVELOPMENT INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ : Số 3 An Dương, phường Hồng Hà, Thành phố Hà Nội

Điện thoại : 024 37764615

Website : sbm.com.vn

Email: bacminh.sbm@gmail.com

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Hà Nội, tháng 04 năm 2026

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;

Thực hiện chức năng nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh;

Hội đồng quản trị Công ty xin trân trọng báo cáo Đại hội đồng Cổ đông về Tổng kết đánh giá quá trình hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và định hướng phát triển của Công ty trong năm 2026.

Phần 1:

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025

I. CÔNG TÁC TỔ CHỨC

1. Hội đồng quản trị:

Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 đã tiến hành bầu Hội đồng quản trị Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh nhiệm kỳ 2023-2028. Các Thành viên trúng cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ mới có sự thay đổi so với trước đó, Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023-2028 bao gồm:

- | | |
|------------------------------|--|
| - Ông Lê Đình Lượng | - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 01/07/2025). |
| - Bà: Nguyễn Thị Thanh Hương | - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm kể từ ngày 01/07/2025). |
| - Ông: Lại Hợp Quốc | - Chức vụ: Thành viên HĐQT |
| - Ông: Vũ Minh Tú | - Chức vụ: Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm kể từ ngày 22/04/2025). |
| - Bà: Thiều Thị Hằng My | - Chức vụ: Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm kể từ ngày 22/04/2025). |
| - Bà: Nguyễn Thị Kim Lan | - Chức vụ: Thành viên HĐQT |

- Ông: Đỗ Minh Đức

- Chức vụ: Thành viên HĐQT

2. Ban Kiểm soát:

Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 cũng đã tiến hành bầu Ban kiểm soát Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh không có sự thay đổi, thành viên BKS nhiệm kỳ 2023 – 2028 bao gồm:

- Ông: Nguyễn Văn Minh

- Chức vụ: Trưởng ban

- Ông: Nguyễn Quốc Thái

- Chức vụ: Thành viên

- Ông: Lê Lam Thanh

- Chức vụ: Thành viên

3. Ban giám đốc:

- Ông: Vũ Minh Tú

- Chức vụ: Giám đốc (Bổ nhiệm lại kể từ ngày

23/04/2025).

- Ông: Nguyễn Tài Tuấn

- Chức vụ: Phó giám đốc

- Ông Lê Đức Dân

- Chức vụ: Phó giám đốc (Bổ nhiệm lại kể từ

ngày 05/06/2025)

4. Kế toán trưởng: Bà Bùi Tuyết Vân

II. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT.

1. Tình hình thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp. HĐQT luôn bám sát tình hình thực tế, đã tổ chức 10 cuộc họp trực tiếp định kỳ và 5 lần lấy ý kiến bằng văn bản để xem xét, thông qua các nghị quyết, quyết định thuộc thẩm quyền. Đồng thời, HĐQT tổ chức giám sát Ban Giám đốc triển khai thực hiện các nghị quyết của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông; thực hiện công bố thông tin đầy đủ theo quy định.

1.1. Các cuộc họp hội đồng quản trị:

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp (lấy ý kiến bằng văn bản)	Tỷ lệ tham dự họp	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Thanh Hương	5/15	33,33 %	Bổ nhiệm từ ngày 01/07/2025
2	Lê Đình Lượng	10/15	66,67 %	Miễn nhiệm từ ngày 01/07/2025
3	Vũ Minh Tú	7/15	46,67 %	Miễn nhiệm từ ngày 22/04/2025
4	Lại Hợp Quốc	15/15	100 %	

5	Thiều Thị Hằng My	8/15	53,33 %	Bổ nhiệm từ ngày 22/04/2025
6	Nguyễn Thị Kim Lan	15/15	100 %	
7	Đỗ Minh Đức	15/15	100 %	

1.2. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT năm 2025

TT	Số Biên bản /Nghị quyết HĐQT	Ngày họp	Nội dung cuộc họp	Tỷ lệ biểu quyết
1	01.1/QĐ- HĐQT-SBM	03/01/2025	Quyết định về việc: Bán thanh lý xe Toyota Fortuner Biển số đăng ký 29A-686.55 và mua xe Ô tô mới phục vụ công tác QLVH các NMTĐ của Công ty	100%
2	01.2/QĐ- HĐQT-SBM	09/01/2025	Quyết định về việc: Thành lập hội đồng thanh lý tài sản hết khấu hao, không còn sử dụng của các nhà máy trực thuộc SBM	100%
3	02/QĐ-HĐQT- SBM	10/01/2025	Quyết định về việc: Chi khen thưởng cho tập thể CBCNV và các cá nhân, tập thể đạt thành tích trong năm 2024	100%
4	03/QĐ-HĐQT- SBM	13/01/2025	Quyết định về việc: Khen thưởng Tập thể, cá nhân đạt thành tích năm 2024	100%
5	04/QĐ-HĐQT- SBM	16/01/2025	Quyết định về việc: Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025	100%
6	05.1/QĐ- HĐQT-SBM	13/02/2025	Quyết định về việc: Chỉ định thầu đơn vị cung cấp xe ô tô mới	100%
7	08.1/QĐ- HĐQT-SBM	24/02/2025	Quyết định về việc: Thành lập hội đồng thanh lý tài sản xe ô tô Fortuner BKS 29A-686.55	100%
8	12/NQ-HĐQT- SBM	05/03/2025	Nghị quyết vv: Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025	100%
9	18/QĐ-HĐQT- SBM	10/03/2025	Quyết định về việc: Chỉ định thầu đơn vị Tư vấn lập hồ sơ đề nghị cấp phép khai thác sử dụng nước mặt công trình NMTĐ Nhà Tàu	100%
10	20.1/QĐ- HĐQT-SBM	20/03/2025	Quyết định về việc: Phê duyệt phương án và dự toán chi phí Sửa chữa bảo dưỡng định kỳ phần thiết bị NMTĐ Suối Sập 3 năm 2025	100%

TT	Số Biên bản /Nghị quyết HĐQT	Ngày họp	Nội dung cuộc họp	Tỷ lệ biểu quyết
11	20.2/QĐ- HĐQT-SBM	20/03/2025	Quyết định về việc: Phê duyệt chỉ định thầu gói thầu Sửa chữa bảo dưỡng định kỳ tổ máy H1, H2, Trạm biến áp 35kV và thiết bị phụ (phần điện và chuyên gia phần cơ) NMTĐ Suối Sập 3 năm 2025	100%
12	28.1/QĐ-VP- SBM	15/04/2025	Quyết định về việc: Ban hành Quy chế thi đua khen thưởng Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh	100%
13	30/NQ- HĐQT- SBM	21/04/2025	Nghị quyết thông qua Bổ nhiệm các chức danh Giám đốc, Phó Giám đốc Công ty; Thông qua chủ trương thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty	100%
14	31/QĐ-HĐQT- SBM	21/04/2025	Quyết định bổ nhiệm lại chức vụ Giám đốc Công ty	100%
15	32/QĐ-HĐQT- SBM	21/04/2025	Quyết định bổ nhiệm lại chức vụ Phó Giám đốc Công ty	100%
16	34/NQ- HĐQT- SBM	22/04/2025	Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025	100%
17	34.2/QĐ- HĐQT-SBM	23/04/2025	Quyết định phê duyệt phương án và dự toán chi phí Sửa chữa bảo dưỡng định kỳ phần thiết bị NMTĐ Thoong Gót năm 2025	100%
18	34.3/QĐ- HĐQT-SBM	24/04/2025	Quyết định về việc Phê duyệt chỉ định thầu gói Sửa chữa bảo dưỡng định kỳ tổ máy H1,H2,H3, trạm 35 KV, thiết bị phụ (Phần điện và chuyên gia phần cơ) và kiểm định thiết bị điện NMTĐ Thoong Gót năm 2025	100%
19	46/QĐ-HĐQT- SBM	22/05/2025	Quyết định về việc Chỉ định thầu đơn vị thực hiện Kiểm toán BCTC năm 2025	100%
20	50/NQ- HĐQT- SBM	29/05/2025	Nghị quyết trả cổ tức năm 2024 bằng tiền cho các cổ đông	100%
21	54/NQ- HĐQT- SBM	30/06/2025	Nghị quyết Miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT, bổ nhiệm Thành viên HĐQT	100%

TT	Số Biên bản /Nghị quyết HĐQT	Ngày họp	Nội dung cuộc họp	Tỷ lệ biểu quyết
22	80/NQ- HĐQT- SBM	29/07/2025	Nghị quyết vv: Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2025 cho cổ đông	100%
23	89/QĐ-HĐQT- SBM	09/09/2025	Quyết định về việc: Bổ nhiệm người phụ trách quản trị Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh	100%
24	90/QĐ-HĐQT- SBM	09/09/2025	Quyết định về việc: Ban hành Quy chế công bố thông tin của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh	100%
25	93/QĐ-HĐQT- SBM	11/09/2025	Quyết định về việc: Vay vốn ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam – Sỡ GD 3 để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động SXKD của Công ty.	100%
26	99/NQ- HĐQT- SBM	31/10/2025	Nghị quyết vv: Tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2025 cho cổ đông	100%
27	102.1/ QĐ- HĐQT-SBM	08/12/2025	Quyết định về việc: Phê duyệt phương án kỹ thuật cải tạo hệ thống thiết bị nâng vận hành cống xả cát NMTĐ Tà Cọ	100%
28	103/NQ-HĐQT- SBM	01/12/2025	Nghị quyết vv: Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông SBM	100%
29	104/QĐ-HĐQT- SBM	01/12/2025	Quyết định về việc: Thành lập ban kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	100%
30	104.1/QĐ- HĐQT-SBM	22/12/2025	Quyết định về việc: Phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng đường tràn và cầu tràn liên hợp vào NMTĐ Nậm Công 3	100%
31	110/QĐ-HĐQT- SBM	30/12/2025	Quyết định về việc: Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025.	100%

- Trong năm 2025, HĐQT đã nghiêm túc triển khai thực hiện các nội dung đã được Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 phê duyệt tại Nghị quyết số 34/NQ-ĐHĐCĐ-SBM ngày 22 tháng 04 năm 2025.

- HĐQT thực hiện đầy đủ và thường xuyên việc giám sát đối với các hoạt động điều hành công ty của Ban điều hành, đặc biệt trong các vấn đề triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, bảo đảm tuân thủ đúng quy định của Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty

- HĐQT giám sát chặt chẽ công tác quản lý, điều hành của BĐH, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, an toàn, hiệu quả. Các thành viên HĐQT cũng thường xuyên tham gia các cuộc họp với BĐH nhằm kịp thời nắm bắt thông tin phục vụ công tác giám sát của HĐQT. Định kỳ theo quý, HĐQT tổ chức họp với BĐH để đánh giá tiến độ thực hiện kế hoạch đã được phê duyệt.

- HĐQT luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, đoàn kết và có chỉ đạo sát sao, kịp thời đối với công tác quản trị doanh nghiệp, quản lý và điều hành sản xuất vì lợi ích cao nhất của Cổ đông và Công ty, nâng cao thu nhập cho người lao động.

- HĐQT đã trực tiếp lên kiểm tra tại tất cả các Nhà máy thủy điện của Công ty đang quản lý vận hành. Tổ chức các buổi gặp mặt và làm việc trực tiếp toàn thể CBCNV trong Công ty nhằm nắm bắt cụ thể tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty để đưa ra các chỉ đạo sâu sát, kịp thời hơn.

2. Công tác quản lý, giám sát hoạt động của Ban Giám đốc Công ty:

- HĐQT giám sát, điều hành hoạt động của Ban Giám đốc Công ty trên cơ sở Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, quy chế quản trị nội bộ và các quy chế quản lý nội bộ khác của Công ty.

- HĐQT theo dõi sát sao tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty qua các báo cáo định kỳ về hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính để kịp thời chỉ đạo các vấn đề phát sinh trong sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, HĐQT đã trao đổi, thảo luận, chất vấn Giám đốc và Ban Điều hành tại các cuộc họp HĐQT hàng quý; báo cáo tháng; qua trao đổi thư điện tử, điện thoại và gặp gỡ. Các vấn đề khó khăn vướng mắc đều được xác định và giải quyết triệt để và kịp thời.

- HĐQT phối hợp chặt chẽ với BKS thực hiện giám sát và hỗ trợ Ban Điều hành nâng cao hiệu quả của hệ thống kiểm soát, tính phù hợp và tin cậy của Báo cáo tài chính cũng như quản trị doanh nghiệp. Những ý kiến đóng góp của BKS đều được xem xét và cân nhắc kỹ trong các quyết định của HĐQT.

- Các hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban giám đốc trong năm 2025 tập trung vào các nội dung cơ bản như sau:

+ Giám sát công tác điều hành của Ban giám đốc trong việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các Nghị quyết, quyết định của HĐQT.

+ Giám sát kiểm tra việc chấp hành và tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức hoạt động và Quy chế quản trị của Công ty.

+ Giám sát công tác tổ chức bộ máy nhân sự, ban hành các quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

+ Giám sát, chỉ đạo thực hiện việc công bố thông tin theo quy định.

*** Một số kết quả hoạt động SXKD đạt được:**

- Năm 2025 tình hình thời tiết có nhiều diễn biến phức tạp tuy nhiên lưu lượng nước đổ về tại khu vực các nhà máy khá tốt, công tác quản lý vận hành các nhà máy thủy điện thực hiện nghiêm túc, an toàn đảm bảo phát huy tối đa hiệu suất vận hành cùng với sự điều hành quyết liệt của Hội đồng quản trị, Ban điều hành công ty theo sát những kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông đề ra đã mang lại cho Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh những kết quả tích cực trong cụ thể như sau:

- Sản lượng điện năm 2025 đạt 227,2 triệu kWh bằng 102,7% so với kế hoạch điều chỉnh, bằng 103 % so với cùng kỳ năm 2024.

- Doanh thu sản xuất điện năm 2025 đạt 287,5 tỷ đồng, bằng 101,2 % so với kế hoạch điều chỉnh, bằng 102,9% so với cùng kỳ năm 2024.

- Lợi nhuận sau thuế năm 2025 đạt là 146,5 tỷ đồng, bằng 104,3 % so với kế hoạch điều chỉnh, bằng 97 % so với cùng kỳ năm 2024.

Trong năm qua với vai trò và trách nhiệm của mình HĐQT đã tích cực chỉ đạo, theo dõi sát sao hoạt động của Ban điều hành Công ty. HĐQT ghi nhận sự nỗ lực và quyết tâm của Ban giám đốc trong công tác điều hành mọi mặt hoạt động của Công ty luôn tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, Điều lệ và các Nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT ban hành. Với các chỉ tiêu đạt được HĐQT đánh giá Ban điều hành đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ trong năm tài chính 2025 cụ thể:

+ Đảm bảo vận hành các nhà máy thủy điện an toàn ổn định, không xảy ra mất an toàn về người và thiết bị.

+ Chủ động trong công tác kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ máy móc thiết bị, các hạng mục công trình phát hiện và khắc phục kịp thời nhằm đảm bảo vận hành an toàn, hiệu quả.

+ Đảm bảo thu nhập, đời sống của CBCNV, xây dựng và đào tạo đội ngũ cán bộ lãnh đạo, người lao động có trình độ phù hợp, nhiệt huyết tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững những năm tiếp theo.

+ Thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước theo đúng quy định, chính sách điều hành minh bạch, có sự phân công phân cấp rõ ràng trong bộ máy điều hành.

3. Công tác chỉ đạo, giám sát tài chính kế toán.

- Hội đồng quản trị thực hiện chỉ đạo, giám sát hoạt động tài chính theo Quy chế quản trị Công ty và Quy chế Tài chính của Công ty. HĐQT đánh giá công tác tài chính thông qua các báo cáo thực trạng doanh thu, chi phí, dòng tiền tháng, quý, 06 tháng để giao Ban giám đốc điều hành công tác sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ các nhà máy và có phương án về dòng tiền phù hợp với tình hình sản xuất của Công ty.

- Hội đồng quản trị luôn chỉ đạo Ban Giám đốc thường xuyên củng cố, nâng cao công tác kế toán, đảm bảo thực hiện đúng chế độ tài chính hiện hành, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước.

4. Quan hệ cổ đông

- Công ty vẫn duy trì quan hệ với các cổ đông, tiếp xúc và cung cấp thông tin cho cổ đông theo yêu cầu và tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, Điều lệ và quy chế quản trị của Công ty.

- Các cổ đông đều được thông báo đầy đủ các thông tin liên quan đến công tác tổ chức ĐHĐCĐ thường niên và công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Phần 2

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2026

Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh năm 2025 HĐQT đề ra những mục tiêu và nhiệm vụ cụ thể trong năm 2026 với những nội dung sau:

1. Mục tiêu :

- Tiếp tục vận hành phát điện ổn định 05 nhà máy thủy điện, phát huy tối đa phát giờ cao điểm mùa khô các nhà máy để đảm bảo doanh thu đề ra, đảm bảo an toàn tuyệt đối về người và thiết bị.

- Tập trung nguồn lực để hiện đại hóa thiết bị và nâng cao trình độ nhân sự nhằm tự chủ hoàn toàn trong công tác sửa chữa, bảo dưỡng nội bộ. Xây dựng đội ngũ kỹ thuật chất lượng cao, tiến tới phát triển mảng kinh doanh cung cấp dịch vụ kỹ thuật, sửa chữa thiết bị cơ điện cho thị trường bên ngoài.

- Tích cực tìm kiếm cơ hội đầu tư mới và mở rộng quy mô sản xuất nhằm đa dạng hóa nguồn thu và đảm bảo tăng trưởng lợi nhuận dài hạn. Đặc biệt, chủ động xây dựng chiến lược ứng phó và phương án kinh doanh hiệu quả cho giai đoạn các hợp đồng mua bán điện theo biểu giá chi phí tránh được hết hiệu lực.

2. Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026

TT	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch 2026
1	Sản lượng điện	10 ⁶ kWh	193,5
2	Doanh thu	Tỷ đồng	257,5
3	Chi phí	Tỷ đồng	139,5
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	103
5	Tỉ lệ chia cổ tức (dự kiến)	%	30,0

3. Giải pháp thực hiện :

- Hội đồng quản trị tiếp tục đồng hành cùng Ban điều hành triển khai thực hiện các mục tiêu sản mục tiêu Kế hoạch SXKD năm 2026 và các nhiệm vụ theo Nghị quyết được ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 thông qua phần đầu đạt kết quả toàn diện nhất.

- Tập trung kiện toàn tổ chức theo hướng tinh gọn, hiệu quả; tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực; duy trì các chương trình nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ công nhân viên nhằm khai thác tối đa nguồn lực hiện có, đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.

- Tăng cường giám sát công tác tài chính; kiểm soát chặt chẽ chi phí sản xuất kinh doanh theo hướng tiết giảm, tối ưu hóa chi phí và nâng cao hiệu quả, lợi nhuận; đảm bảo thực hiện nghiêm túc các quy định, quy chế tài chính của Công ty trên nguyên tắc minh bạch, công khai và trách nhiệm.

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với người lao động; đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông; đồng thời phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành và các tổ chức đoàn thể, Công đoàn đẩy mạnh phong trào thi đua, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn đầu tư, đảm bảo an toàn và sinh lời, gia tăng giá trị cho Công ty và cổ đông.

- Hội đồng quản trị tiếp tục cùng Ban giám đốc tích cực tìm kiếm các cơ hội để đầu tư trong lĩnh vực sản xuất điện và các dự án có hiệu quả khác để gia tăng tài sản và giá trị cổ phần cho cổ đông.

Trên đây là báo cáo tình hình hoạt động của HĐQT trong năm 2025 và định hướng phát triển năm 2026 của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh. Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét, có ý kiến đóng góp bổ sung và thông qua.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi gửi:

- Các Cổ đông;
- HĐQT, BKS, BGĐ;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Thanh Hương



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN BẮC MINH
BAC MINH DEVELOPMENT INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ : Số 3 An Dương, phường Hồng Hà, thành phố Hà Nội

Điện thoại : 024 37764615

Website : sbm.com.vn

Email: bacminh.sbm@gmail.com

BÁO CÁO
KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025
VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2026
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Hà Nội, tháng 04 năm 2026

BÁO CÁO
KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025, KẾ HOẠCH SẢN XUẤT
KINH DOANH NĂM 2026

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh xin được báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 như sau:

I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

Năm 2025 thời tiết có nhiều diễn biến phức tạp, đặc biệt trong quý III lũ từ thượng nguồn đổ về đã ảnh hưởng không nhỏ đến công tác sản xuất và vận hành của các nhà máy thủy điện trực thuộc Công ty. Tuy nhiên, với sự chỉ đạo sát sao của Ban điều hành cùng tinh thần nỗ lực, trách nhiệm cao của toàn thể cán bộ công nhân viên, Công ty đã đảm bảo công tác quản lý, vận hành các nhà máy an toàn, ổn định, qua đó hoàn thành và vượt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Kết quả cụ thể như sau:

1. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đạt năm 2025

- Sản lượng điện năm 2025 đạt 227,2 triệu kWh bằng 102,7% so với kế hoạch điều chỉnh, bằng 103 % so với cùng kỳ năm 2024.

- Tổng doanh thu năm 2025 đạt 289,1 tỷ đồng, trong đó doanh thu sản xuất điện đạt 287,5 tỷ đồng, bằng 101,2 % so với kế hoạch điều chỉnh, bằng 102,9% so với cùng kỳ năm 2024.

- Lợi nhuận sau thuế năm 2025 đạt là 146,5 tỷ đồng, bằng 104,3% so với kế hoạch điều chỉnh, bằng 97,0% so với cùng kỳ năm 2024.

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ SXKD NĂM 2025

TT	Nội dung	Kế hoạch năm điều chỉnh 2025	Thực hiện năm 2024	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ TH so với KH	Tỷ lệ TH so với cùng kỳ 2024
I	Sản lượng (10 ⁶ kWh)	221,23	220,6	227,2	102,7%	103%
1	Suối Sập 3	48,39	47,8	48,6	100,4%	101,7%
2	Tà Cọ	115,30	113,8	119	103,2%	104,6%
3	Thoong Gót	10,20	12,4	10,8	105,9%	87,1%
4	Nà Tầu	16,96	17,8	17,2	101,4%	96,6%
5	Nậm Công 3	30,38	28,9	31,6	104,0%	109,3%
II	Doanh thu (tỷ đồng)	285,81	281	289,1	101,2%	102,9%
1	Suối Sập 3	63,32	62,6	62,11	98,1%	99,2%
2	Tà Cọ	149,99	145	152,4	101,6%	105,1%
3	Thoong Gót	10,89	13,4	11,34	104,1%	84,6%
4	Nà Tầu	20,61	22,2	21,13	102,5%	95,2%
5	Nậm Công 3	39,48	36,9	40,52	102,6%	109,8%
6	Doanh thu khác	1,52	0,9	1,6	105,4%	177,8%
III	Chi phí (tỷ đồng)	129,62	116,3	124,2	95,8%	106,8%
IV	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	140,48	150,8	146,5	104,3%	97%

2. Các công việc đã thực hiện trong năm 2025

2.1. Công tác quản lý vận hành nhà máy:

- Năm 2025, các nhà máy thủy điện của Công ty duy trì hoạt động vận hành ổn định, bảo đảm an toàn cho người và thiết bị. Công tác an toàn lao động (ATLĐ) và vệ sinh lao động (VSLĐ) được thực hiện nghiêm túc, không để xảy ra bất kỳ tai nạn lao động nào trong toàn Công ty.

- Hoàn thành việc cấp giấy phép hoạt động điện lực cho NMTĐ Thoong Gót vào tháng 2/2025, NMTĐ Nậm Công 3 vào cuối tháng 3/2025, NMTĐ Nà Tầu vào cuối

tháng 6/2025 và NMTĐ Tà Cọ vào tháng 12/2025 giúp các nhà máy đủ điều kiện pháp lý vận hành thương mại.

- Hoàn thành công tác xử lý sự cố bị rò nước gây sụt ruộng của kênh dẫn nước của NMTĐ Thoong Gót đảm bảo mực nước phát điện của nhà máy cũng như đảm bảo việc sản xuất nông nghiệp của các hộ dân xung quanh khu vực nhà máy.

- Công tác sửa chữa – bảo dưỡng định kỳ: Sửa chữa bảo dưỡng định kỳ NMTĐ Suối Sập 3 hoàn thành vượt tiến độ 10 ngày so với kế hoạch đề ra đạt kết quả cao (tháng 4/2025) và thay thế máy phát tuabin, tủ kích từ mới cho tổ máy H3 kết hợp cùng sửa chữa bảo dưỡng định kỳ tổ máy H1, H2 NMTĐ Thoong Gót (tháng 5,6/2025)

- Công tác sửa chữa xây dựng:

- + Sửa chữa dây số 2 khu cư xá Nhà máy thủy điện Thoong Gót vào tháng 4/2025

- + Xây dựng đường giao thông vào Nhà máy Suối sập 3 vào tháng 6/2025.

- + Xử lý kè đá chống sạt lở đường vào NMTĐ Tà Cọ tháng 4/2025.

- + Sửa chữa xây dựng, xử lý các tồn tại về công tác PCCC trạm biến áp NMTĐ Tà Cọ và Nậm Công 3 vào tháng 4-5/2025.

- Hoàn thành công tác xử lý, bảo dưỡng máy cắt dầu cực bị hỏng giảm chấn và hỏng tiếp điểm phụ của NMTĐ Tà Cọ vào tháng 4/2025.

- Hoàn thiện lắp đặt cabin chống ồn cho gian máy phát NMTĐ Nà Tàu đạt yêu cầu, chất lượng đảm bảo cho công tác vận hành nhà máy.

- Công ty đã xin được giấy phép môi trường của NMTĐ Thoong Gót, NMTĐ Nà Tàu, NMTĐ Nậm Công 3 và đã đăng ký môi trường cho 2 NMTĐ Suối Sập 3 và Tà Cọ.

- Trong quý III/2025, thời tiết diễn biến hết sức cực đoan, bão và lũ từ thượng nguồn đổ về hồ chứa Nhà máy thủy điện Tà Cọ, gây sạt lở hệ thống đường giao thông, công trình và khu vực xung quanh hai nhà máy Tà Cọ và Nậm Công 3. Để khắc phục tình trạng bùn, cát bồi lắng tập trung với khối lượng lớn tại cửa nhận nước, Nhà máy thủy điện Tà Cọ đã tạm dừng vận hành và huy động hai tàu hút bùn nạo vét ngay tại khu vực này nhằm duy trì các thông số kỹ thuật tối ưu nhằm nâng cao hiệu suất phát điện (giảm hiện tượng chênh áp). Song song đó, Công ty đã triển khai phương án thuê máy xúc để nạo vét các khu vực bị sạt lở, kết hợp dọn dẹp, vệ sinh khu vực xung quanh nhà máy, bảo đảm điều kiện lưu thông và sinh hoạt cho cán bộ, công nhân viên.

- Hoàn thành lắp đặt và đưa vào sử dụng bộ lọc tinh cho Nhà máy thủy điện Nậm Công 3 để cấp nước cho hệ thống chèn kín trục.

- Hoàn thành công tác xử lý vệ sinh lưới và làm kín khe hở giữa tường ngực và lưới chắn rác để hạn chế gỗ vào đường hầm gây tắc cánh hướng và bánh xe công tác của NMTĐ Nậm Công 3.

- Hoàn thành công tác lắp đặt lưới chắn rác nổi của 2 nhà máy thủy điện Tà Cọ và Nậm Công 3 vào tháng 8 và tháng 9/2025 đảm bảo an toàn, ổn định và hiệu quả trong vận hành phát điện.

- Hoàn thành công tác cải tiến lắp đặt lưới lọc rác và bảo dưỡng bộ lọc rác cho nhà máy thủy điện Tà Cọ vào tháng 09/2025

- Hoàn thành công tác lắp đặt cảm biến hạ lưu đập và cảm biến đo mực nước suối trên thượng nguồn cho NMTĐ Tà Cọ.

- Kè đá các điểm công trình bị sạt lở, bờ hàm ếch trơn trượt, đổ sika đầu các thanh thép giằng gia cố kênh và thi công cột hàng rào lan can tuyến từ cửa nhận nước đến cửa xả cát cho Nhà máy thủy điện Nà Tấu.

- Công ty đã bàn giao và xử lý chất thải nguy hại cho 3 nhà máy (Tà Cọ, Suối Sập 3, Nậm Công 3) theo đúng quy định, các nhà máy còn lại hiện tại chưa đến thời hạn thu gom.

- Lắp đặt thay thế hệ thống điều khiển điều tốc, 01 trạm quan trắc đo mưa trên lưu vực cho NMTĐ Thoong Gót.

- Hoàn thành công tác nạo vét hạ lưu kênh xả NMTĐ Nà Tấu, góp phần hạ thấp mực nước hạ lưu kênh xả và tối ưu hóa hiệu suất vận hành tổ máy phát điện.

- Hoàn thành việc xây dựng và ban hành Quy trình an toàn điểm và kiểm soát năng lượng sẽ được áp dụng từ ngày 01/01/2026 trong toàn SBM.

- Hoàn thành lập và phê duyệt phương án xây dựng, phương án sửa chữa bảo dưỡng định kỳ, sửa chữa nhỏ cho các NMTĐ thực hiện trong năm 2026.

- Công tác báo cáo định kỳ gửi cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật về an toàn vệ sinh lao động, an toàn điện và bảo vệ môi trường.

2.2. Công tác tài chính:

- Hoàn thành công tác lập, công bố Báo cáo tài chính theo quý và kiểm toán BCTC bán niên năm 2025 đúng thời gian quy định của UBCKNN và HNX.

- Doanh thu điện trong năm 2025 tăng cao ước đạt 287,5 tỷ đồng nên dòng tiền Công ty tương đối ổn định, cần đối được nguồn chi trả gốc lãi ngân hàng và trả cổ tức đúng thời hạn. Công ty đã Tối ưu hóa quản trị dòng tiền để thực hiện gửi tiết kiệm có

kỳ hạn mang lại doanh thu tài chính ước đạt hơn 1,6 tỷ đồng.

- Trong năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc chi trả cổ tức năm 2024 bằng tiền mặt với tỷ lệ 20% cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, thực hiện vào các ngày 23/01/2025 và 27/06/2025. Đồng thời, Công ty đã tạm ứng cổ tức năm 2025 (đợt 1 và đợt 2) với tổng tỷ lệ 20% bằng tiền, chi trả vào các ngày 28/08/2025 và 28/11/2025. Trên cơ sở cân đối dòng tiền, Công ty tiếp tục thực hiện tạm ứng cổ tức đợt 3 năm 2025 với tỷ lệ 10% bằng tiền và được chi trả trong vào ngày 06/02/2026.

2.3. Công tác tổ chức nhân sự, đoàn thể

- Đảm bảo thực hiện đúng, kịp thời các chế độ, chính sách liên quan đến lương, thưởng, bảo hiểm xã hội và các chế độ khác đảm bảo quyền lợi cho CBCNV tạo động lực nâng cao năng suất lao động và hiệu quả trong công việc.

- Hoàn thành công tác tổ chức Hội nghị Tổng kết kết quả SXKD năm 2024 và tổ chức các hoạt động nghỉ lễ Tết Nguyên đán năm 2025 cho toàn thể CBCNV Công ty trong không khí vui tươi, đầm ấm, an toàn, bảo đảm không ảnh hưởng đến nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh của Công ty.

- Tuyển dụng bổ sung 02 nhân sự cho cụm Nhà máy thủy điện (NMTĐ) Thoong Gót và Nà Tấu, cùng 01 kỹ thuật viên cho cụm NMTĐ Tà Cọ và Nậm Công 3, đáp ứng yêu cầu công tác quản lý và vận hành các nhà máy.

- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 vào ngày 22/04/2025.

- Tổ chức thành công kỳ nghỉ dưỡng sức cho 50 % CBCNV khỏi nhà máy và văn phòng công ty vào tháng 6/2025 trong tinh thần đoàn kết, gắn bó giữa các bộ phận trong đại gia đình Bắc Minh- Người lao động được khám sức khỏe bởi cơ sở uy tín nhằm phân loại đánh giá đúng chất lượng người lao động để phân công công việc hợp lý.

- Đảm bảo thực hiện đúng, kịp thời các chế độ liên quan đến lương, thưởng, bảo hiểm xã hội và các chế độ khác đảm bảo quyền lợi cho CBCNV tạo động lực nâng cao năng suất lao động và hiệu quả trong công việc. Thu nhập bình quân của NLĐ trong năm 2025 ước đạt là 20,8 triệu/tháng tăng 5% so với năm 2024 là 19,8 triệu/ tháng.

- Phát huy vai trò của Công đoàn Công ty trong việc chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho CBCNV; đẩy mạnh phong trào tăng gia sản xuất, chăm sóc môi trường nơi làm việc sạch đẹp, trong lành.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026:

1. Mục tiêu, nhiệm vụ năm 2026

Trong năm 2026, Ban Giám đốc tập trung vào 4 mục tiêu trọng tâm sau:

- Quản trị vận hành an toàn và hiệu suất: Đảm bảo 05 nhà máy thủy điện vận hành an toàn tuyệt đối cho người và thiết bị; tối ưu hóa việc khai thác tài nguyên nước dựa trên tình hình thủy văn thực tế để phân đấu hoàn thành 100% chỉ tiêu SXKD (Sản lượng 193,5 triệu kWh; Lợi nhuận sau thuế 106 tỷ đồng).

- Tự chủ kỹ thuật và phát triển dịch vụ: Đẩy mạnh hiện đại hóa thiết bị và đào tạo nhân sự nhằm tự chủ hoàn toàn công tác sửa chữa, bảo dưỡng nội bộ, tiến tới cung cấp dịch vụ kỹ thuật cơ điện cho thị trường bên ngoài.

- Thích ứng chính sách và mở rộng quy mô: Chủ động xây dựng phương án kinh doanh cho giai đoạn các hợp đồng mua bán điện theo biểu giá chi phí tránh được hết hiệu lực; tích cực tìm kiếm cơ hội đầu tư mới để đa dạng hóa nguồn thu.

- Tuân thủ pháp lý và quản trị rủi ro: Kiểm soát chặt chẽ quy trình vận hành, an toàn đập và hồ chứa; đảm bảo tính minh bạch trong công bố thông tin và thực hiện đầy đủ các quy định của Luật Chứng khoán.

2. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2026:

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Giá trị
1	Điện thương phẩm	kWh	193.528.294
2	Doanh thu	Đồng	257.524.080.133
3	Tổng chi phí	Đồng	139.497.726.702
4	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	118.026.353.431
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Đồng	14.883.108.809
6	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	103.143.244.622
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng/CP	2.290

3. Các công việc cụ thể:

- Lập phương án, chuẩn bị vật tư thiết bị, bố trí nhân lực, tổ chức thực hiện tốt các hạng mục phụ trợ trước khi tiến hành sửa chữa bảo dưỡng thường xuyên các nhà máy thủy điện: Tà Cọ và Nậm Công 3 (dự kiến vào cuối tháng 3/2026).

- Định kỳ đánh giá thiết bị, thực hiện công tác sửa chữa nhỏ, bảo dưỡng thường xuyên và định kỳ các nhà máy.

- Thực hiện đầu tư xây dựng đường tràn và cầu tràn liên hợp vào NMTĐ Nậm

Công 3 (dự kiến hoàn thành vào quý II/ 2026).

- Tiếp tục triển khai công tác nạo vét bùn, cát lòng hồ NMTĐ Tà Cọ để đảm bảo dung tích hữu ích điều tiết phát điện cao điểm cho cụm NMTĐ Tà Cọ - Nậm Công 3.

- Lắp đặt hệ thống xi lanh thủy lực điều khiển cửa van vận hành cửa xả cát NMTĐ Tà Cọ, thi công làm nhà chứa thiết bị điều khiển xi lanh cửa xả cát.

- Thực hiện thay thế công tơ đo đếm điện năng cho NMTĐ Nà Tàu và NMTĐ Thoong Gót theo đúng quy định để đảm bảo việc đo lường điện năng chính xác, đúng quy định và phục vụ công tác quản lý.

- Hoàn thành Báo cáo tài chính kiểm toán theo đúng thời gian quy định.

- Xây dựng bản đồ ngập lụt của các nhà máy theo công văn về việc thực hiện quản lý an toàn đập, hồ chứa nước của các cơ quan chủ quản

- Tiếp tục thực hiện sửa chữa khu nhà vận hành và khu vực cảnh quan của các nhà máy để đảm bảo điều kiện làm việc và sinh hoạt cho tập thể CBCNV nhà máy.

- Thi công, lắp đặt hệ thống PCCC cho các nhà máy thủy điện Nậm Công 3 theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia.

- Bám sát các đơn vị tư vấn để thực hiện lập các phương án ứng phó tình huống khẩn cấp, phương án bảo vệ đập, xây dựng bản đồ ngập lụt, lập quy trình vận hành hồ chứa định kỳ của các Nhà máy thủy điện trực thuộc SBM.

- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 trong tháng 4/2026

- Xây dựng kế hoạch tổ chức Kỷ niệm 15 năm phát điện thương mại NMTĐ Suối Sập 3 dự kiến vào tháng 07/2026.

- Giám sát, kiểm tra định kỳ các nhà máy để duy trì thực hiện công tác kỹ thuật, công tác 5S, an toàn, vệ sinh lao động, môi trường, phòng chống cháy nổ, phòng chống bão lũ, an toàn đập theo đúng quy định của pháp luật.

- Thực hiện đúng đầy đủ các quy định luật chứng khoán và Ủy ban chứng khoán, tạo thuận lợi tốt nhất cho các cổ đông trong việc thanh khoản, chuyển nhượng cổ phiếu.

- Đẩy mạnh phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá trong lao động sản xuất, phát huy vai trò của Công đoàn trong việc chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, nâng cao năng suất, hiệu quả lao động, góp phần vào sự phát triển bền vững của Công ty. Phần đầu mỗi NMTĐ, Phòng tối thiểu có 01 sáng kiến cấp Công ty về đổi mới quy trình, giải quyết công việc, hoặc cải tiến kỹ thuật, góp phần để tạo phong trào thi đua và khen thưởng cuối năm.

Trên đây là báo cáo kết quả SXKD năm 2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh

năm 2026 của Công ty, kính trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026 xem xét, có ý kiến góp ý, bổ sung và thông qua.

Chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

GIÁM ĐỐC 



Vũ Minh Tú



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN BẮC MINH
BAC MINH DEVELOPMENT INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ : Số 3 An Dương, phường Hồng Hà, thành phố Hà Nội

Điện thoại : 024 37764615

Website : sbm.com.vn

Email: bacminh.sbm@gmail.com

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025
VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2026
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Hà Nội, tháng 04 năm 2026

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025
VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2026
TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Kính thưa Đại hội đồng cổ đông!

Căn cứ:

- Chức năng và nhiệm vụ của Ban kiểm soát quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Bắc Minh;

- Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh;

- Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán;

Ban kiểm soát xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả kiểm tra giám sát các mặt hoạt động trong năm 2025 và phương hướng hoạt động năm 2026 của Ban kiểm soát như sau:

1. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT VỀ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CÔNG TY NĂM 2025

1. Công tác lập và kiểm toán Báo cáo tài chính:

- Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Bắc Minh đã được lập theo các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

- Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam (AVA) thực hiện.

- Qua thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, BKS thống nhất với kết quả SXKD được Công ty công bố tại Báo cáo tài chính đã được kiểm toán, đã phản ánh được kết quả hoạt động SXKD của Công ty.

2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025:

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu trong năm 2025 như sau:

- Sản lượng điện năm 2025 đạt 226,8 triệu kWh bằng 102,7% so với kế hoạch, bằng 103% so với cùng kỳ năm 2024.

- Tổng doanh thu năm 2025 đạt 289,1 tỷ đồng, trong đó doanh thu sản xuất điện đạt 287,5 tỷ đồng, bằng 101,2% so với kế hoạch, bằng 102,9% so với cùng kỳ năm 2024.

- Lợi nhuận sau thuế năm 2025 đạt là 146,5 tỷ đồng, bằng 104,3% so với kế hoạch, bằng 97,0% so với cùng kỳ năm 2024.

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ SXKD NĂM 2025

TT	Nội dung	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2024	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ TH so với KH	Tỷ lệ TH so với cùng kỳ 2024
1	Sản lượng (10 ⁶ kWh)	221,23	220,6	227,2	102,7%	103%
2	Doanh thu (tỷ đồng)	285,81	281	289,1	101,2%	102,9%
3	Chi phí (tỷ đồng)	129,62	116,3	124,2	95,8%	106,8%
4	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	140,48	150,8	146,5	104,3%	97%

3. Tình hình Tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025:

- Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản của năm 2024 - 2025:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Ngày 31/12/2024	Ngày 31/12/2025	Tăng, giảm
I	Chỉ tiêu về vốn và tài sản				
1	Vốn CSH/ Tổng nguồn vốn	%	93,87	88,7	-5,17
2	Nợ phải trả/ Vốn CSH	lần	0,07	0,13	-0,06
3	Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	6,13	11,3	5,17
4	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	15,9	19,5	3,6

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Ngày 31/12/2024	Ngày 31/12/2025	Tăng, giảm
5	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	84,1	80,5	-3,6
II	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
1	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	2,59	1,8	-0,79
2	Khả năng thanh toán tổng quát	Lần	16,3	8,88	-7,42
3	Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	2,59	1,8	-0,79
III	Chỉ tiêu về hiệu quả sử dụng vốn				
1	Lợi nhuận trước thuế/ Doanh thu thuần	%	58,2	56,7	-1,5
2	Lợi nhuận trước thuế/ Vốn CSH	%	26,1	27,7	1,6
3	Lợi nhuận trên bình quân tổng tài sản (ROA)	%	17,4	22	4,6
4	Lợi nhuận trên bình quân vốn CSH (ROE)	%	24,4	24,1	-0,3

Nhận xét, đánh giá tình hình tài chính của Công ty năm 2025:

- **Về vốn và tài sản:** Qua số liệu cho thấy tình hình tài chính của công ty rất tốt, an toàn cao. Nguồn vốn chủ yếu là vốn chủ sở hữu chiếm 88,7%, nợ phải trả chỉ còn 11,3%. Tài sản ngắn hạn của công ty đã được cải thiện so với năm 2024, chiếm 19,5% tổng tài sản tăng 3,6% so với năm 2024. Trong đó chủ yếu do tăng khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền tăng 26% so với năm 2024.

- **Về khả năng thanh toán:** Khả năng thanh toán của Công ty trong năm 2025 rất tốt, tình hình thanh khoản của công ty đã đạt mức an toàn cao, không có rủi ro về thanh toán.

- **Về hiệu quả sử dụng vốn:** Do điều kiện thời tiết thuận lợi nên các chỉ tiêu hiệu quả sử dụng vốn của Công ty trong năm 2025 đều tốt, kết quả đạt được tương đương với năm 2024.

- **Về dự nợ tín dụng:** Số dư nợ vay các tổ chức ngân hàng tính đến ngày 31/12/2025 là: 41,65 tỷ đồng chủ yếu là nợ vay ngắn hạn.

4. Vốn điều lệ:

Đến 31/12/2025, vốn điều lệ của Công ty là 450.449.530.000 đồng. Chi tiết vốn góp chủ sở hữu như sau:

Đơn vị tính: Nghìn đồng

TT	Nội dung	Vốn điều lệ đăng ký KD	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ CP nắm giữ (%)
	Vốn điều lệ đăng ký kinh doanh	450.449.530	45.044.953	100
1	Ông Nguyễn Phúc Vinh		9.355.500	20,77
2	Tổng công ty điện lực Miền Bắc		8.385.108	18,615
3	Công ty TNHH Đầu tư Linh Lam		4.283.925	9,51
4	Công ty cổ phần Điện lực Miền Bắc		3.664.653	8,136
5	Công ty TNHH JERAD		3.665.154	8,14
6	Ông Thiều Kim Quỳnh		3.381.776	7,51
5	Cổ đông khác		12.308.837	27,33

5. Thù Lao:

Thù lao HĐQT & BKS đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua dự kiến mức chi trả thù lao HĐQT & BKS là 1.565.700.000 đồng; Quyết định số 04/QĐ-HĐQT-SBM ngày 20/01/2026 của Hội đồng quản trị duyệt chi tiền thưởng (tương đương 01 tháng lương) cho HĐQT và BKS là 130.475.000 đồng; Khoản bảo hiểm trích theo lương của Trưởng BKS chuyên trách là 32.077.500 đồng. Trong năm 2025, Công ty đã thực chi trả là 1.696,175 triệu đồng, chi tiết như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Số người	Theo Nghị quyết ĐHCB và HĐQT	Thực hiện chi trả	Tỷ lệ TH so với NQ (%)
	Tổng thù lao HĐQT, BKS		1.696,175	1.696,175	100%
1	Hội đồng quản trị	05	1.170	1.170	100%

2	Ban Kiểm soát	03	526,175	526,175	100%
---	---------------	----	---------	---------	------

6. Tình hình chi trả cổ tức

Căn cứ Nghị Quyết số 34/NQ-ĐHĐCĐ-SBM ngày 22/04/2025 nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận chi trả cổ tức bằng tiền năm 2024 với tỷ lệ 20% vốn điều lệ tương ứng với số tiền 90.089.906.000 đồng trong năm 2025, Cụ thể:

+ Tạm ứng cổ tức bằng tiền đợt 2 với tỷ lệ 10% vốn điều lệ tương ứng số 45.044.953.000 đồng theo nghị quyết số 94/NQ-HĐQT-SBM ngày 11/12/2024, ngày thực hiện chi trả 23/1/2025;

+ Chi trả cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 10% vốn điều lệ tương ứng số tiền 45.044.953.000 đồng, ngày thực hiện chi trả 27/06/2025;

Căn cứ Nghị Quyết số 34/NQ-ĐHĐCĐ-SBM ngày 22/04/2025 nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025; Nghị quyết số 80/NQ-HĐQT-SBM ngày 29/7/2025 về việc tạm ứng cổ tức bằng tiền đợt 1 năm 2025 cho cổ đông và Nghị quyết 99/NQ-HĐQT-SBM ngày 31/10/2025 về việc tạm ứng cổ tức bằng tiền đợt 2 năm 2025 cho cổ đông. Công ty đã thực hiện tạm ứng cổ tức năm 2025 với tỷ lệ 20% vốn điều lệ tương ứng với số tiền 90.089.906.000 đồng, cụ thể:

+ Tạm ứng cổ tức bằng tiền đợt 1 với tỷ lệ 10% vốn điều lệ tương ứng số tiền 45.044.953.000 đồng, ngày thực hiện chi trả 28/08/2025;

+ Tạm ứng cổ tức bằng tiền đợt 2 với tỷ lệ 10% vốn điều lệ tương ứng số tiền 45.044.953.000 đồng, ngày thực hiện chi trả 28/11/2025;

Tính đến thời điểm 31/12/2025, Công ty đã thực hiện chi trả đầy đủ cổ tức cho cổ đông, số tiền cổ tức chưa chi trả là 852,987 triệu đồng. Số cổ tức chưa được chi trả chủ yếu là các cổ đông nhỏ chưa làm thủ tục nhận cổ tức.

7. Tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế

Công ty hoàn thành tốt nghĩa vụ thuế trong năm 2025, góp phần gia tăng nguồn thu vào ngân sách nhà nước (NSNN) với tổng số thuế đã nộp là 66,578 tỷ đồng. Công ty đã hoạt thành toàn bộ nghĩa vụ nộp thuế vào Ngân sách nhà nước, không phát sinh nợ đọng chậm nộp thuế, phí theo quy định.

II. BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC CÔNG TY

1. Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT, BGĐ:

- Trong năm 2025, HĐQT, BGĐ Công ty có nhiều hoạt động, biện pháp tích cực

chỉ đạo, điều hành thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua. HĐQT đã tổ chức các cuộc họp trực tiếp và các lần xin ý kiến qua phiếu lấy ý kiến với nhiều Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị được ban hành đã được HĐQT và BGĐ thực hiện đầy đủ đúng nội dung của Nghị quyết và Quyết định, đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- HĐQT đã chỉ đạo Ban giám đốc Công ty tối ưu hóa hoạt động sản xuất điện, cân đối dòng tiền thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính với nhà nước, đơn vị cung cấp và chi trả cổ tức cho cổ đông đúng thời hạn.

- BKS nhất trí thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 của HĐQT trình đại hội.

2. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS, HĐQT và BGĐ:

Thực hiện chức năng giám sát hoạt động của BKS: Ban kiểm soát đã được mời và tham dự đầy đủ tất cả các cuộc họp của HĐQT. BKS đã giám sát đầy đủ hoạt động của HĐQT trong việc triển khai các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Nghị quyết của HĐQT. Trong các cuộc họp, BKS đã có các khuyến nghị đến HĐQT nhưng vẫn đề cần giải quyết để nâng cao hiệu quả hoạt động điều hành của công ty. Các khuyến nghị của BKS đã được HĐQT xem xét, kịp thời xử lý để hoạt động của Công ty tuân thủ đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ và các quy chế của công ty.

III. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025.

1. Nhân sự Ban kiểm soát: gồm 03 Thành viên

- | | |
|-------------------------|---------------------|
| - Ông: Nguyễn Văn Minh | Chức vụ: Trưởng ban |
| - Ông: Nguyễn Quốc Thái | Chức vụ: Thành viên |
| - Ông: Lê Lam Thanh | Chức vụ: Thành viên |

2. Tổng kết các cuộc họp của ban kiểm soát

- Tham dự các cuộc họp của HĐQT, Công ty:

Trong năm 2025, Ban kiểm soát đã được mời và tham gia đầy đủ các cuộc họp định kỳ và bất thường của HĐQT, Ban Giám đốc để nắm bắt chủ trương, đóng góp ý kiến theo thẩm quyền của Ban kiểm soát.

- Các cuộc họp của Ban kiểm soát:

- + Ngày 27/3/2025: Họp thông qua nội dung báo cáo hoạt động của ban kiểm soát năm 2024 và kế hoạch năm 2025.

- + Ngày 12/8/2025: Họp đánh giá báo cáo tài chính bán niên 6 tháng đầu năm 2025 của công ty.

3. Báo cáo hoạt động của kiểm soát năm 2025:

BKS đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và điều lệ của công ty, cụ thể:

- Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, BGD;

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ đối với HĐQT và BGD;

- Tham gia các cuộc họp HĐQT, báo cáo, đề xuất ý kiến trong các cuộc họp HĐQT. Các đề xuất, kiến nghị đều được HĐQT ghi nhận chỉ đạo thực hiện;

- Theo dõi, giám sát việc công bố thông tin của Công ty theo đúng quy định của Pháp luật về yêu cầu công bố thông tin của Công ty đại chúng.

- Kiểm tra công tác quản lý đầu tư, công tác lập kế hoạch đầu tư xây dựng, kế hoạch sản xuất kinh doanh;

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực trong quản lý, điều hành nhằm phát hiện rủi ro, tiềm tàng hoặc thiếu sót, từ đó góp ý cho công tác quản trị trong việc áp dụng các biện pháp hạn chế rủi ro trong hoạt động kinh doanh; kiểm tra tính hiệu quả của việc sử dụng nguồn vốn trong các khoản đầu tư;

- Thẩm định Báo cáo tài chính riêng, báo cáo tài chính quý, 6 tháng và báo cáo tài chính năm theo quy định;

- Tham gia đóng góp ý kiến, sửa đổi, bổ sung ban hành mới các dự thảo quy chế, quy trình của đơn vị;

- Giám sát việc thực hiện tổ chức công tác kế toán, thống kê, công tác lập báo cáo đảm bảo đúng qui định pháp luật và điều lệ hoạt động của Công ty.

- Thực hiện các công tác khác theo chức năng nhiệm vụ.

IV. NHẬN XÉT

Trên cơ sở thẩm định Báo cáo tình hình kinh doanh, Báo cáo tài chính năm 2025, Ban Kiểm soát đưa ra một số nhận xét như sau:

Hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty cũng như các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các lĩnh vực hoạt động phù hợp với giấy phép đăng ký kinh doanh và được thể hiện rõ ràng, minh bạch trong báo cáo. Ban Kiểm soát không phát hiện bất cứ trường hợp bất thường nào trong hoạt động kinh doanh và tài chính của Công ty.

Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và định giá Việt Nam (AVA) thực hiện.

Báo cáo tài chính của Công ty bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Bản thuyết minh báo cáo tài chính được lập đầy đủ, bảo đảm tính chính xác, trung thực, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam.

V. KIẾN NGHỊ:

1. Đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán của Công ty.

2. Đề nghị công ty có phương án xử lý dứt điểm chi phí xây dựng dở dang 2 hạng mục: Hệ thống van NMTĐ Tà Cọ giá trị 3.711.150.000 đồng và Hạng mục Hệ thống đập cao su NMTĐ Tà Cọ 3.642.106.569 đồng.

3. Trên cơ sở kế hoạch SXKD năm 2026 được ĐHĐCĐ phê duyệt, Công ty cần xây dựng chương trình hành động, kế hoạch triển khai phần đầu hoàn thành vượt mức kế hoạch đã được ĐHĐCĐ đề ra đảm bảo phát triển nguồn vốn và gia tăng lợi ích cho cổ đông, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động.

VI. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2026:

Để hoàn thành nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo qui định điều lệ của Công ty và Đại hội đồng cổ đông giao, Ban kiểm soát xây dựng kế hoạch hoạt động trong năm 2026 tập trung vào một số nhiệm vụ quan trọng, chủ yếu sau:

1. Định kỳ kiểm tra giám sát việc thực hiện, chấp hành các chính sách, chế độ qui định của Nhà nước, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết, quyết định đã được HĐQT Công ty ban hành.

2. Kiểm tra, kiểm soát báo cáo tài chính, công tác hạch toán kế toán, kiểm soát chỉ tiêu tài chính.

3. Theo dõi, kiểm soát việc thực hiện qui chế nội bộ của Công ty.

4. Thực hiện các công tác đột xuất khác mà HĐQT hoặc các cổ đông yêu cầu trong phạm vi chức năng của Ban kiểm soát được qui định.

5. Trên cơ sở kiểm tra hoạt động của Công ty, Ban kiểm soát sẽ kiến nghị với HĐQT và Ban giám đốc Công ty để có các điều chỉnh, bổ sung các giải pháp nhằm đảm bảo cho công tác quản lý được chặt chẽ, đúng qui định, tránh các rủi ro về pháp lý cũng như công tác quản trị doanh nghiệp trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

6. Giám sát việc thực hiện nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp nhà nước đúng qui định.

7. Giám sát việc thực hiện phân chia cổ tức theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông.

Trên đây là báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2025 và Phương hướng hoạt động năm 2026 của Ban kiểm soát Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh Báo cáo Đại hội cổ đông thường niên năm 2026 xem xét.

Kính chúc Quý cổ đông sức khỏe, thành đạt, hạnh phúc.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi gửi:

- Các Cổ đông;
- HĐQT, BKS, BGĐ;
- Lưu.

**T.M BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Văn Minh

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN BẮC MINH**

Số: *AA* /TTr-HDQT-SBM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày *11* tháng *4* năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Bắc Minh được sửa đổi và thông qua ngày 22 tháng 04 năm 2025;
- Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025 của Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Bắc Minh ngày 03 tháng 03 năm 2026.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026 thông qua nội dung: **Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025 của Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Bắc Minh như sau:**

1. Báo cáo tài chính năm 2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) (BCTC năm 2025 được kiểm toán đính kèm);

2. Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) tiến hành kiểm toán theo đúng chuẩn mực quy định, được Ban kiểm soát Công ty kiểm tra và được HĐQT Công ty công bố trên website của Công ty bao gồm:

- Báo cáo của Ban giám đốc;
- Báo cáo Kiểm toán;
- Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2025;
- Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi gửi:

- Như trên;
- HĐQT; BKS;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Thị Thanh Hương



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v: Lựa chọn Đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Bắc Minh được sửa đổi và thông qua ngày 22 tháng 04 năm 2025;
- Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025 của Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Bắc Minh ngày 03 tháng 03 năm 2026;
- Tờ trình số 12/TTr-QLCD-SBM ngày 12 tháng 3 năm 2026 của Giám đốc công ty về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026;

Ban kiểm soát Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh (SBM) kính trình Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCD) thường niên năm 2026 thông qua nội dung: **Lựa chọn Đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026:**

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông giao cho Giám đốc Công ty lựa chọn 01 (một) trong 03 (ba) đơn vị kiểm toán nằm trong danh sách các đơn vị đủ điều kiện kiểm toán theo công bố của Ủy ban chứng khoán nhà nước năm 2026 sau đây:

- 1 Công ty TNHH Hăng kiểm toán AASC
1. Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA)
2. Công ty TNHH Kiểm toán An Việt

Giao cho Giám đốc Công ty lựa chọn và đàm phán với Công ty Kiểm toán, báo cáo Hội đồng quản trị Công ty chấp thuận trước khi ký hợp đồng.

Ban kiểm soát SBM kính trình ĐHĐCD xem xét và thông qua.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi gửi:

- Như trên;
- HĐQT; BKS;
- Lưu.

**T/M BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Văn Minh

Số: ~~122~~/TTr-HĐQT-SBM

Hà Nội, ngày ~~01~~ tháng ~~1~~ năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v: Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh;

Căn cứ Quy chế quản trị Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc;

Căn cứ tình hình thực hiện kế hoạch năm 2025, HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 với chỉ tiêu chính như sau:

1. Các chỉ tiêu chính kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Giá trị
1	Điện thương phẩm	kWh	193.528.294
2	Doanh thu	Đồng	257.524.080.133
3	Tổng chi phí	Đồng	139.497.726.702
4	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	118.026.353.431
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Đồng	14.883.108.809
6	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	103.143.244.622
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng/CP	2.290

(Chi tiết như phụ lục kèm theo)

2. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT, trên cơ sở đánh giá kết quả thực tế sản xuất kinh doanh 9 tháng năm 2026 và dự kiến kết quả thực hiện kế hoạch năm 2026, xem xét phê duyệt điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 đảm bảo tính khả thi và phù hợp với tình hình thực tế. Trường hợp quyết định thông qua phê duyệt điều chỉnh kế hoạch năm 2026, HĐQT có trách nhiệm công bố thông tin theo quy định pháp luật và báo cáo việc điều chỉnh kế hoạch năm 2026 tại cuộc họp ĐHĐCĐ gần

nhất của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét phê duyệt.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Ban kiểm soát;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 
CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Thanh Hương

1021
CÔNG
CỔ P
TƯ PH
ẮC
PH

Phụ lục 01

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT ĐIỆN THƯƠNG PHẨM NĂM 2026
(Kèm theo Tờ trình số: *127*/TTr-HĐQT-SBM ngày *01/11* /2026)

TT	Nhà máy thủy điện	ĐVT	Sản lượng điện (kWh) phát				
			Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Cả năm
1	Suối Sập 3	kWh	3.831.301	7.001.990	22.416.550	10.391.787	43.641.628
2	Tà Cọ	kWh	8.157.068	16.928.287	47.341.980	25.755.539	98.182.874
3	Thoong Gót	kWh	2.172.955	2.075.116	3.566.906	3.244.414	11.059.391
4	Nà Tấu	kWh	910.691	3.947.475	7.940.250	2.546.909	15.345.325
5	Nậm Công 3	kWh	2.092.383	4.298.191	12.129.940	6.778.562	25.299.076
	Cộng	kWh	17.164.397	34.251.060	93.395.626	48.717.211	193.528.294

855

3. T
HÀN
AT T
AIN

V

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026
(Kèm theo Tờ trình số 13/Tr-HDQT-SBM ngày 01/14/2026)

Đơn vị: Đồng

TT	Khoản mục	Kế hoạch SXKD năm 2025	Kế hoạch SXKD năm 2026					Tăng (+), giảm (-) so với KH điều chỉnh 2025 đã được phê duyệt
			Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Cộng	
1	Doanh thu	285.810.345.531	43.513.304.910	62.001.610.488	80.322.041.447	71.687.123.288	257.524.080.133	(28.286.265.398)
1	NMTĐ Suối Sập 3	63.322.211.048	10.714.501.665	13.694.408.491	19.185.626.935	15.383.205.930	58.977.743.021	(4.344.468.028)
2	NMTĐ Tà Cọ	149.992.412.342	21.730.398.740	31.582.626.049	40.601.689.313	38.541.706.483	132.456.420.585	(17.535.991.757)
3	NMTĐ Thoang gót	10.890.212.135	2.679.580.041	2.565.805.137	3.066.053.397	3.580.744.737	11.892.183.312	1.001.971.177
4	NMTĐ Nà Tấu	20.610.682.314	2.513.637.024	5.792.592.782	6.798.140.251	3.907.338.320	19.011.708.377	(1.598.973.937)
5	NMTĐ Nậm Công 3	39.476.815.072	5.625.187.439	8.116.178.029	10.420.531.552	10.024.127.818	34.186.024.839	(5.290.790.233)
6	Doanh thu khác	1.518.012.620	250.000.000	250.000.000	250.000.000	250.000.000	1.000.000.000	(518.012.620)
II	Chi phí	129.616.522.251	30.157.123.275	32.840.188.718	41.516.484.649	34.983.930.061	139.497.726.702	9.881.204.452
1	Lương, thưởng kết quả sản xuất kinh doanh và các khoản trích theo lương	30.461.866.464	7.895.895.293	7.895.895.293	7.895.895.293	7.895.895.293	31.583.581.174	1.121.714.709
1.1	Lương, bảo hiểm	12.822.211.450	3.232.847.250	3.232.847.250	3.232.847.250	3.232.847.250	12.931.389.000	
	Lương, bảo hiểm CBCNV văn phòng, các NMTĐ	12.572.335.090	3.170.378.160	3.170.378.160	3.170.378.160	3.170.378.160	12.681.512.640	
	Lương, bảo hiểm đội sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị	249.876.360	62.469.090	62.469.090	62.469.090	62.469.090	249.876.360	
1.2	Thưởng kết quả sản xuất kinh doanh và các khoản khác	17.639.655.014	4.663.048.043	4.663.048.043	4.663.048.043	4.663.048.043	18.652.192.174	
	Thưởng kết quả sản xuất kinh doanh và các khoản khác CBCNV văn phòng, các NMTĐ	16.984.186.899	4.495.113.576	4.495.113.576	4.495.113.576	4.495.113.576	17.980.454.302	
	Thưởng kết quả sản xuất kinh doanh và các khoản khác đội sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị	655.468.115	167.934.468	167.934.468	167.934.468	167.934.468	671.737.871	
2	Thủ lao HDQT, BKS	1.647.731.250	1.150.168.086	1.150.168.086	1.150.168.086	1.150.168.086	4.600.672.344	2.952.941.094
2.1	Thủ lao HDQT, BKS chuyên trách và các chi phí khác	387.731.250	249.999.564	249.999.564	249.999.564	249.999.564	999.998.256	612.267.006
2.2	Thủ lao HDQT, BKS không chuyên trách và các chi phí khác	1.260.000.000	900.168.522	900.168.522	900.168.522	900.168.522	3.600.674.088	2.340.674.088
3	Nguyên vật liệu, nhiên liệu chung	139.705.205	50.000.000	50.000.000	50.000.000	50.000.000	200.000.000	

TT	Khoản mục	Kế hoạch SXKD năm 2025	Kế hoạch SXKD năm 2026					Tăng (+), giảm (-) so với KH điều chỉnh 2025 đã được phê duyệt
			Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Cộng	
4	Dụng cụ sản xuất	391.182.549	125.000.000	125.000.000	125.000.000	125.000.000	500.000.000	
5	Khấu hao TSCĐ (*)	37.240.571.692	9.313.654.188	9.498.593.597	9.527.760.264	9.527.336.284	37.867.344.333	626.772.641
6	Thuế, phí, lệ phí	35.383.879.866	3.283.129.818	5.781.255.852	14.428.385.116	7.896.254.509	31.389.025.296	(3.994.854.570)
6.1	Thuế tài nguyên	24.262.059.335	1.891.572.801	3.774.578.980	10.292.503.864	5.368.796.200	21.327.451.846	
6.2	Phí môi trường rừng	7.964.196.149	617.918.304	1.233.038.159	3.362.242.539	1.753.819.596	6.967.018.598	
6.3	Phí cấp phép khai thác TN nước	2.958.070.980	729.382.220	729.382.220	729.382.220	729.382.220	2.917.528.880	
6.4	Thuế phí khác	199.553.402	44.256.493	44.256.493	44.256.493	44.256.493	177.025.972	
7	Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.350.000.000	1.087.500.000	1.087.500.000	1.087.500.000	1.087.500.000	4.350.000.000	-
7.1	Điện, nước	1.050.000.000	262.500.000	262.500.000	262.500.000	262.500.000	1.050.000.000	-
7.2	Điện thoại, cước thuê kênh	300.000.000	75.000.000	75.000.000	75.000.000	75.000.000	300.000.000	-
7.3	Dịch vụ mua ngoài khác	3.000.000.000	750.000.000	750.000.000	750.000.000	750.000.000	3.000.000.000	-
8	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.250.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000	6.000.000.000	750.000.000
9	Chi phí bằng tiền khác	2.000.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000	2.000.000.000	-
10	Chi phí sửa chữa thường xuyên và sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, kiểm định, tư vấn cấp giấy phép	8.574.757.452	4.132.080.863	4.132.080.863	4.132.080.863	4.132.080.863	16.528.323.452	7.953.566.000
10.1	Vật tư sửa chữa thường xuyên	2.000.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000	2.000.000.000	-
10.2	Sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, kiểm định định kỳ, tư vấn cấp giấy phép	6.574.757.452	3.632.080.863	3.632.080.863	3.632.080.863	3.632.080.863	14.528.323.452	7.953.566.000
11	Chi phí vận hành tàu hút bùn	1.900.000.000	550.000.000	550.000.000	550.000.000	550.000.000	2.200.000.000	300.000.000
11.1	Nguyên liệu	800.000.000	250.000.000	250.000.000	250.000.000	250.000.000	1.000.000.000	
11.2	Chi phí sửa chữa, vận hành tàu hút bùn	1.100.000.000	300.000.000	300.000.000	300.000.000	300.000.000	1.200.000.000	
12	Lãi vay (*)	2.276.827.772	569.695.026	569.695.026	569.695.026	569.695.026	2.278.780.104	
12.1	Lãi vay dài hạn	151.552.631	57.847.851	57.847.851	57.847.851	57.847.851	231.391.404	
12.2	Lãi vay ngắn hạn	2.125.275.141	511.847.175	511.847.175	511.847.175	511.847.175	2.047.388.700	
III	Lợi nhuận trước thuế	156.193.823.281	13.356.181.635	29.161.421.770	38.805.556.799	36.703.193.227	118.026.353.431	(38.167.469.850)
	Thuế TNDN	15.717.925.943	1.684.212.879	3.677.251.738	4.893.375.991	4.628.268.201	14.883.108.809	(834.817.134)
IV	Lợi nhuận sau thuế	140.475.897.337	11.671.968.755	25.484.170.033	33.912.180.808	32.074.925.026	103.143.244.622	(37.332.652.715)

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức và trích lập các quỹ

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

- Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Bắc Minh được sửa đổi và thông qua ngày 22 tháng 04 năm 2025;

- Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025 của Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Bắc Minh ngày 03 tháng 03 năm 2026.

- Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 và quy định về tỷ lệ trích lập các quỹ trong Điều lệ công ty.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026 thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025, chia cổ tức và trích lập các quỹ của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh như sau:

DVT: Việt Nam đồng

TT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ %	Số tiền	Ghi chú
I	Lợi nhuận năm 2025			
1	Lũy kế LNST đến năm 2024 chuyển sang		73.334.354.264	
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2025		146.500.299.191	
	Lũy kế lợi nhuận sau thuế		219.834.653.455	
II	Phân phối lợi nhuận và chia cổ tức	100	219.834.653.455	



1	Quỹ đầu tư phát triển năm 2025	0	0	Tính đến ngày 01/04/2026, Quỹ đầu tư phát triển còn dư 8.069.702.570 đồng
2	Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2025	0,95	2.083.783.026	Tính đến ngày 01/04/2026, Quỹ khen thưởng phúc lợi còn dư 566.214.805 đồng
3	Chia cổ tức năm 2025 bằng tiền với tỉ lệ 30% vốn điều lệ, trong đó:	61,47	135.134.859.000	
	<i>Trong đó:</i>			
3.1	Đã tạm ứng cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 30% vốn điều lệ. Cụ thể như sau			
	<i>Tạm ứng cổ tức năm 2025 bằng tiền (với tỉ lệ 10% vốn điều lệ) theo nghị quyết số 80/NQ-HĐQT-SBM ngày 29/07/2025</i>		45.044.953.000	<i>Đã chi trả trong quý III/2025</i>
	<i>Tạm ứng cổ tức năm 2025 đợt 2 bằng tiền (với tỉ lệ 10% vốn điều lệ) theo nghị quyết số 99/NQ-HĐQT-SBM ngày 31/10/2025</i>		45.044.953.000	<i>Đã chi trả trong quý IV/2025</i>
	<i>Tạm ứng cổ tức năm 2025 đợt 3 bằng tiền (với tỉ lệ 10% vốn điều lệ) theo nghị quyết số 02/NQ-HĐQT-SBM ngày 12/01/2026</i>		45.044.953.000	<i>Đã chi trả trong quý I/2026</i>
3.2	Còn lại phải chi trả		0	
	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	37,58	82.616.011.429	

Kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị SBM căn cứ tình hình thực tế của Công ty xem xét tạm ứng cổ tức năm 2026 cho các cổ đông với mức cổ tức không quá 30% Vốn điều lệ, để mang lại lợi ích tối đa cho cổ đông, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

552
T Y
AN
T TRU
INH
H P

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi gửi:

- Như trên;
- HĐQT; BKS;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Thanh Hương



TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua về thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026

Hội đồng quản trị (HĐQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2026 thông qua mức thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát (BKS) của Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Bắc Minh như sau:

I/ Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2025

1.1. Kế hoạch được duyệt trả:

- Thù lao HĐQT, BKS được ĐHĐCĐ TN 2025 thông qua:

TT	Chức danh	Số lượng	Số tháng	Thù lao và chi phí khác (Đồng/người)		Tổng số tiền thù lao (Đồng)
				Thù lao	Chi phí khác	
I	Hội đồng quản trị					1.080.000.000
1	Thành viên HĐQT	5	12	3.000.000	15.000.000	1.080.000.000
II	Ban kiểm soát					485.700.000
1	Trưởng ban	1	12	25.475.000		305.700.000
2	Thành Viên	2	12	1.500.000	6.000.000	180.000.000
	Cộng					1.565.700.000

- Quyết định số 02/QĐ-HĐQT-SBM ngày 10/01/2025 của Hội đồng quản trị: Duyệt chi tiền thưởng (tương đương 01 tháng lương) cho HĐQT và BKS là 130.475.000 đồng.

- Các khoản bảo hiểm trích theo lương đối với Trưởng ban kiểm soát chuyên trách với tổng số tiền là 32.077.500 đồng.

1.2 Tổng chi trả thù lao và chi phí khác theo thực tế năm 2025:

- Tổng chi trả thù lao HĐQT, BKS là: 1.696.175.000 Đồng

+ Thù lao HĐQT là: 1.170.000.000 đồng

+ Thù lao BKS là: 526.175.000 đồng



- Các khoản bảo hiểm trích theo lương đối với Trưởng ban kiểm soát chuyên trách với tổng số tiền là 32.077.500 đồng.

II/ Dự toán thù lao và chi phí khác của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2026:

2.1 Thù lao và chi phí khác:

TT	Chức danh	Số lượng	Số tháng	Thù lao và chi phí khác (Đồng/người)	Tổng số tiền thù lao (Đồng)
I	Hội đồng quản trị				3.543.460.800
1	Chủ tịch chuyên trách	1	12	95.288.400	1.143.460.800
2	Thành viên HĐQT	4	12	50.000.000	2.400.000.000
II	Ban kiểm soát				965.700.000
1	Trưởng ban	1	12	40.475.000	485.700.000
2	Thành viên	2	12	20.000.000	480.000.000
	Cộng				4.509.160.800

2.2 Tổng chi phí đóng nộp bảo hiểm năm 2026 đối với:

+ Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách: 57.213.288 đồng.

+ Trưởng ban kiểm soát chuyên trách: 34.298.256 đồng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét và thông qua.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi gửi:

- Như trên;
- HĐQT; BKS;
- Lưu.

T/M. HỘI ĐỒNG QUN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Thanh Hương

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua giao dịch với các bên có liên quan

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026 - SBM

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ - CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư 116/2020/TT - BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ - CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bắc Minh;

Hội đồng quản trị SBM kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 - SBM Thông qua hợp đồng, giao dịch với các bên liên quan năm 2026, có giá trị thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều lệ Công ty, Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020, Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật chứng khoán 2019 (ngoại trừ các hợp đồng bị cấm thực hiện theo quy định của pháp luật, nếu có). Cụ thể như sau:

TT	Tên tổ chức	Mối quan hệ liên quan tới Công ty	Mã số doanh nghiệp, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch
1	Tổng công ty Điện lực	Cổ đông lớn sở	0100100417	Số 11 phố Cửa Bắc,	Hợp đồng mua bán	Theo sản lượng



TT	Tên tổ chức	Mối quan hệ liên quan tới Công ty	Mã số doanh nghiệp, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch
	miền Bắc (EVNNPC)	hữu trên 10%		Phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội	điện	điện thực tế

ĐHĐCĐ giao cho Hội đồng quản trị và cho phép Hội đồng quản trị giao cho Giám đốc của SBM thực hiện:

- Quyết định các điều khoản và điều kiện cụ thể của Giao dịch và các hợp đồng, thỏa thuận, tài liệu có liên quan đến Giao dịch, kể cả các thỏa thuận sửa đổi, bổ sung, chấm dứt, thay thế Giao dịch (nếu có); và

- Ký kết và thực hiện các Giao dịch và các hợp đồng, thỏa thuận, tài liệu có liên quan đến các giao dịch, kể cả các thỏa thuận sửa đổi, bổ sung, chấm dứt, thay thế các Giao dịch (nếu có).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi gửi:

- Như trên;
- HĐQT; BKS;
- Lưu.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Thanh Hương



TỜ TRÌNH

V/v: Sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế quản trị, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan;

Căn cứ Thông tư 116/2020/TT - BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ - CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh được ban hành và thông ngày 22/04/2025;

Căn cứ Quy chế quản trị của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh được ban hành và thông ngày 15/06/2021;

Hội đồng quản trị SBM kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc sửa đổi và ban hành các văn bản pháp lý nhằm phù hợp với Pháp luật hiện hành cũng như định hướng phát triển của SBM như sau:

I. Điều lệ tổ chức và hoạt động:

- Bổ sung nội dung Khoản 35.5, Điều 35. Cơ cấu Hội đồng quản trị
- Lược bỏ Khoản 39.5, 39.6, Điều 39. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

II. Quy chế quản trị: Sửa đổi các Điều khoản tại Quy chế như sau:

- Sửa đổi Điểm e, Khoản 4, Khoản 7, Điều 21. Quyền hạn và nhiệm vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- Lược bỏ Khoản 9, Điều 22. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị.

III. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị:

Kiểm toàn lại nội dung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị theo Khoản 20, Điều 310 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan.

(Toàn văn các văn bản pháp lý và Phụ lục kèm theo)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi gửi:

- Như trên;
- HĐQT; BKS;
- Lưu.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Thanh Hương

PHỤ LỤC
CHI TIẾT NỘI DUNG SỬA ĐỔI CÁC VĂN BẢN TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
(Kèm theo Tờ trình số: 127/TTr-HĐQT-SBM ngày 01 / 7 /2026)

TT	Văn bản hiện hành	Văn bản sửa đổi	Tham chiếu
I	ĐIỀU LỆ CÔNG TY		
		<p>Bổ sung Khoản 35.5, Điều 35. Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>35.5. Người phụ trách quản trị công ty</p> <p>35.5.1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>35.5.2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.</p> <p>35.5.3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông.</p> <p>b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát.</p> <p>c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp.</p> <p>d) Tham dự các cuộc họp.</p> <p>đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật.</p>	<p>Căn cứ Điều 278, Nghị định 155/2020/NĐ-CP</p>

		<p>e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát.</p> <p>g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty.</p> <p>h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan.</p> <p>i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p>k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	
1.1	<p>Điều 39. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>39.5 Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị đã được thông qua trước thời điểm diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên đó vẫn được coi là có hiệu lực.</p>	Lược bỏ Khoản 39.5; 39.6 Điều 39	<p>Căn cứ:</p> <p>Khoản 2</p> <p>Điều 138 và</p> <p>Khoản 4,</p> <p>Điều 160</p> <p>Luật doanh nghiệp 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan</p>

	<p>39.6. Trong nhiệm kỳ, Cổ đông là pháp nhân có quyền thay đổi người đại diện quản lý phần vốn của mình tại Công ty nếu người đó đang là thành viên Hội đồng quản trị theo yêu cầu của Cổ đông là pháp nhân, hoặc do người đại diện đó bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm.</p> <p>Trong trường hợp này chức danh thành viên Hội đồng quản trị mặc nhiên được kế thừa cho người đại diện mới của cổ đông pháp nhân đó. Cổ đông pháp nhân phải gửi văn bản thông báo về việc thay thế người đại diện của mình cho Hội đồng quản trị Công ty trước 15 ngày để Hội đồng quản trị Công ty biết. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo thay đổi người đại diện, Hội đồng quản trị sẽ có văn bản xác nhận việc thay thế. Nếu quá thời hạn trên, Hội đồng quản trị Công ty không có văn bản xác nhận thì việc thay thế của cổ đông pháp nhân đương nhiên có hiệu lực</p>		
II	QUY CHẾ QUẢN TRỊ		
2.1	<p>Điều 21. Quyền hạn và nhiệm vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, cụ thể:</p>	<p>Điều 21. Quyền hạn và nhiệm vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Lược bỏ nội dung “Phê duyệt các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị” tại Điểm e. Khoản 4, Điều 21. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty 	<p>Căn cứ:</p> <p>- Khoản 2, Điều 153 và Khoản 3, Điều 156 Luật doanh nghiệp</p>

TT	Văn bản hiện hành	Văn bản sửa đổi	Tham chiếu
		<p>Bổ sung Khoản 7, Điều 21. Người phụ trách quản trị Công ty</p> <p>7. Người phụ trách quản trị công ty</p> <p>7.1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>7.2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.</p> <p>7.3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông. b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát. c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp. d) Tham dự các cuộc họp. đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật. e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát. 	<p>Điều chỉnh theo Quy chế mẫu quy định tại Thông tư 116/2020/T T-BTC</p>

TT	Văn bản hiện hành	Văn bản sửa đổi	Tham chiếu
		g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty. h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan. i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.	
2.2	Điều 22. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị 9. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một thành viên mới để thay thế thành viên hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi miễn và thành viên này phải được chấp thuận tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông ngay sau đó. Ngay khi được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày thành viên này được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.	Lược bỏ Khoản 9, Điều 22	Căn cứ: Khoản 2 Điều 138 và Khoản 4, Điều 160 Luật doanh nghiệp 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN BẮC MINH
BAC MINH DEVELOPMENT INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: Số 3, An Dương, Phường Hồng Hà, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (024) 37764615

Website: sbm.com.vn

Email: bacminh.sbm@gmail.com

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN BẮC MINH
(Ban hành tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026)

Hà Nội, tháng 04 năm 2026

MỤC LỤC

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	1
Điều 1. Định nghĩa.....	1
CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI GIAN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	3
Điều 2. Tên, Hình thức, Trụ sở, Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Thời gian hoạt động và người đại diện theo pháp luật của công ty	3
Điều 3. Người đại diện theo Pháp luật của Công ty	3
CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	4
Điều 4. Mục tiêu hoạt động và ngành nghề kinh doanh của Công ty	4
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động.....	4
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	5
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, các loại chứng khoán khác	5
Điều 7. Chứng chỉ cổ phiếu.....	6
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	7
Điều 9. Sổ đăng ký cổ đông.....	7
Điều 10. Chuyển nhượng cổ phần	8
Điều 11. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông.....	8
Điều 12. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty	9
Điều 13. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại.....	9
Điều 14. Thu hồi cổ phần	10
CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT.....	11
Điều 15. Cơ cấu tổ chức quản lý	11
CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	11

Điều 16. Quyền hạn của cổ đông.....	11
Điều 17. Nghĩa vụ của các cổ đông.....	13
Điều 18. Đại hội đồng cổ đông.....	14
Điều 19. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 20. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 21. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 22. Mời họp Đại hội đồng cổ đông.....	19
Điều 23. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 24. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 25. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.....	20
Điều 26. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	23
Điều 27. Điều kiện để nghị quyết được thông qua.....	23
Điều 28. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	24
Điều 29. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	26
Điều 30. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	27
Điều 31. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	27
CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	28
Điều 32. Hội đồng quản trị	28
Điều 33. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị	29
Điều 34. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị...	30
Điều 35. Chủ tịch Hội đồng quản trị	30
Điều 36. Cuộc họp Hội đồng quản trị.....	32
Điều 37. Biên bản họp Hội đồng quản trị.....	34
Điều 38. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị ...	35
Điều 39. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	35
CHƯƠNG VIII. GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC.....	36

Điều 40. Tổ chức bộ máy quản lý	36
Điều 41. Giám đốc công ty	36
CHƯƠNG IX. QUYỀN LỢI VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ	37
Điều 42. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc.....	37
Điều 43. Công khai các lợi ích liên quan	38
Điều 44. Trách nhiệm của người quản lý công ty	39
Điều 45. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận	39
Điều 46. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc	40
CHƯƠNG X. BAN KIỂM SOÁT	41
Điều 47. Ban Kiểm soát.....	41
Điều 48. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên	42
Điều 49. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát.....	43
Điều 50. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát	43
Điều 51. Tiền lương, thù lao, thưởng và quyền lợi khác của Kiểm soát viên.....	44
Điều 52. Trách nhiệm của Kiểm soát viên	44
Điều 53. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.....	45
CHƯƠNG XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	46
Điều 54. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	46
CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	46
Điều 55. Công nhân viên và công đoàn.....	47
CHƯƠNG XIII. THỐNG KÊ, KẾ TOÁN, TÀI CHÍNH, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	47
Điều 56. Năm tài chính.....	47
Điều 57. Hệ thống kế toán	47
Điều 58. Việc trích lập quỹ.....	47

Điều 59. Cổ tức.....	47
CHƯƠNG XIV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	48
Điều 60. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	48
Điều 61. Báo cáo thường niên	49
Điều 62. Công khai và công bố thông tin	49
CHƯƠNG XV. CON DẤU	49
Điều 63. Con dấu	49
CHƯƠNG XVI. GIẢI THỂ DOANH NGHIỆP.....	49
Điều 64. Các trường hợp và điều kiện giải thể doanh nghiệp	49
Điều 65. Điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ giải thể doanh nghiệp	50
Điều 66. Thanh lý	50
CHƯƠNG XVII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	51
Điều 67. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	51
CHƯƠNG XVIII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	52
Điều 68. Nguyên tắc áp dụng Điều lệ Công ty	52
Điều 69. Thể thức sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty	52
Điều 70. Điều khoản cuối cùng	52

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN BẮC MINH**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các quy định khác của pháp luật hiện hành;

Điều lệ tổ chức và hoạt động này (sau đây gọi tắt là "Điều lệ") của Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Bắc Minh (sau đây được gọi tắt là "Công ty") là cơ sở pháp lý cho mọi hoạt động của Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Bắc Minh. Các quy định của Công ty, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị nếu đã được thông qua hợp lệ phù hợp với quy định tại Điều lệ này và các quy định pháp luật sẽ có hiệu lực bắt buộc thi hành trong các hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 - Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Bắc Minh ngày 24 tháng 04 năm 2026.

CHƯƠNG I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

Trong Điều lệ này, các thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

a) *Vốn điều lệ* của Công ty hiện tại được quy định tại Điều 6 của Điều lệ này và là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi Công ty tăng vốn điều lệ hoặc là tổng mệnh giá cổ phần đã bán còn lại khi công ty giảm vốn điều lệ;

b) *Vốn có quyền biểu quyết* là cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

đ) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

e) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

g) *Người điều hành doanh nghiệp* là Giám đốc, Phó giám đốc Kế toán trưởng/Người phụ trách kế toán và người điều hành khác (người đứng đầu, chịu trách nhiệm về một lĩnh vực hoạt động của Công ty) theo quy định của Điều lệ công ty;

h) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;

i) *Người có quan hệ gia đình* là cá nhân được quy định tại khoản 22 Điều 4 Luật doanh nghiệp

k) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật doanh nghiệp;

l) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;

m) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập của Công ty;

n) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

o) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;

p) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con của Sở Giao dịch chứng khoán.

q) *Đơn vị phụ thuộc* là các chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

CHƯƠNG II

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI GIAN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, Hình thức, Trụ sở, Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Thời gian hoạt động và người đại diện theo pháp luật của công ty

2.1. Tên công ty:

Tên viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN BẮC MINH

Tên viết bằng tiếng Anh: BAC MINH DEVELOPMENT INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: SBM.JSC

2.2. Công ty là công ty cổ phần theo Luật doanh nghiệp có tư cách pháp nhân độc lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các quy định hiện hành khác có liên quan của pháp luật nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

2.3. Trụ sở đăng ký của Công ty

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 03, An Dương, phường Hồng Hà, thành phố Hà Nội

- Điện thoại: (024) 37 764 615

- Email: bacminh.sbm@gmail.com

- Website: sbm.com.vn

2.4. Công ty có thể thành lập Chi nhánh, Văn phòng Đại diện, địa điểm kinh doanh hoặc các công ty con tại địa bàn kinh doanh trong và ngoài nước để thực hiện các mục tiêu của Công ty phù hợp với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trong phạm vi Luật pháp cho phép.

2.5. Trừ khi chấm dứt hoạt động theo Điều 64 của Điều lệ này, thời gian hoạt động của Công ty là không xác định thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo Pháp luật của Công ty

3.1 Giám đốc là người đại diện theo Pháp luật của Công ty.

3.2 Quyền hạn và nghĩa vụ của Người đại diện theo Pháp luật: Căn cứ theo Luật doanh nghiệp và pháp luật hiện hành về Người đại diện theo Pháp luật của Công ty cổ phần.

Tại thời điểm thông qua Điều lệ này công ty chỉ có 01 đại diện theo pháp luật là Giám đốc Công ty, Công ty có thể có nhiều hơn 01 đại diện theo pháp luật nếu được Đại hội đồng cổ đông quyết định thông qua việc công ty có nhiều hơn 01 đại diện theo pháp luật.

CHƯƠNG III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động và ngành nghề kinh doanh của Công ty

4.1. Mục tiêu hoạt động của công ty:

- Tập trung vốn, nguồn lực để đầu tư xây dựng các nhà máy thủy điện vừa và nhỏ theo các hình thức BOO, BOT nhằm mục tiêu tìm kiếm lợi nhuận

- Kinh doanh đúng ngành nghề, đảm bảo tuân thủ pháp luật với mục tiêu có lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn đầu tư tại Công ty; tối đa hoá lợi nhuận, phát triển hoạt động sản xuất, kinh doanh, đem lại lợi ích tối ưu cho các cổ đông, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế Nhà nước theo quy định, đồng thời đem lại việc làm và không ngừng cải thiện thu nhập cho người lao động.

- Tối đa hoá hiệu quả hoạt động của toàn Công ty; đa dạng hoá ngành nghề sản xuất, kinh doanh; tạo việc làm và thu nhập cho người lao động

- Nâng cao tính cạnh tranh của Công ty nhằm xây dựng và phát triển Công ty có tiềm lực kinh tế mạnh, ổn định.

4.2. Các lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty:

- Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện; Sản xuất kinh doanh điện năng,

- Tư vấn quản lý và giám sát xây dựng các công trình thủy điện có công suất đến 30 MW,

- Tư vấn khảo sát, lập dự án đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng đường dây và trạm biến áp đến 110 kV.

Khi cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định việc mở rộng hay chuyển đổi phạm vi hoạt động kinh doanh cho phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

5.1. Công ty được phép lập kế hoạch, tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, tự quyết định việc thay đổi ngành nghề đăng ký kinh doanh, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp với cơ quan đăng ký kinh doanh phù hợp với quy định của pháp luật và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được mục tiêu của Công ty.

5.2. Công ty có quyền tiến hành hoạt động kinh doanh trong những ngành nghề khác mà pháp luật không cấm và HĐQT xét thấy có lợi cho Công ty. Trong trường hợp ngành nghề kinh doanh của Công ty là ngành nghề kinh doanh có điều kiện thì Công ty chỉ được thực hiện hoạt động kinh doanh khi đã đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG IV

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, các loại chứng khoán khác

6.1 Việc điều chỉnh vốn điều lệ của Công ty do Đại hội đồng Cổ đông thông qua vào từng thời điểm, được ghi nhận trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, và được công bố theo quy định của Pháp luật. Vốn điều lệ thay đổi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, sau khi thực góp sẽ được tự cập nhật trong Điều lệ này mà không cần phải thông qua sửa đổi Điều lệ.

Vốn điều lệ hiện tại của Công ty được quy định chi tiết trong **Phụ lục 01** đi kèm Điều lệ này. Quy định về vốn điều lệ trong **Phụ lục 01** tự động điều chỉnh khi các cổ phần mới được phép phát hành theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

6.2. Công ty có thể tăng hoặc giảm vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và việc thay đổi vốn điều lệ (tăng, giảm) phải đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật.

6.3. Tất cả các cổ phần do Công ty phát hành vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của Cổ đông nắm giữ cổ phần được quy định tại Điều 16, Điều 17 Điều lệ này.

6.4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi theo quy định của Luật doanh nghiệp sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

6.5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật chứng khoán được nêu tại **Phụ lục số 01** đính kèm. Phụ lục này là một phần không thể tách rời của Điều lệ này.

6.6 Cổ phần phổ thông phát hành thêm phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác hoặc Luật doanh nghiệp có quy định khác.

6.7. Trong trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của mỗi cổ đông thì Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường

hợp việc bán cổ phần theo các điều kiện thuận lợi hơn được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác hoặc trong trường hợp số cổ phần do Hội đồng quản trị được quyền bán được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

6.8. Công ty có thể mua lại cổ phần của cổ đông theo yêu cầu của cổ đông hoặc theo quyết định của Công ty. Việc mua lại cổ phần được thực hiện theo quy định tại Điều 131, Điều 132 và Điều 133 của Luật Doanh nghiệp. Việc mua lại cổ phần của Công ty phải đảm bảo các điều kiện theo quy định tại Điều 134 của Luật doanh nghiệp. Cổ phần do Công ty mua lại được coi là cổ phần chưa bán và có thể được Hội đồng quản trị chào bán theo hình thức được Đại hội đồng cổ đông cho phép và phù hợp với quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

6.9. Công ty được quyền phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và pháp luật về doanh nghiệp.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

7.1. Cổ đông của Công ty được cấp Chứng nhận cổ phiếu hoặc Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần hoặc bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần mà Cổ đông đang sở hữu.

7.2. Cổ phiếu của Công ty là loại chứng khoán do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty đối với cổ đông sở hữu cổ phần. Cổ phiếu của Công ty bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của công ty;
- b) Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
- c) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
- d) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
- đ) Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty;
- e) Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của Công ty và ngày phát hành cổ phiếu;

7.3. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của Cổ đông sở hữu cổ phiếu đó không bị ảnh hưởng. Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty chỉnh sửa các sai sót này mà không phải trả chi phí. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải chịu trách nhiệm về thiệt hại (nếu có) do những sai sót đó gây ra.

7.4. Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu, Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Công ty được quyền phát hành các loại chứng khoán khác dưới dạng Chứng chỉ chứng khoán theo quy định của Luật doanh nghiệp và/hoặc Luật chứng khoán.

Điều 9. Sổ đăng ký cổ đông

9.1. Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, sổ đăng ký cổ đông của Công ty có thể được lập bằng văn bản, tập dữ liệu điện tử ghi nhận thông tin về sở hữu cổ phần của các cổ đông hoặc cả hai loại này.

9.2. Sổ đăng ký cổ đông của Công ty có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty;
- b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
- d) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Thẻ Căn cước, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
- đ) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

9.3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty hoặc Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của công ty hoặc Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC).

9.4. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời với công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.

9.5. Công ty có trách nhiệm cập nhật kịp thời thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của Cổ đông đối với các nội dung thay đổi về cổ đông, cổ phần trong Sổ đăng ký cổ đông.

Điều 10. Chuyển nhượng cổ phần

10.1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này hoặc pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

10.2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và không được hưởng các quyền lợi như đối với cổ phần đã thanh toán như quyền nhận cổ tức, quyền mua cổ phần phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

10.3. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của công ty.

10.4. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

10.5. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của công ty.

10.6. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng một phần cổ phần của mình thì cổ phiếu ghi nhận toàn bộ số cổ phần của cổ đông đó bị hủy bỏ và công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.

10.7. Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại Khoản 9.2, Điều 9 của Điều lệ này được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.

Điều 11. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

11.1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết mà cổ đông biểu quyết không thông qua.

11.2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại Khoản 11.1 Điều này với giá thị trường, hoặc giá do Hội đồng quản trị quyết định, trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận

được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 12. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

12.1. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong 12 tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;

12.2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại Khoản 12.3 Điều này. Đối với cổ phần loại khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;

12.3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong Công ty theo trình tự, thủ tục sau đây:

- Trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty.

- Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được Công ty trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

Điều 13. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại

13.1. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 11 và Điều 12 của Điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

13.2. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 11 và Điều 12 của Điều lệ này được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại Khoản 4, Điều 112 của Luật

Doanh nghiệp. Công ty phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được Công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

13.3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với Công ty.

13.4. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn 10% thì công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

Điều 14. Thu hồi cổ phần

14.1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phần, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

14.2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), phương thức thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

14.3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

14.4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại Khoản 3, Điều 112 của Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

14.5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ các quyền lợi của cổ đông đối với những cổ phần đó (nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo mức lãi suất do Công ty quyết định áp dụng tại thời điểm đó) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

14.6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 15. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức, quản lý của Công ty bao gồm:

- 15.1. Đại hội đồng cổ đông.
- 15.2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát
- 15.3. Giám đốc.

CHƯƠNG VI

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 16. Quyền hạn của cổ đông

16.1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:

- a) Tham dự và phát biểu trong các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền hoặc theo hình thức khác do pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong công ty;
- d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 của Luật doanh nghiệp và các quy định khác của Pháp luật;
- đ) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
- e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo thủ tục do Hội đồng quản trị Công ty quy định;
- g) Khi công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại công ty;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

16.2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau đây:

a) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác của Hội đồng quản trị theo thủ tục do Hội đồng quản trị Công ty quy định, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

b) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật doanh nghiệp 2020;

c) Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Các quyền khác theo quy định của Pháp luật hiện hành và Điều lệ này.

16.3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

b) Trường hợp khác (nếu có) được quy định tại Điều lệ công ty.

Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

16.4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, việc đề cử được thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông tự thỏa thuận bằng văn bản và hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

16.5. Quyền khác theo quy định của Luật doanh nghiệp

Điều 17. Nghĩa vụ của các cổ đông

17.1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

17.2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

17.3. Tuân thủ Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

17.4. Chấp hành Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

17.5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

17.6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định tại Điều lệ này hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

17.7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a) Vi phạm pháp luật;
- b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

17.8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 18. Đại hội đồng cổ đông

18.1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty

18.2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

Điều 19. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

19.1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.

19.2. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty;
- đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
- e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của cổ đông sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thực hiện;

p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản Công ty trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp trong trường hợp giá trị hợp đồng, giao dịch bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

19.3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện

bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều lệ này.

19.4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát còn lại theo quy định tại Điểm b khoản 19.3 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm c, d Khoản 19.3 Điều này.

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

19.5. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 19.4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật doanh nghiệp.

Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

19.6. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 19.5 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 16.2 Điều 16 của Điều lệ này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

19.7. Người triệu tập phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông:

a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

e) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

19.8. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các Khoản 19.4, 19.5 và 19.6 của Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Điều 20. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

20.1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.

20.2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

20.3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý Công ty phải cung cấp kịp thời thông tin sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; đồng thời chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông do Hội đồng quản trị Công ty quy định trên cơ sở thực hiện theo quy định tại pháp luật.

Điều 21. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

21.1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.

21.2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 16.2 Điều 16 của Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông hoặc thông tin tương đương, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

21.3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 21.2 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

21.4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 21.2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 21.3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 22. Mời họp Đại hội đồng cổ đông

22.1 Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông trong Sổ đăng ký cổ đông của công ty hoặc danh sách cổ đông lưu ký tại Công ty chứng khoán, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp.

22.2 Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty ở địa chỉ www.sbm.com.vn hoặc địa chỉ khác trong trường hợp công ty thay đổi địa chỉ website Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tải về tiếp cận, bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

b) Phiếu biểu quyết;

Điều 23. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

23.1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 23.3 Điều này. Trường hợp cổ đông là tổ chức chưa có người đại diện theo ủy quyền quy định tại Điều 14 của Luật Doanh nghiệp thì ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.

23.2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự theo mẫu do Công ty quy định và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

23.3. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện điện tử khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

Điều 24. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

24.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết;

24.2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.

24.3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 24.2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

24.4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 22 của Điều lệ này.

Điều 25. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành như sau:

25.1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán

thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu tiếp theo, số thẻ biểu quyết Không có ý kiến được thu cuối cùng, sau đó đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm tạm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

25.2. Việc bầu Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;

25.3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

25.4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;

25.5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng Ban kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp, trừ trường hợp

Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua việc gia hạn thời hạn công bố kết quả kiểm phiếu;

25.6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi;

25.7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có các quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền, người được phân công phụ trách an ninh cuộc họp của Công ty duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

25.8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc;

25.9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 25.8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

25.10. Trường hợp Công ty áp dụng các ứng dụng công nghệ thông tin để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 26. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

26.1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

26.2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;
- b) Định hướng phát triển Công ty;
- c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;
- đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Tổ chức lại, giải thể Công ty.

Điều 27. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

27.1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 27.3, 27.4 Điều lệ này:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

27.2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại Khoản 27.1, 27.3 và 27.4 Điều lệ này.

27.3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy

định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

27.4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

27.5. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua. Việc gửi Nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử www.sbm.com.vn của Công ty.

Điều 28. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

28.1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty; trừ trường hợp quy định theo khoản 2, Điều 147 Luật doanh nghiệp.

28.2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 141 của Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 143 của Luật Doanh nghiệp;

28.3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;
- đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty;

28.4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây:

a) Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

28.5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty.

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- đ) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm

phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

28.6. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử www.sbm.com.vn của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu;

28.7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;

28.8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 29. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

29.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội

đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt được ưu tiên áp dụng.

29.2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

29.3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

29.4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 30. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 31.2 Điều 31 của Điều lệ này;

b) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

Điều 31. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

31.1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

31.2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

31.3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 30 của Điều lệ này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết

đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

CHƯƠNG VII

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 32. Hội đồng quản trị

32.1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

32.2. Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 12.1, Khoản 12.2 Điều lệ này;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định, tại Điểm d Khoản 2 Điều 138, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác; quyết định, tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên/ Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

n) Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ này

32.3. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

32.4. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ này gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên theo khoản 4 Điều 153 Luật Doanh nghiệp.

32.5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 33. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

33.1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người.

33.2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị (bao gồm cả thành viên độc lập) là 05 năm, các thành viên Hội đồng quản trị được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế trừ trường hợp thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty (nếu có) không được bầu lại quá 02 nhiệm kỳ. Số thành viên Hội đồng quản trị phải thường trú ở Việt Nam ít nhất là 03 người.

33.3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Điều 34. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

34.1. Không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

34.2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết là cổ đông của Công ty;

34.3. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác nhưng tối đa không quá 05 công ty khác.

Điều 35. Chủ tịch Hội đồng quản trị

35.1. Hội đồng quản trị bầu một thành viên của Hội đồng quản trị làm Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty đại chúng sẽ không kiêm chức Giám đốc công ty.

35.2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.

35.3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

35.4. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d) Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;

đ) Hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

35.5. Người phụ trách quản trị công ty

35.5.1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

35.5.2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

35.5.3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông.

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát.

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp.

d) Tham dự các cuộc họp.

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật.

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát.

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty.

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan.

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. 35.6. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm.

Điều 36. Cuộc họp Hội đồng quản trị

36.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

36.2. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị họp tại trụ sở chính của Công ty hoặc ở nơi khác.

36.3. Cuộc họp của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.

36.4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên của Hội đồng quản trị;

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

36.5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 36.4 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

36.6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

36.7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

36.8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

36.9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại khoản 36.10 Điều này.
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị

chậm nhất 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

36.10. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 37. Biên bản họp Hội đồng quản trị

37.1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c) Thời gian, địa điểm họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Các vấn đề đã được thông qua;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.

Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

37.2. Trường hợp Chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 37.1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

37.3. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

37.4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt được ưu tiên áp dụng.

Điều 38. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

38.1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó Giám đốc, người quản lý các đơn vị trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

38.2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 39. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

39.1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận;

39.2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

39.3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại mục 39.1 và mục 39.2 Điều này.

39.4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số thành viên Hội đồng quản trị hiện hữu. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi

nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

CHƯƠNG VIII

GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Điều 40. Tổ chức bộ máy quản lý

Công ty sẽ ban hành Quy chế quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một Giám đốc, một hoặc một số Phó Giám đốc và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

Điều 41. Giám đốc công ty

41.1. Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

41.2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc áp dụng theo quy định tại Khoản 1, 2 Điều 64 và Khoản 5, Điều 162 của Luật Doanh nghiệp.

41.3. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị, đề xuất phương án cơ cấu tổ chức Công ty, đề xuất quy chế quản lý nội bộ của Công ty trình Hội đồng quản trị xem xét phê duyệt, ban hành;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định tiền lương, thưởng và quyền lợi khác đối với người lao động trong công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và nghị quyết của Hội đồng quản trị.

41.4. Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty (nếu có) và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

41.5. Đối với Công ty, Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
- b) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ (nếu có); người đại diện phần vốn nhà nước (nếu có) tại Công ty, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ;
- c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.

CHƯƠNG IX

QUYỀN LỢI VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 42. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc

42.1. Công ty thực hiện việc trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, trả lương cho Giám đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

42.2. Thù lao, tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc được trả theo quy định sau đây:

- a) Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên
- b) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao;
- c) Giám đốc được trả lương và tiền thưởng. Tiền lương và tiền thưởng của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

42.3. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và tiền lương của Giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 43. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai hóa lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

43.1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của Công ty theo quy định tại Khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và các giao dịch tương ứng của họ với công ty;

43.2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Công ty, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ;

43.3. Việc kê khai quy định tại Khoản 43.2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng;

43.4. Việc công khai, xem xét, trích lục, sao chép Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại Khoản 43.1 và Khoản 43.2 Điều này được thực hiện như sau:

a) Công ty phải thông báo Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;

b) Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung Danh sách nói trên tại các chi nhánh của Công ty;

c) Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai trong giờ làm việc;

d) Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại Điểm iii Khoản này tiếp cận, xem, trích lục và sao chép danh sách những người có liên quan của Công ty và những nội dung khác một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục và sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định của Hội đồng quản trị và theo quy định của pháp luật.

43.5. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Điều 44. Trách nhiệm của người quản lý công ty

44.1. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

b) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty;

c) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty. Thông báo kịp thời và đầy đủ, chính xác cho Công ty về các nội dung quy định tại mục 43.2 Điều 43 của Điều lệ này.

44.2. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 45. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận

45.1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:

a) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

b) Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người có liên quan của họ;

c) Doanh nghiệp quy định tại Khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

45.2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định khoản 45.1 Điều này và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

45.3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây:

a) Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 45.2 Điều này;

b) Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

45.4. Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 45.3 Điều này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 148 của Luật Doanh nghiệp.

45.4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại Khoản 45.2 và Khoản 45.3 Điều này, gây thiệt hại cho Công ty; người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

Điều 46. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc

46.1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc để

yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho công ty hoặc người khác trong trường hợp sau đây:

a) Vi phạm nghĩa vụ người quản lý Công ty theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp;

b) Không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được giao; không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, không kịp thời nghị quyết của Hội đồng quản trị;

c) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao trái với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty hoặc nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

d) Sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

đ) Sử dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

46.2. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện tương ứng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh Công ty sẽ tính vào chi phí của Công ty, trừ trường hợp bị bác yêu cầu khởi kiện.

46.3. Cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Điều này có quyền xem xét, tra cứu, trích lục thông tin cần thiết theo quyết định của Tòa án, Trọng tài trước hoặc trong quá trình khởi kiện.

CHƯƠNG X

BAN KIỂM SOÁT

Điều 47. Ban Kiểm soát

47.1. Ban Kiểm soát có từ 03 đến 05 thành viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

47.2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

47.3. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

47.4. Trường Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

47.5. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

- a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để lập báo cáo của Ban kiểm soát;
- c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 48. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên

48.1. Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
- b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;
- d) Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;
- đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan.

48.2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 48.1 Điều này, Kiểm soát viên Công ty không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước (nếu có) tại công ty mẹ và tại công ty.

Điều 49. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

49.1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.

49.2 Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp;

49.3 Các quyền và nghĩa vụ khác bao gồm:

a. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

c. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác.

d. Điều phối và đảm bảo việc phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông hiệu quả tuân thủ Điều lệ và quy định của pháp luật.

đ. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

e. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

g. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

h. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

i. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

k. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật

Điều 50. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát

50.1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và

theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành.

50.2. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

50.3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban Kiểm soát hoặc Ban Kiểm soát.

Điều 51. Tiền lương, thù lao, thưởng và quyền lợi khác của Kiểm soát viên

Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định sau đây:

51.1. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và được hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, quyền lợi khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát;

51.2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;

51.3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 52. Trách nhiệm của Kiểm soát viên

52.1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

52.2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

52.3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

52.4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

52.5. Trường hợp vi phạm quy định tại các Khoản 52.1, 52.2, 52.3 và 52.4 Điều này mà gây thiệt hại cho công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được phải hoàn trả cho Công ty.

52.6. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 53. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

53.1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Các trường hợp khác do Điều lệ này quy định.

53.2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

d) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

53.3. Trong nhiệm kỳ, cổ đông pháp nhân có quyền thay đổi người đại diện quản lý phần vốn đang là thành viên Ban Kiểm soát theo yêu cầu của cổ đông pháp nhân hoặc do người đại diện đó bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm. Trong trường hợp này, cổ đông pháp nhân đó được quyền đề cử chức danh thành viên Ban Kiểm soát. Cổ đông pháp nhân phải gửi văn bản thông báo về việc thay thế người đại diện của mình cho Hội đồng quản trị Công ty trước 15 ngày để Hội đồng quản trị Công ty xem xét, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm, bổ nhiệm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 174, Luật Doanh nghiệp.

CHƯƠNG XI

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 54. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

54.1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

54.2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

54.3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

54.4. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất kỳ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

54.5. Cổ đông có quyền được Công ty cấp một bản Điều lệ công ty miễn phí. Điều lệ Công ty được công bố trên website: www.sbm.com.vn.

CHƯƠNG XII

CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 55. Công nhân viên và công đoàn

Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và nội quy, kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành

CHƯƠNG XIII **THÔNG KÊ, KẾ TOÁN, TÀI CHÍNH, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

Điều 56. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 dương lịch và chấm dứt vào ngày 31/12 hàng năm.

Năm tài chính đầu tiên của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày được Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đến ngày 31/12 của năm đó.

Điều 57. Hệ thống kế toán

Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải thích các giao dịch của Công ty.

Điều 58. Việc trích lập quỹ

58.1. Hàng năm, Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình vào các Quỹ sau: Quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi và các quỹ khác do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

58.2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và sử dụng các quỹ để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định cho từng năm.

Điều 59. Cổ tức

59.1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty. Cổ tức có thể được trả bằng tiền mặt, bằng cổ phiếu của Công ty hoặc bằng các tài sản khác theo quyết định của Đại

hội đồng cổ đông phù hợp với quy định của pháp luật. Công ty chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ và bù đắp đầy đủ lỗ theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Ngay sau khi chi hết số cổ tức đã định, Công ty phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài chính khác đến hạn phải trả.

59.2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

59.3. Trường hợp chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua việc chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC).

59.4. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, công ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại các điều 123, 124 và 126 của Luật doanh nghiệp năm 2020. Công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.

59.5. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV

BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 60. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

60.1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

60.2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

60.3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 61. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 62. Công khai và công bố thông tin

Công ty thực hiện công bố, công khai các thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XV

CON DẤU

Điều 63. Con dấu

63.1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

Nội dung con dấu Công ty thể hiện những thông tin cơ bản sau đây:

- i) Tên doanh nghiệp;
- ii) Mã số doanh nghiệp;
- iii) Tên tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở.

63.2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có) theo quy định tại Khoản 1, 2 Điều 40 Luật doanh nghiệp.

63.3. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVI

GIẢI THỂ DOANH NGHIỆP

Điều 64. Các trường hợp và điều kiện giải thể doanh nghiệp

64.1. Công ty bị giải thể trong các trường hợp sau đây:

a) Theo quyết định của của Đại hội đồng cổ đông.

b) Công ty không còn đủ số lượng cổ đông tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp trong thời hạn 06 tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;

c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác.

d) Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

64.2. Công ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và công ty không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan Trọng tài. Người quản lý có liên quan và doanh nghiệp quy định tại Điểm c Khoản 64.1 Điều này cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ của doanh nghiệp.

Điều 65. Điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ giải thể doanh nghiệp

Việc giải thể được thực hiện theo quy định tại Điều 208 Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật.

Điều 66. Thanh lý

66.1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

66.2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

66.3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý;

b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c) Nợ thuế;

d) Các khoản nợ khác của Công ty;

đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XVII

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 67. Giải quyết tranh chấp nội bộ

67.1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

67.2. Ban hoà giải gồm 03 người. Mỗi bên tranh chấp sẽ cử ra một người, người thứ 3 sẽ do hai người này chỉ định. Thành viên Ban hoà giải không phải là cổ đông Công ty hoặc là người có liên quan của bất cứ cổ đông Công ty nào có liên quan đến tranh chấp đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Trong vòng 20 ngày, kể từ khi nhận nhiệm vụ, Ban hoà giải phải đưa ra phán quyết về vụ tranh chấp, trường hợp phức tạp có thể kéo dài nhưng không quá 03 tháng.

Thù lao thành viên Ban hoà giải do các bên tranh chấp thỏa thuận.

Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty có trách nhiệm tạo các điều kiện để Ban hoà giải làm việc.

67.3. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

67.4. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XVIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 68. Nguyên tắc áp dụng Điều lệ Công ty

68.1. Những vấn đề khác có liên quan không nêu trong Điều lệ này thì được thực hiện theo Luật Doanh nghiệp và các quy định khác có liên quan.

68.2. Trường hợp pháp luật có quy định khác với nội dung trong Điều lệ này thì thực hiện các quy định của pháp luật.

Điều 69. Thể thức sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

69.1. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông được tổ chức hợp lệ và được số cổ đông đại diện cho 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty mới có quyền bổ sung, sửa đổi các điều khoản của Điều lệ này.

69.2. Khi áp dụng Điều lệ công ty, nếu có phát sinh những vấn đề chưa được đề cập trong Điều lệ thì Hội đồng quản trị công ty được quyền căn cứ theo Luật doanh nghiệp để giải quyết trên cơ sở vì lợi ích chung của công ty và không trái Pháp luật.

Trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ Công ty thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty. Sau đó phải đưa các vấn đề phát sinh ra Đại hội đồng cổ đông gần nhất để thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty cho phù hợp.

Điều 70. Điều khoản cuối cùng

Điều lệ này gồm 18 chương 70 điều đã được các cổ đông Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua ngày tháng 04 năm 2026 và cùng chấp thuận toàn văn của Điều lệ này.

Điều lệ được lập thành 05 bản có giá trị như nhau và phải được lưu giữ ở trụ sở chính của Công ty.

Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty và thay thế bản Điều lệ và các phụ lục sửa đổi Điều lệ trước đây./.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

PHỤ LỤC 01
CHI TIẾT VỐN ĐIỀU LỆ CÔNG TY TỪ NGÀY THÀNH LẬP ĐẾN NAY
VÀ TỶ LỆ CỔ PHẦN SỞ HỮU CỦA CÁC CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP
TẠI NGÀY THÀNH LẬP CÔNG TY

(Kèm theo Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty được ban hành tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026)

1. Chi tiết vốn Điều lệ của Công ty

STT	Thời gian	Vốn điều lệ (Đồng)	Số cổ phần	Lý do
1	12/02/2007	50.000.000.000	5.000.000	Vốn Điều lệ ban đầu
2	19/07/2007	200.000.000.000	20.000.000	Tăng vốn Điều lệ
3	05/11/2009	250.000.000.000	25.000.000	Tăng vốn Điều lệ
4	21/06/2011	315.000.000.000	31.500.000	Tăng vốn Điều lệ
5	01/10/2015	360.000.000.000	36.000.000	Tăng vốn Điều lệ
6	21/12/2015	390.000.000.000	39.000.000	Tăng vốn Điều lệ
7	20/01/2022	409.499.820.000	40.949.982	Tăng vốn thông qua trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2019, 2020 theo tỷ lệ 5%
8	25/11/2022	450.449.530.000	45.044.953	Tăng vốn thông qua trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2021 theo tỷ lệ 10%

2. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông sáng lập vào ngày thành lập Công ty

Tên Cổ đông	Địa chỉ tại thời điểm thành lập	Tỷ lệ góp vốn tại thời điểm thành lập
Công đoàn Tổng công ty Điện Lực Miền Bắc	Số 20, Trần Nguyên Hãn, P. Lý Thái Tổ, Q. Hoàn Kiếm, TP Hà Nội.	8,0 %
Công đoàn Công ty Điện lực Sơn La	Số 160, đường 3/2, phường Quyết Thắng, TX Sơn La, Sơn La.	5,6 %
Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Bình Minh	Số 195, đường Lương Thế Vinh, xã Trung Văn, H. Từ Liêm, TP Hà Nội.	5,4 %
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và chuyển giao công nghệ	Số 1079, đường Hồng Hà, P. Chương Dương, Q. Hoàn Kiếm, TP Hà Nội.	1,0 %



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN BẮC MINH
BAC MINH DEVELOPMENT INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: Số 3, An Dương, Phường Hồng Hà, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (024) 37764615

Website: sbm.com.vn

Email: bacminh.sbm@gmail.com

QUY CHẾ QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN BẮC MINH

Hà Nội, tháng 04 năm 2026

MỤC LỤC

QUY CHẾ QUẢN TRỊ

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Những căn cứ pháp lý	1
Điều 2. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh	1
Điều 3. Giải thích từ ngữ và chữ viết tắt	2
CHƯƠNG II. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	2
MỤC 1: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	2
Điều 4. Quyền hạn của cổ đông	2
Điều 5. Nghĩa vụ của các cổ đông	4
Điều 6. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	5
MỤC 2: TRÌNH TỰ THỦ TỤC TRIỆU TẬP VÀ TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	6
Điều 7. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông	6
Điều 8. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông	9
Điều 9. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông	9
Điều 10. Mời họp Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 11. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 12. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 13. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 14. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 15. Điều kiện để nghị quyết được thông qua	14
Điều 16. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 17. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 18. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 19. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	18
CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	19
MỤC 1: TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	19
Điều 20. Quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng quản trị	19
Điều 21. Quyền hạn và nhiệm vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị	21
MỤC 2: TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	23

Điều 22. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị	23
Điều 23. Các cuộc họp Hội đồng quản trị	26
Điều 24. Chủ tọa và biểu quyết trong các cuộc họp Hội đồng quản trị	27
Điều 25. Đảm bảo vật chất cho hoạt động của Hội đồng quản trị	29
Điều 26. Kinh phí hoạt động của Hội đồng quản trị	30
CHƯƠNG IV. BAN KIỂM SOÁT	31
Điều 27. Ban Kiểm soát.....	31
Điều 28. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên	31
Điều 29. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát.....	32
Điều 30. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát	33
Điều 31. Trách nhiệm của Kiểm soát viên	33
Điều 32. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.....	34
CHƯƠNG V. GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC	34
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý	34
Điều 34. Giám đốc công ty	35
Điều 35. Phó Giám đốc công ty.....	36
Điều 36. Chế độ họp, báo cáo.....	36
CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ LÀM VIỆC GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, ĐIỀU HÀNH	37
Điều 37. Mối quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm Soát.....	37
Điều 38. Mối quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	38
Điều 39. Mối quan hệ làm việc giữa Ban Giám đốc và Ban kiểm soát	39
Điều 40. Trách nhiệm trung thực, tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý khác.....	40
CHƯƠNG VII. CÔNG BỐ THÔNG TIN	42
Điều 41. Nguyên tắc công bố thông tin.....	42
CHƯƠNG VIII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	42
Điều 42. Hiệu lực thi hành.....	42

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN BẮC MINH

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Những căn cứ pháp lý

Quy chế quản trị của Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh (sau đây gọi là Công ty) được xây dựng dựa trên những căn cứ pháp lý sau đây:

Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan;

Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan;

Thông tư 116/2020/TT - BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ - CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 2. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh

1. Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh và Cổ đông; thẩm quyền, nghĩa vụ, phương thức hoạt động của các Phòng, Ban, Nhà máy thủy điện Công ty và các cán bộ điều hành; thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp; quy định các quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong quá trình quản trị Công ty

2. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc, Cổ đông và những người có liên quan chịu sự điều chỉnh của Quy chế này.

3. Các văn bản, quy chế, quy định về quản trị Công ty cổ phần đầu tư phát triển

Bắc Minh đã ban hành trước đây có nội dung trái với Quy chế này đều không còn hiệu lực

4. Trong trường hợp có mâu thuẫn giữa các quy định tại Quy chế này với Điều lệ Công ty và/hoặc Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành thì những quy định tại Điều lệ Công ty và/hoặc Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành được ưu tiên áp dụng.

Điều 3. Giải thích từ ngữ và chữ viết tắt

1. **Công ty:** là Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh
2. **Phòng, Ban, Nhà máy thủy điện (NMTĐ):** Các Phòng, Ban chức năng, các Nhà máy thủy điện trực thuộc Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh.
3. **Các doanh nghiệp khác:** Các tổ chức kinh tế hoạt động theo Luật Doanh nghiệp mà Công ty có góp vốn đầu tư hoặc sở hữu vốn, sở hữu cổ phần.
4. **Luật Doanh nghiệp:** Luật Doanh nghiệp đang có hiệu lực thi hành.
5. **Luật chứng khoán:** Luật chứng khoán đang có hiệu lực thi hành.
6. **Đại hội đồng cổ đông:** Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh.
7. **Hội đồng quản trị:** Hội đồng Quản trị của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh.
8. **Ban kiểm soát:** Ban Kiểm soát của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh.

CHƯƠNG II CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

MỤC 1: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 4. Quyền hạn của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có quyền sau đây:
 - a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mọi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong công ty;
 - d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy

định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 của Luật doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

d) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo thủ tục do Hội đồng quản trị Công ty quy định;

g) Khi công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại công ty.

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền sau đây:

a) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác của Hội đồng quản trị theo thủ tục do Hội đồng quản trị Công ty quy định, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;;

b) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật doanh nghiệp 2020;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Quyền khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

a) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

b) Trường hợp khác (nếu có) được quy định tại Điều lệ công ty.

Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 3 Điều này phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, việc đề cử được thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông tự thỏa thuận bằng văn bản và hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

5. Quyền khác theo quy định của Luật doanh nghiệp

Điều 5. Nghĩa vụ của các cổ đông

1. Các cổ đông có các nghĩa vụ sau:

a) Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

b) Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

c) Tuân thủ Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

d) Chấp hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

đ) Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định tại Điều lệ này hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

3. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

d) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty

4. Trách nhiệm của Cổ đông lớn:

a) Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền, lợi ích của Công ty và các Cổ đông khác.

b) Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của Pháp luật.

Điều 6. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; Quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c) Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

d) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;

e) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;

g) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

h) Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

i) Quyết định chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

k) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

l) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

m) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

n) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

o) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

MỤC 2: TRÌNH TỰ THỦ TỤC TRIỆU TẬP VÀ TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 7. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.

2. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty;
- đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
- e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
- l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
- m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của cổ đông sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thực hiện;
- p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản Công ty trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp trong trường hợp giá trị hợp đồng, giao dịch bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;

b) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều lệ này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát còn lại theo quy định tại Điểm b khoản 3 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm c, d Khoản 3 Điều này.

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

5. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật doanh nghiệp.

Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

6. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

7. Người triệu tập phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

e) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

8. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này sẽ được công ty hoàn lại.

Điều 8. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý Công ty phải cung cấp kịp thời thông tin sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; đồng thời chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông do Hội đồng quản trị Công ty quy định trên cơ sở thực hiện theo quy định tại pháp luật.

Điều 9. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 16.2 Điều 16 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông hoặc thông tin tương đương, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

3. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 2 Điều này;
- b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 10. Mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông trong Sổ đăng ký cổ đông của công ty hoặc danh sách cổ đông lưu ký tại Công ty chứng khoán, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp.

2. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty ở địa chỉ www.sbm.com.vn hoặc địa chỉ khác trong trường hợp công ty thay đổi địa chỉ website. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tải về tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
- b) Phiếu biểu quyết;

Điều 11. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp cổ đông là tổ chức chưa có người đại diện theo ủy quyền quy định tại Điều 14 của Luật Doanh nghiệp thì ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự theo mẫu do Công ty quy định và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện điện tử khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

Điều 12. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết;

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, nếu Điều lệ công ty không quy định khác. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên;

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai, nếu Điều lệ công ty không quy định khác. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 142 của Luật doanh nghiệp.

Điều 13. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu tiếp theo, số thẻ biểu quyết Không có ý kiến được thu cuối cùng, sau đó đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm tạm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;

3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua việc gia hạn thời hạn công bố kết quả kiểm phiếu;

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi;

7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có các quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền người được phân công phụ trách an ninh cuộc họp của Công ty duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc;

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng các ứng dụng công nghệ thông tin để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 14. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;
- b) Định hướng phát triển Công ty;
- c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;
- đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Tổ chức lại, giải thể Công ty.

Điều 15. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 Điều này:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;
- e) Vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 Điều này.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

5. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua. Việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử www.sbm.com.vn của Công ty.

Điều 16. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 của Luật doanh nghiệp;

2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 141 của Luật doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 143 của Luật doanh nghiệp;

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá

nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty;

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây:

a) Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty.

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- đ) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử www.sbm.com.vn của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu;

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 17. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt được ưu tiên áp dụng.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

4. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 18. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 của Luật doanh nghiệp;

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

Điều 19. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật doanh nghiệp và Điều

lệ công ty;

3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 151 của Luật doanh nghiệp, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

CHƯƠNG III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

MỤC 1: TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 133 của Luật doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1, 3 Điều 167 của Luật doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và

người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể công ty; yêu cầu phá sản công ty;

q) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên theo khoản 4 Điều 153 Luật Doanh nghiệp.

5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Quyền hạn và nhiệm vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị bầu một thành viên của Hội đồng quản trị làm Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm chức Giám đốc công ty.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị (bao gồm cả thành viên độc lập) là 05 năm, các thành viên Hội đồng quản trị được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế trừ trường hợp thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty (nếu có) không được bầu lại quá 02 nhiệm kỳ. Số thành viên Hội đồng quản trị phải thường trú ở Việt Nam ít nhất là 03 người.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, cụ thể:.

Phân công, phân nhiệm cho các thành viên Hội đồng quản trị;

Thay mặt Hội đồng quản trị phê duyệt các chủ trương về kế hoạch, ngân sách, tài chính, chỉ đạo điều hành và giám sát công tác điều hành của Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý.

Phê duyệt tất cả các thay đổi, phát sinh so với các kế hoạch, ngân sách, tài chính mà Hội đồng quản trị đã phê duyệt.

Phê duyệt dự toán, lựa chọn nhà thầu các hạng mục xây dựng có giá trị trên 1 tỷ đồng, các hạng mục thiết bị trên 500 triệu đồng, các hạng mục tư vấn trên 200 triệu đồng;

Phê duyệt nội dung các hợp đồng xây dựng có giá trị trên 1 tỷ đồng, các hạng mục thiết bị trên 500 triệu đồng, các hạng mục tư vấn trên 200 triệu đồng;

Ký ban hành quyết định về cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ và các cơ chế, chính sách của Công ty; các văn bản ủy quyền, phân cấp phân quyền của Ban

Giám đốc và các bộ phận quản lý khác của Công ty thực hiện các công việc nhằm phục vụ lợi ích của Công ty theo thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

Cử đại diện chủ sở hữu quản lý phần vốn góp, cổ phần tại các Công ty con, công ty liên kết, đề cử, bổ nhiệm, phân cấp phần quyền cho Chủ tịch hội đồng thành viên, chủ tịch HĐQT tại các công ty con, người đứng đầu Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Công ty con;

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

6. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký Công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị. Thư ký công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Giúp việc tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Giúp việc thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Giúp việc Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d) Giúp việc công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;

đ) Giúp việc công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

7. Người phụ trách quản trị công ty

7.1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

7.2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

7.3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông.

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát.

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp.

d) Tham dự các cuộc họp.

d) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật.

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát.

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty.

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan.

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

8. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm.

MỤC 2: TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 22. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 (năm) thành viên gồm: 01 Chủ tịch chuyên trách, 04 thành viên.

2. Các Hội đồng quản trị thi hành các nhiệm vụ do Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị phân công.

3. Thành viên của Hội đồng quản trị phải đạt những tiêu chuẩn sau:

a) Không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết là cổ đông của Công ty;

c) Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác nhưng tối đa không quá 05 công ty khác.

4. Phải tuyên bố công khai các lợi ích, kê khai trung thực các mối quan hệ kinh doanh của bản thân, người có liên quan và tuyên bố này phải được thông báo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và niêm yết công khai tại trụ sở của Công ty và Chi nhánh của Công ty, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 5% vốn điều lệ.

5. Việc kê khai các lợi ích quy định tại các khoản 4 trên đây phải được thực hiện trong 07 (bảy) ngày làm việc kể từ khi phát sinh lợi ích liên quan. Việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với Công ty trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày có bổ sung, sửa đổi tương ứng.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách nếu không đáp ứng được các quy định về tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 3 Điều này và/hoặc vi phạm quy định sau:

a) Trong thời gian đảm nhiệm chức vụ đã có những lỗi nghiêm trọng và/hoặc gây nên sự cố dẫn đến thua lỗ cho Công ty hoặc ảnh hưởng lớn đến uy tín của Công ty;

b) Không đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ được giao;

c) Vi phạm nghiêm trọng Luật Doanh nghiệp, cụ thể gồm:

- Bị truy cứu, bị kết tội về các tội danh: buôn lậu, trốn thuế, tham ô biển thủ tài sản của Công ty; hối lộ, nhận hối lộ, thất thoát lãng phí tài sản công; chiếm đoạt tài sản của Công ty cho người khác;

- Kê khai không trung thực lý lịch kinh doanh của mình và những người liên quan với mình;

- Không tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị của Công ty nhằm mục đích ký kết các hợp đồng kinh tế, dân sự có tính chất tư lợi;

- Có hành vi chuyển dịch cơ hội kinh doanh của Công ty cho cá nhân, tổ chức khác để thu lợi cho bản thân và người liên quan, gây thiệt hại cho Công ty;

- Tiết lộ bí mật kinh doanh của Công ty, trừ khi được Chủ tịch Hội đồng quản trị cho phép hoặc buộc phải tiết lộ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

d) Mất, hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự và có những bằng chứng pháp lý chứng tỏ người đó không còn đủ năng lực hành vi;

đ) Vắng mặt liên tục 2 kỳ họp của Hội đồng quản trị hoặc không tham gia hoạt động của Hội đồng quản trị trong 6 tháng liên tục mà không được sự chấp thuận của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị uỷ quyền;

e) Bị Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm, miễn nhiệm;

g) Đại diện cho cổ đông là pháp nhân khi pháp nhân bị mất tư cách pháp nhân, pháp nhân bị giải thể, phá sản hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

h) Bị cổ đông là pháp nhân rút quyền đại diện;

i) Thành viên có đơn xin từ chức gửi đến trụ sở chính của Công ty.

k) Công ty bị giải thể, phá sản theo quyết định của toàn án hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

7. Các trường hợp thành viên HĐQT bị miễn nhiệm theo quy định ở Khoản 6 Điều này phải ngừng điều hành công việc kể từ khi:

a) Bị Toà án tuyên bố hoặc có những bằng chứng pháp lý chứng minh là mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự

b) Bị toà án tuyên bố là có tội đối với các tội danh: buôn lậu, trốn thuế, tham ô biển thủ tài sản của Công ty; hối lộ, nhận hối lộ, thất thoát lãng phí tài sản công; chiếm đoạt tài sản của Công ty cho người khác.

c) Cổ đông là pháp nhân có văn bản đề nghị rút quyền đại diện gửi đến Hội đồng quản trị;

d) Cổ đông là pháp nhân mà thành viên đó đại diện bị tuyên bố mất tư cách pháp nhân (bị giải thể, phá sản hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp);

8. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm phải được Đại hội đồng cổ đông quyết định và thông qua bằng nghị quyết

9. Thành viên Hội đồng quản trị thay thế

a) Thành viên Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho một thành viên Hội đồng quản trị khác để thay thế hoặc một người bất kỳ nào khác được Hội đồng quản trị phê chuẩn để thay thế mình và có quyền bãi miễn người thay thế. Việc uỷ quyền và bãi miễn này phải lập thành văn bản. Thành viên thay thế có quyền được họp và thực hiện các chức năng được chỉ định thay thế nhưng không được nhận bất kỳ một khoản thù lao nào từ Công ty cho công việc của mình với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị.

b) Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị hoặc người thay thế đi công tác nước ngoài, Công ty không bắt buộc phải gửi thông báo về các cuộc họp cho họ nếu họ không thông báo địa chỉ có thể nhận thông báo tại Việt Nam;

c) Thành viên thay thế phải chịu trách nhiệm cá nhân về hành vi và các lỗi vi phạm của mình như một thành viên chính thức.

10. Thành viên kiêm nhiệm: Các thành viên Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm các chức danh quản lý ở Công ty (trừ thành viên Ban Kiểm soát) hoặc ở các cơ quan khác nhưng không vi phạm Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật; Các thành viên này có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm điều hành của mình đồng thời không được làm ảnh hưởng đến việc thực hiện các trách nhiệm của một thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 23. Các cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc họp bất thường. Hội đồng quản trị họp tại trụ sở chính của Công ty hoặc ở nơi khác.

2. Ngoài việc triệu tập họp thường kỳ mỗi quý ít nhất họp 01 lần, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải thông báo triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường, không được có bất kỳ sự trì hoãn bất hợp lý nào, khi có một trong các đối tượng sau đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

a) Ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

b) Giám đốc hoặc ít nhất năm người quản lý khác;

c) Có đề nghị của Ban Kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

3. Thời gian triệu tập họp Hội đồng quản trị:

a) Cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm lập chương trình nghị sự, thông báo về thời gian và địa điểm họp cho các thành viên Hội đồng quản trị chậm nhất 03 (ba) ngày trước ngày khai mạc. Thông báo được gửi đến các thành viên được lập thành văn bản bằng Tiếng Việt; các tài liệu về các vấn đề bàn bạc tại cuộc họp, phiếu bầu cho các thành viên không thể dự họp phải được gửi kèm theo thông báo

b) Cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường: Cuộc họp Hội đồng quản trị phải được tiến hành trong vòng 7 (bảy) ngày sau khi nhận được đề nghị. Người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo bằng văn bản tiếng Việt kèm theo các tài liệu cần thiết tới các thành viên Hội đồng quản trị 03 (ba) ngày trước ngày khai mạc;

c) Nếu quá các thời hạn nêu trong Điều này, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo quy định thì Hội đồng quản trị sẽ tự động họp và cuộc họp sẽ được coi là hợp lệ nếu đáp ứng điều kiện về số thành viên dự họp theo Khoản 1, Điều 24 Quy chế này.

d) Người gửi thông báo triệu tập họp phải có bằng chứng chứng minh về việc người được triệu tập họp đã nhận được thông báo.

4. Người triệu tập họp Hội đồng quản trị là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp khác việc triệu tập họp Hội đồng quản trị sẽ theo quy định của Điều lệ Công ty.

5. Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa điểm là trụ sở đã đăng ký của Công ty hoặc ở địa điểm khác tại Việt Nam hoặc tại nước ngoài do người triệu tập họp quyết định.

6. Hội đồng quản trị có thể tổ chức họp theo hình thức trực tuyến giữa các thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện các phương tiện nghe nhìn có thể đảm bảo để mỗi thành viên Hội đồng tham gia có thể nghe từng thành viên khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp, có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham gia họp. Các thành viên tham gia họp trực tuyến này được coi là có mặt.

Địa điểm của cuộc họp Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 6 điều này là địa điểm có nhiều nhất số thành viên Hội đồng quản trị nhất tham dự họp và nếu không có nhóm tập họp đông nhất của các thành viên Hội đồng quản trị thì địa điểm diễn ra cuộc họp là địa điểm có sự hiện diện của Chủ tọa cuộc họp.

Các nghị quyết thông qua tại các cuộc họp Hội đồng quản trị tổ chức bằng hình thức này sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp.

7. Những người được mời họp dự thính: Kiểm soát viên; Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong Công ty, chuyên gia của Bên thứ ba có thể được tham gia cuộc họp theo Giấy mời của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định về việc mời người họp dự thính.

Điều 24. Chủ tọa và biểu quyết trong các cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp được coi là có giá trị pháp lý khi có ít nhất 3/4 (ba phần tư) số thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được thành viên Hội đồng quản trị cử thay thế tham dự.

2. Chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị là Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền bằng văn bản. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt và không ủy quyền thì các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp bầu một người làm chủ tọa cuộc họp.

3. Biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị:

a) Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết;

b) Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua khi có đa số phiếu biểu quyết. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 của Điều này;

c) Chỉ có thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được thành viên Hội đồng quản trị uỷ quyền mới có quyền biểu quyết. Những người dự thỉnh, khách mời không được biểu quyết;

d) Khi biểu quyết những vấn đề có liên quan đến những hợp đồng kinh tế, dân sự mà thành viên Hội đồng quản trị dự họp là bên ký kết hợp đồng hoặc có người có liên quan là một bên ký kết thì họ không được biểu quyết và không tính vào số đại biểu có mặt khi biểu quyết để tính tỷ lệ;

đ) Thành viên Hội đồng quản trị vắng mặt có thể gửi phiếu biểu quyết bằng văn bản. Văn bản biểu quyết của thành viên vắng mặt phải được gửi Chủ tịch Hội đồng quản trị/Chủ toạ cuộc họp Hội đồng quản trị chậm nhất 01 giờ trước giờ khai mạc cuộc họp.

4. Thông qua nghị quyết Hội đồng quản trị dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản: Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể tiến hành cuộc họp Hội đồng quản trị bằng việc thông báo nội dung và phiếu biểu quyết bằng văn bản. Sau khi nhận được các phiếu lấy ý kiến, Tổ thư ký lập biên bản việc kiểm phiếu trình Chủ tịch Hội đồng quản trị để thông qua nghị quyết.

5. Những quyết định phải được Hội đồng quản trị thông qua với đa số phiếu biểu quyết chấp thuận. Với những quyết định được đề cập trong Khoản này, trường hợp số phiếu biểu quyết bằng nhau thì lá phiếu của Chủ tịch Hội đồng quản trị không có tính chất quyết định như đã đề cập ở Điểm b khoản 3 Điều này và phải tổ chức biểu quyết lại.

a) Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;

b) Xác định các mục tiêu hoạt động và mục tiêu chiến lược trên cơ sở các mục đích chiến lược do Hội đồng quản trị thông qua;

c) Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;

d) Đề xuất việc tái cơ cấu hoặc giải thể Công ty;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc hay bất kỳ các bộ quản lý hoặc người đại diện nào của Công ty nếu Hội đồng quản trị cho là vì lợi ích của Công ty. Tuy nhiên, việc bãi nhiệm đó không được trái với các quyền theo Hợp đồng lao động của những người bị bãi nhiệm (nếu có);

e) Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý Công ty theo đề nghị của Giám đốc và quyết định mức lương của họ;

g) Giải quyết các khiếu nại của Công ty về cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty trong các thủ tục pháp lý có liên quan đến cán bộ quản lý đó;

h) Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;

i) Thực hiện việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo một giá xác định trước;

k) Quyết định giá bán trái phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;

l) Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời.

6. Những người được mời họp dự thính không được biểu quyết trừ khi bản thân họ có quyền biểu quyết như một thành viên của Hội đồng quản trị.

7. Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị:

a) Hội đồng quản trị có Tiểu ban Thư ký hoặc Tổ Thư ký/Thư ký (trong trường hợp Hội đồng quản trị không quyết định thành lập Tiểu ban Thư ký để giúp việc) giúp việc để ghi chép đầy đủ nội dung cuộc họp Hội đồng quản trị vào sổ biên bản;

b) Chủ tọa và Thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp Hội đồng quản trị;

c) Biên bản họp Hội đồng quản trị phải có các nội dung:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;

- Thời gian và địa điểm họp;

- Họ tên thành viên tham dự và thành viên được uỷ quyền;

- Chương trình cuộc họp ;

- Các vấn đề thảo luận và biểu quyết;

- Kết quả biểu quyết;

- Tóm tắt phát biểu ý kiến tại cuộc họp, diễn biến cuộc họp, các ý kiến tranh luận;

- Các quyết định đã được Hội đồng quản trị thông qua;

- Chữ ký có ghi rõ tên của tất cả các thành viên hoặc đại diện theo uỷ quyền dự họp.

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

Điều 25. Đảm bảo vật chất cho hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị sử dụng bộ máy, phương tiện vật chất kỹ thuật và con dấu của Công ty để thực hiện chức năng quản lý của mình.

2. Văn phòng Công ty có trách nhiệm nhận và chuyển các tài liệu của Hội đồng quản trị. Những văn bản của cơ quan cấp trên hoặc cơ quan chức năng Nhà nước thuộc trách nhiệm xử lý của Hội đồng quản trị được gửi tới thường trực Hội đồng quản trị. Những văn bản có tính chất điều hành thuộc quyền xử lý của Giám đốc thì sao gửi cho thường trực Hội đồng quản trị để theo dõi;

3. Thành viên Hội đồng quản trị có thể trực tiếp làm việc, chất vấn, trao đổi với Giám đốc để nắm tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao. Thời gian làm việc, chất vấn, trao đổi phải có kế hoạch trước ít nhất 03 (ba) ngày, không để ảnh hưởng đến công tác điều hành hoạt động hàng ngày của Giám đốc;

4. Thành viên Hội đồng quản trị có thể trực tiếp làm việc, chất vấn, trao đổi với, các Giám đốc chi nhánh, những người đại diện phần vốn góp của Công ty tại các Công ty có vốn góp của Công ty, các Trưởng, phó Phòng, ban, NMTĐ của Công ty để nắm tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao sau khi đã thông báo cho Giám đốc biết. Thời gian làm việc, chất vấn, trao đổi phải có kế hoạch trước ít nhất 03 (ba) ngày, không để ảnh hưởng đến công tác điều hành hoạt động hàng ngày của các cán bộ quản lý trong Công ty.

Điều 26. Kinh phí hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông quyết định trích một khoản kinh phí từ doanh thu hoạt động của Công ty đảm bảo hoạt động cho Hội đồng quản trị và được tính vào chi phí quản lý của Công ty, được quyết toán hàng năm trong Báo cáo tài chính.

2. Việc chi tiêu của Hội đồng quản trị phải tuân thủ những nguyên tắc sau:

a) Phục vụ công việc quản lý, bao gồm:

- Chi phí các cuộc họp Hội đồng quản trị, chi phí đi lại, ăn, ở, trong thời gian họp;
- Chi phí tìm kiếm thị trường, xúc tiến thương mại hoặc đàm phán ký kết hợp đồng giao dịch của Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị đi công tác trong và ngoài nước phải được Chủ tịch Hội đồng quản trị chấp thuận;

- Chi phí tư vấn.

b) Thiết thực, hiệu quả, tiết kiệm, minh bạch.

c) Đảm bảo thù lao tương xứng cho các thành viên trong Hội đồng quản trị.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định phê duyệt các khoản chi phục vụ cho hoạt động của Hội đồng quản trị trong phạm vi khoản Ngân sách đã được Đại hội đồng cổ đông đồng ý trích làm kinh phí cho hoạt động của Hội đồng quản trị.

4. Các thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao, tiền thưởng và chi phí khác. Tổng mức thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị nằm trong số kinh phí hoạt động của Hội đồng quản trị và cũng do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có kiêm nhiệm chức danh quản lý điều hành khác trong Công ty ngoài hưởng lương và lợi ích từ chức danh quản lý điều hành đó vẫn được hưởng thù lao của thành viên Hội đồng quản trị.

6. Tuỳ theo kết quả kinh doanh của Công ty, ngoài thù lao, thành viên Hội đồng quản trị được nhận một khoản tiền thưởng. Tổng mức thưởng cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị chỉ xem xét và thưởng cho từng thành viên trong phạm vi mức thưởng đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

CHƯƠNG IV BAN KIỂM SOÁT

Điều 27. Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

4. Trưởng Ban Kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan đến báo cáo Ban Kiểm soát;
- c) Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội cổ đông;

Điều 28. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;

d) Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

đ) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ này.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, Kiểm soát viên Công ty không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước (nếu có) tại công ty mẹ và tại công ty.

Điều 29. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

1 Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp;

2 Các quyền và nghĩa vụ khác bao gồm:

a. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

c. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác.

d. Điều phối và đảm bảo việc phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông hiệu quả tuân thủ Điều lệ và quy định của pháp luật.

đ. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

e. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

g. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

h. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

i. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

k. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật

Điều 30. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành.

2. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban Kiểm soát hoặc Ban Kiểm soát.

Điều 31. Trách nhiệm của Kiểm soát viên

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các Khoản 52.1, 52.2, 52.3 và 52.4 Điều 52 Điều lệ Công ty mà gây thiệt hại cho công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 32. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Các trường hợp khác do Điều lệ này quy định.

2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

d) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

3. Trong nhiệm kỳ, cổ đông pháp nhân có quyền thay đổi người đại diện quản lý phần vốn đang là thành viên Ban Kiểm soát theo yêu cầu của cổ đông pháp nhân hoặc do người đại diện đó bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm. Trong trường hợp này, cổ đông pháp nhân đó được quyền đề cử chức danh thành viên Ban Kiểm soát. Cổ đông pháp nhân phải gửi văn bản thông báo về việc thay thế người đại diện của mình cho Hội đồng quản trị Công ty trước 15 ngày để Hội đồng quản trị Công ty xem xét, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm, bổ nhiệm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 174, Luật Doanh nghiệp.

CHƯƠNG V GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một Giám

đốc, một hoặc một số Phó Giám đốc và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Hệ thống quản lý của công ty được phân cấp quản lý như sau:

1. Công ty mẹ

a) Cấp lãnh đạo: Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan lãnh đạo, điều hành của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Giám đốc và các cán bộ quản lý khác.

b) Cấp quản trị điều hành: Ban Giám đốc

Ban Giám đốc hoạt động theo cơ chế tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên Ban giám đốc được quy định theo phân cấp nhiệm vụ điều hành và thẩm quyền ký duyệt của Công ty.

c) Cấp quản lý: Trưởng các phòng, ban, Giám đốc các nhà máy

Trưởng các phòng, ban (hoặc chức danh tương đương) và Giám đốc các nhà máy thực hiện các công việc quản lý và chuyên môn theo phân công nhiệm vụ của Ban giám đốc và giúp Ban giám đốc điều hành các hoạt động trong phạm vi đơn vị mình phụ trách

2. Công ty con, công ty liên kết thuộc Công ty mẹ

Các công ty con, công ty liên kết hoạt động theo mô hình hoạt động độc lập. Việc phân cấp điều hành thực hiện theo ngành dọc (điều hành về chuyên môn), do các phòng ban chuyên môn của Công ty mẹ kiểm soát về chuyên môn và theo ngành ngang (điều hành về quản lý, quản trị) do Hội đồng quản trị, Giám đốc công ty quản lý trực tiếp.

Điều 34. Giám đốc công ty

1. Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc áp dụng theo quy định tại Khoản 1, 2 Điều 64 và Khoản 5, Điều 162 của Luật Doanh nghiệp.

3. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;
- b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- e) Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;
- g) Tuyển dụng lao động;
- h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và nghị quyết của Hội đồng quản trị.

4. Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

5. Đối với Công ty, Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
- b) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ;
- c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.

Điều 35. Phó Giám đốc công ty

Hội đồng quản trị bổ nhiệm các Phó Giám đốc theo đề nghị của Giám đốc Công ty, Phó giám đốc chịu trách nhiệm giúp việc và chịu sự quản lý điều hành của Giám đốc Công ty và trực tiếp phụ trách một hoặc một số chức năng, lĩnh vực hoạt động của Công ty theo sự phân công, chỉ đạo trực tiếp của Giám đốc công ty và chịu trách nhiệm về hiệu quả công tác trước Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc.

Điều 36. Chế độ họp, báo cáo

Giám đốc chủ trì các cuộc họp định kỳ hằng tháng và bất thường (theo quyết định của Giám đốc hoặc có yêu cầu từ Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị)

với các cán bộ quản lý của Công ty để đánh giá hoạt động hoặc triển khai các chỉ đạo của Hội đồng quản trị và triển khai các kế hoạch công việc.

Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể tham gia các cuộc họp của Ban Giám đốc để nắm bắt thông tin, phục vụ hoạt động điều hành và kiểm soát.

Các cuộc họp và các ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc phải được lập thành Biên bản và gửi đến cán bộ tham gia cuộc họp và lưu giữ tại trụ sở Công ty.

Trong các kỳ họp của Hội đồng quản trị, ban Giám đốc báo cáo Hội đồng quản trị về tiến độ thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh, kết quả triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị và đề xuất kế hoạch kinh doanh, các giải pháp thực hiện để đảm bảo kế hoạch và nội dung khác nhằm phục vụ công tác điều hành của Ban Giám đốc.

CHƯƠNG VI

MỐI QUAN HỆ LÀM VIỆC GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, ĐIỀU HÀNH

Điều 37. Mối quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm Soát

Mối quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát là mối quan hệ giữa hoạt động quản trị của Công ty với hoạt động kiểm soát tính tuân thủ nhằm đảm bảo mọi hoạt động quản trị, điều hành của Công ty đều thể hiện tính hợp lý, minh bạch, trung thực, tuân thủ chính sách của Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với quy định của Pháp luật hiện hành.

Nguyên tắc phối hợp thực hiện các chức năng quyền hạn nhiệm vụ giữa công tác quản trị, công tác điều hành và công tác kiểm soát được phân công rõ ràng có sự phối hợp đồng bộ nhưng phân biệt rõ chức năng và trách nhiệm của các vị trí công tác.

Công tác quản trị thực hiện việc đề ra các chủ trương chính sách, cơ chế hoạt động, thiết lập tầm nhìn chiến lược và chiến lược phát triển Công ty theo từng giai đoạn và các chiến lược dài hạn của Công ty.

Công tác kiểm soát của Ban kiểm soát là giám sát việc triển khai các chủ trương chính sách, cơ chế hoạt động và chiến lược phát triển Công ty, giám sát hoạt động điều hành của Ban Giám đốc đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, tuân thủ Điều lệ công ty không gây tổn hại đến lợi ích của Công ty và của cổ đông

Nguyên tắc cơ bản của công tác kiểm soát chung và kiểm soát nội bộ là không gây cản trở các hoạt động sản xuất kinh doanh và không trực tiếp can thiệp vào công tác điều hành của các đơn vị, kiểm soát tham gia tư vấn, giám sát và tham mưu trong việc chấn chỉnh công tác quản lý đơn vị và Công ty.

1. Quan hệ phối hợp

a) Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thiết lập, áp dụng và duy trì cơ chế phối hợp trực tiếp trong hoạt động điều hành thông qua các cuộc họp Hội đồng quản trị, trong đó quá trình quản trị điều hành nhằm đảm bảo Ban kiểm soát luôn có đủ thông tin cần thiết để thực thi chức năng kiểm tra, giám sát, kiểm soát tính tuân thủ và thông báo ngay cho Hội đồng quản trị khi phát hiện có nội dung không phù hợp để Hội đồng quản trị xem xét, điều chỉnh kịp thời;

b) Ban kiểm soát tư vấn cho Hội đồng quản trị trong việc ban hành các chủ trương, chính sách điều hành Công ty, kiến nghị Hội đồng quản trị thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm trong niên độ tài chính đảm bảo quản lý hiệu quả các nguồn lực;

2. Quan hệ kiểm soát – Giám sát

a) Ban Kiểm soát thay mặt Đại hội đồng cổ đông giám sát Hội đồng quản trị trong quản lý và điều hành Công ty. Ban kiểm soát kiểm tra, giám sát tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; việc thực hiện các quy chế quản lý nội bộ đã được ban hành nhằm bảo vệ lợi ích cho Công ty và Cổ đông;

b) Ban Kiểm soát có thẩm quyền kiểm tra sự tuân thủ của Hội đồng quản trị theo Pháp luật, theo các nghị quyết và quyết định của Đại hội đồng cổ đông; thẩm tra hiệu quả quản lý của Hội đồng quản trị;

c) Ban Kiểm soát có quyền tham gia tất cả các cuộc họp định kỳ và bất thường của Hội đồng Quản trị nhằm kiểm tra tính hợp pháp và hợp lệ về trình tự tiến hành cuộc họp, trình tự ra quyết định của Hội đồng quản trị nhằm đảm bảo lợi ích của Cổ đông;

d) Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, cung cấp đúng hạn và đầy đủ thông tin liên quan đến hoạt động của Hội đồng quản trị;

đ) Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả;

e) Ban Kiểm soát có trách nhiệm thông báo kịp thời cho Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động kiểm soát của mình đồng thời làm việc với Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị với Đại hội đồng cổ đông;

Điều 38. Mối quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Ban Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm và chịu trách nhiệm trực tiếp trước Hội đồng Quản trị về công việc được giao.

Mối quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Giám đốc là mối quan hệ giữa quản trị Công ty và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày.

Quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc như sau:

a) Theo quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty, Hội đồng quản trị thực hiện chức năng quản trị với nhiệm vụ hoạch định chiến lược, chính sách, Ban Giám đốc thực hiện chức năng điều hành, triển khai thực hiện chiến lược đã được Hội đồng quản trị thông qua;

b) Hội đồng quản trị cùng với Ban Giám đốc thống nhất các mục tiêu ngắn hạn, trung hạn và dài hạn trên cơ sở thỏa mãn lợi ích của Công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và các phương pháp, cách thức tiến hành và các giải pháp để đạt được mục tiêu đề ra;

c) Giám đốc và các bộ phận quản lý chịu trách nhiệm nghiên cứu, xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty để trình Hội đồng quản trị. Khi tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, nếu phát hiện có vấn đề không phù hợp với Pháp luật hiện hành thì Giám đốc báo cáo Hội đồng quản trị để Hội đồng quản trị điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định đó;

d) Ban Giám đốc có quyền chủ động quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Giám đốc như được quy định tại Điều lệ công ty; quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp nhưng phải chịu trách nhiệm về những quyết định đó, đồng thời phải báo ngay cho Hội đồng quản trị biết;

đ) Ba (03) tháng và hàng năm, Ban Giám đốc phải gửi báo cáo về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cho Hội đồng quản trị, kiến nghị những vấn đề cần được Hội đồng quản trị giải quyết trong phạm vi thẩm quyền và mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch trong thời gian tới;

e) Khi xảy ra hoặc nhận thấy có nguy cơ biến động bất thường lớn, Ban Giám đốc cần kịp thời báo cáo đột xuất bằng văn bản hoặc bằng các phương tiện thông tin nhanh nhất cho Hội đồng quản trị để Hội đồng quản trị có biện pháp xử lý kịp thời;

g) Ban Giám đốc được tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Hội đồng quản trị để báo cáo tiến độ triển khai thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị, đồng thời kiến nghị, góp ý xây dựng các chủ trương chính sách của Hội đồng quản trị phù hợp với tình hình thực tiễn của Công ty;

h) Hội đồng quản trị thiết lập cơ chế thanh tra kiểm tra, kiểm soát nội bộ nhằm kiểm soát việc triển khai thực hiện các chủ trương chính sách của Hội đồng quản trị;

Điều 39. Mối quan hệ làm việc giữa Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

Mối quan hệ làm việc giữa Ban kiểm soát với Ban Giám đốc là mối quan hệ giữa hoạt động kiểm soát tính tuân thủ và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

1. Quan hệ phối hợp:

Quan hệ phối hợp được thực hiện trên cơ sở thông tin hai chiều giữa Ban kiểm soát và Ban Giám đốc. Ban Giám đốc chủ động cung cấp các thông tin về hoạt động điều hành, Ban Kiểm soát chủ động xem xét và đưa ra ý kiến tư vấn cho Ban Giám đốc trong hoạt động điều hành

2. Quan hệ kiểm soát và giám sát:

a) Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu Ban Giám đốc hoặc cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phục vụ hoạt động kiểm tra, giám sát;

b) Ban kiểm soát có quyền xem xét tính tuân thủ và tính hợp nhất trong việc ra quyết định của Ban Giám đốc và đánh giá sự phối hợp giữa các thành viên Ban Giám đốc và giữa Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý;

c) Ban Kiểm soát có quyền tham gia vào các cuộc họp của Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý hoặc yêu cầu Ban Giám đốc triệu tập họp bất thường để thông báo các vấn đề phát sinh trong quá trình kiểm tra giám sát mà Ban Kiểm soát nhận thấy đã vi phạm quy định của Pháp luật, quy định của Công ty hoặc gây thiệt hại/có nguy cơ gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty và Cổ đông;

d) Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cung cấp thông tin và tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban Giám đốc thực hiện chức năng nhiệm vụ;

đ) Khi phát hiện thấy có những điểm không phù hợp trong hoạt động điều hành của Ban điều hành, Ban Kiểm soát thông báo bằng văn bản cho Ban Giám đốc yêu cầu điều chỉnh những điểm không phù hợp đó;

Điều 40. Trách nhiệm trung thực, tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý khác

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật doanh nghiệp và các văn bản Pháp luật có liên quan. Việc công khai hóa lợi ích và người có liên quan thực hiện theo Điều 43 của Điều lệ Công ty.

2. Trách nhiệm của người quản lý công ty

Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

b) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty;

c) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty.

đ) Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận

a) Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp quy định tại Khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

b) Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

c) Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây:

- Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản b Điều này;
- Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản c Điều này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao

dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 148 của Luật Doanh nghiệp.

d) Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại Khoản 45.2 và Khoản 45.3 Điều 45 Điều lệ Công ty, gây thiệt hại cho Công ty; người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

CHƯƠNG VII CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 41. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Công ty có nghĩa vụ công bố thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời định kỳ và bất thường về tình hình sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị Công ty cho Cổ đông và công chúng. Ngoài ra, Công ty phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của Cổ đông, nhà đầu tư.

2. Việc công bố thông tin của Công ty được thực hiện theo các quy định của Pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 42. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm 8 Chương và 42 Điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh thông qua ngày 24 tháng 04 năm 2026.

2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh. Các văn bản khác do Công ty ban hành trái với nội dung Quy chế này không còn hiệu lực thi hành. Các văn bản dưới ban hành không được trái với các nội dung trong Quy chế này;

3. Quy chế có hiệu lực kể từ ngày ký;

4. Khi áp dụng Quy chế này, nếu có phát sinh những vấn đề chưa được đề cập trong quy chế quản trị của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh, thì được quyền căn cứ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động; Luật doanh nghiệp để giải quyết trên cơ sở vì lợi ích chung của Công ty và không trái Pháp luật;

5. Trong trường hợp có những quy định mới của của Pháp Luật, Điều lệ Công ty khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định mới đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động quản trị của Công ty. Sau đó phải đưa các vấn đề phát sinh ra kỳ họp Hội đồng quản trị gần nhất để thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế cho phù hợp.

**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Thanh Hương



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN BẮC MINH
BAC MINH DEVELOPMENT INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ : Số 3 An Dương, phường Hồng Hà, thành phố Hà Nội

Điện thoại : 024 37764615

Website : sbm.com.vn

Mail: bacminh.sbm@gmail.com

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Hà Nội, tháng 04 năm 2026



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN BẮC MINH
BAC MINH DEVELOPMENT INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: Số 3, An Dương, Phường Hồng Hà, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: (04) 37764615
Website: sbm.com.vn **Email:** bacminh.sbm@gmail.com

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG

CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN BẮC MINH

(Ban hành kèm theo QĐ số: /QĐ-HĐQT-SBM ngày tháng năm 2026)

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Bắc Minh

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định dựa theo đa số. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Bắc Minh.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 3. Giải thích từ ngữ và chữ viết tắt

1. *Công ty*: là Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh

2. *Phòng, Ban, Nhà máy thủy điện (NMTĐ)*: Các Phòng, Ban chức năng, các Nhà máy thủy điện trực thuộc Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh.

3. *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán.

4. *Người quản lý doanh nghiệp hoặc Người quản lý* là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng.

5. *Người phụ trách quản trị công ty* là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều lệ và Quy chế này.

6. *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.

7. *Người nội bộ* là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của công ty, bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị; Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm; Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát; Thư ký công ty, Người phụ trách quản trị công ty, Người được ủy quyền công bố thông tin;

8. *Luật Doanh nghiệp* là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020.

9. *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.

CHƯƠNG II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, quy chế quản trị nội bộ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, nghiên cứu và có ý kiến góp ý, biểu quyết kịp thời đầy đủ về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, Công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty; Giải trình, làm rõ các nội dung liên quan đến nội dung trình.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định như sau:

- Thành viên HĐQT có văn bản (bản giấy, bản điện tử, email) yêu cầu cung cấp tài liệu thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này gửi đến Giám đốc;

- Giám đốc có trách nhiệm chỉ đạo, phân công các bộ phận chuyên môn cung cấp thông tin, giải trình theo yêu cầu của Thành viên HĐQT và chịu trách nhiệm về các thông tin cung cấp.

Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 (năm) thành viên gồm: 01 Chủ tịch và 04 thành viên.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác.

4. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị:

- Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.

- Điều lệ Công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức.

Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện Thành viên Hội đồng quản trị

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty hoặc tiêu chuẩn, điều kiện khác quy định tại Điều lệ của Công ty và không nhất thiết là Cổ đông của Công ty.

3. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức liêm khiết, trung thực và có ý thức chấp hành pháp luật. Đáp ứng các điều kiện khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Doanh nghiệp khác nhưng quy định tối đa không quá 05 (năm) Doanh nghiệp.

5. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Công ty.

Điều 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ không kiêm chức Giám đốc công ty trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Giám đốc phải được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- i) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- ii) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- iii) Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- iv) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- v) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;
- vi) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Cụ thể:
 - Phân công, phân nhiệm cho các thành viên Hội đồng quản trị;
 - Thay mặt Hội đồng quản trị phê duyệt các chủ trương về kế hoạch, ngân sách, tài chính, chỉ đạo điều hành và giám sát công tác điều hành của Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý.
 - Phê duyệt tất cả các thay đổi, phát sinh so với các kế hoạch, ngân sách, tài chính mà Hội đồng quản trị đã phê duyệt.

- Phê duyệt dự toán, lựa chọn nhà thầu các hạng mục xây dựng có giá trị trên 1 tỷ đồng, các hạng mục thiết bị trên 500 triệu đồng, các hạng mục tư vấn trên 200 triệu đồng;

- Phê duyệt nội dung các hợp đồng xây dựng có giá trị trên 1 tỷ đồng, các hạng mục thiết bị trên 500 triệu đồng, các hạng mục tư vấn trên 200 triệu đồng;

- Ký ban hành quyết định về cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ và các cơ chế, chính sách của Công ty; các văn bản ủy quyền, phân cấp phân quyền của Ban Giám đốc và các bộ phận quản lý khác của Công ty thực hiện các công việc nhằm phục vụ lợi ích của Công ty theo thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

- Cử đại diện chủ sở hữu quản lý phần vốn góp, cổ phần tại các Công ty con, công ty liên kết, đề cử, bổ nhiệm, phân cấp phân quyền cho Chủ tịch hội đồng thành viên, chủ tịch HĐQT tại các công ty con, người đứng đầu Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Công ty con;

3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.

4. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyển dụng thư ký Công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên

HDQT;

c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị:

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 01 ứng cử viên.

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai ứng cử viên.

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba ứng cử viên.

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn ứng cử viên.

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm ứng cử viên.

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu ứng cử viên

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy ứng cử viên.

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên được đề cử tối đa tám ứng cử viên

Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của ĐHĐCĐ thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

Trường hợp nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên HĐQT cần bầu thì thực hiện theo quy định tại điểm 2 khoản 4 Điều 9 Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

4. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu biểu quyết hoặc phương thức biểu quyết trực tiếp theo tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Điều lệ công ty.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể

tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn, Trình độ học vấn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;
- g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

d) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định, tại Điểm d Khoản 2 Điều 135, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc, và người quản lý quan trọng khác; quyết định, tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên/ Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và cán bộ quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

n) Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Công ty; Bổ nhiệm người phụ trách quản trị Công ty

r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty, quy chế quản trị nội bộ công ty.

s) Hội đồng quản trị được ban hành phân cấp để thực hiện quyền và nghĩa vụ

của Hội đồng quản trị theo quy định Điều lệ, quy chế quản trị nội bộ và quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết và không được bỏ phiếu trắng.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; Thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp (Danh sách cổ đông có quyền dự họp

Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn ngắn hơn. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng).

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Lập chương trình, nội dung cuộc họp;

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

e) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi Thông báo và gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 15. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính

sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là [03 người] bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. [Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị]. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 16. Các cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị họp định kỳ mỗi quý ít nhất họp 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Ngoài việc triệu tập họp thường kỳ, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải thông báo triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường, không được có bất kỳ sự trì hoãn bất hợp lý nào, khi có một trong các đối tượng sau đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất năm người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của Ban Kiểm soát;

4. Thời gian triệu tập họp Hội đồng quản trị:

a) Cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm lập chương trình nghị sự, thông báo về thời gian và địa điểm họp cho các thành viên Hội đồng quản trị chậm nhất 03 (ba) ngày trước ngày khai mạc. Thông báo được gửi đến các

thành viên được lập thành văn bản bằng Tiếng Việt; các tài liệu về các vấn đề bàn bạc tại cuộc họp, phiếu bầu cho các thành viên không thể dự họp phải được gửi kèm theo thông báo

b) Cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường: Cuộc họp Hội đồng quản trị phải được tiến hành trong vòng 7 (bảy) ngày sau khi nhận được đề nghị. Người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo bằng văn bản tiếng Việt kèm theo các tài liệu cần thiết tới các thành viên Hội đồng quản trị 03 (ba) ngày trước ngày khai mạc;

c) Nếu quá các thời hạn nêu trong Điều này, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo quy định thì Hội đồng quản trị sẽ tự động họp và cuộc họp sẽ được coi là hợp lệ nếu đáp ứng điều kiện về số thành viên dự họp theo Khoản 1, Điều 24 Quy chế này.

d) Người gửi thông báo triệu tập họp phải có bằng chứng chứng minh về việc người được triệu tập họp đã nhận được thông báo.

5. Người triệu tập họp Hội đồng quản trị là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp khác việc triệu tập họp Hội đồng quản trị sẽ theo quy định của Điều lệ Công ty.

6. Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa điểm là trụ sở đã đăng ký của Công ty hoặc ở địa điểm khác tại Việt Nam hoặc tại nước ngoài do người triệu tập họp quyết định.

7. Hội đồng quản trị có thể tổ chức họp theo hình thức nghị sự giữa các thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện các phương tiện nghe nhìn có thể đảm bảo để mỗi thành viên Hội đồng tham gia có thể nghe từng thành viên khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp, có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham gia họp. Các thành viên tham gia họp loại này được coi là có mặt.

Địa điểm của cuộc họp Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 6 điều này là địa điểm có đông thành viên Hội đồng quản trị nhất tập hợp lại và nếu không có nhóm tập hợp đông nhất của các thành viên Hội đồng quản trị thì địa điểm diễn ra cuộc họp là địa điểm có sự hiện diện của Chủ tọa cuộc họp.

Các nghị quyết thông qua tại các cuộc họp Hội đồng quản trị tổ chức bằng hình thức này sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp.

8. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

9. Những người được mời họp dự thính: Kiểm soát viên; Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong Công ty, chuyên gia của Bên thứ ba có thể được tham gia cuộc họp theo Giấy mời của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định về việc mời người họp dự thính.

10. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn [07 ngày] kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

11. Chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị là Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền bằng văn bản. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt và không ủy quyền thì các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp bầu một người làm chủ tọa cuộc họp.

12. Biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị:

a) Trừ quy định tại điểm b khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c) Khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d) Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên;

đ) Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết;

e) Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua khi có đa số phiếu biểu quyết. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến

của Chủ tịch Hội đồng quản trị trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 của Điều này;

g) Chỉ có thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được thành viên Hội đồng quản trị ủy quyền mới có quyền biểu quyết. Những người dự thỉnh, khách mời không được biểu quyết;

h) Khi biểu quyết những vấn đề có liên quan đến những hợp đồng kinh tế, dân sự mà thành viên Hội đồng quản trị dự họp là bên ký kết hợp đồng hoặc có người có liên quan là một bên ký kết thì họ không được biểu quyết và không tính vào số đại biểu có mặt khi biểu quyết để tính tỷ lệ;

i) Thành viên Hội đồng quản trị vắng mặt có thể gửi phiếu biểu quyết bằng văn bản. Văn bản biểu quyết của thành viên vắng mặt phải được gửi Chủ tịch Hội đồng quản trị/Chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị chậm nhất 01 giờ trước giờ khai mạc cuộc họp.

13. Thông qua nghị quyết Hội đồng quản trị dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản: Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể tiến hành cuộc họp Hội đồng quản trị bằng việc thông báo nội dung và phiếu biểu quyết bằng văn bản. Sau khi nhận được các phiếu lấy ý kiến, Tổ thư ký lập biên bản việc kiểm phiếu trình Chủ tịch Hội đồng quản trị để thông qua nghị quyết.

14. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 17. Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Hội đồng quản trị có Tiểu ban Thư ký hoặc Tổ Thư ký/Thư ký (trong trường hợp Hội đồng quản trị không quyết định thành lập Tiểu ban Thư ký để giúp việc) giúp việc để ghi chép đầy đủ nội dung cuộc họp Hội đồng quản trị vào sổ biên bản. Chủ tọa và Thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp Hội đồng quản trị. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
- Thời gian và địa điểm họp;
- Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- Các vấn đề thảo luận và biểu quyết;

- Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- Tóm tắt phát biểu ý kiến tại cuộc họp, diễn biến cuộc họp, các ý kiến tranh luận;
- Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản và các thành viên HĐQT tham dự họp và biểu quyết, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

CHƯƠNG VI

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- Báo cáo tài chính;
- Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban

kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 (một) năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ Công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

CHƯƠNG VII

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị

thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

CHƯƠNG VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh bao gồm 8 chương, 24 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm trình các vướng mắc của các đơn vị, cá nhân liên quan về Quy chế lên Đại hội đồng cổ đông. Đồng thời, cử người phối hợp với các đơn vị, cá nhân có vướng mắc để đề xuất biện pháp xử lý sửa đổi cho Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

3. Khi áp dụng Quy chế này, nếu có phát sinh những vấn đề chưa được đề cập trong quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh, thì được quyền căn cứ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động; Luật doanh nghiệp và các quy định của Pháp luật có liên quan để giải quyết trên cơ sở vì lợi ích chung của Công ty và không trái Pháp luật;

4. Trong trường hợp có những quy định mới của của Pháp Luật, Điều lệ Công ty khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định mới đó đương

nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động quản trị của Công ty. Sau đó phải đưa các vấn đề phát sinh ra kỳ họp Hội đồng quản trị gần nhất để thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế cho phù hợp.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Thanh Hương





CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN BẮC MINH
SỐ: 12/Tr-BKS-SBM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v: Sửa đổi và Ban hành Quy chế hoạt động Ban kiểm soát
Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bắc Minh

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan;

Căn cứ Thông tư 116/2020/TT - BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ - CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh;

Ban kiểm soát SBM kính trình Đại hội đồng cổ đông về phê duyệt và ban hành Quy chế hoạt động Ban kiểm soát Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh (Toàn văn quy chế kèm theo) nhằm phù hợp với điều kiện Công ty đại chúng cũng như định hướng phát triển của SBM.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi gửi:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu.

T/M. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Nguyễn Văn Minh



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN BẮC MINH
BAC MINH DEVELOPMENT INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ : Số 3 An Dương, phường Hồng Hà, Thành phố Hà Nội

Điện thoại : 024 37764615

Website : sbm.com.vn

Mail: bacminh.sbm@gmail.com

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Hà Nội, tháng 04 năm 2026



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN BẮC MINH
BAC MINH DEVELOPMENT INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: Số 3, An Dương, Phường Hồng Hà, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (04) 37764615

Website: sbm.com.vn

Email: bacminh.sbm@gmail.com

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG

CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN BẮC MINH

(Ban hành kèm theo QĐ số: /QĐ-BKS-SBM ngày tháng năm 2026)

- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ hoạt động Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh số /NQ-ĐHĐCĐ-SBM ngày 24/04/2026;

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

CHƯƠNG II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông ; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 (ba) người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Thành viên Ban kiểm soát có thể làm việc theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách. Trường Ban kiểm soát sẽ xem xét đề xuất cơ chế làm việc của các thành viên Ban kiểm soát để Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

e) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

f) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;

g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát ; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Điều 7. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các Thành viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) Kiểm soát viên ; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) Kiểm soát viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa đủ các Kiểm soát viên.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

3. Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên Ban Kiểm soát cần bầu thì việc bầu thành viên Ban Kiểm soát có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;
- e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền

phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty ; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm: a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo; b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác ; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty vi phạm thẩm quyền, trình tự, thủ tục, tài liệu và thông tin, hệ thống quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty.

b) Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

c) Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông tập hợp đủ số cổ phần có quyền biểu quyết theo quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

2. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp thì thành viên Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

CHƯƠNG IV CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu triệu tập thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các thành viên Ban kiểm soát chịu trách nhiệm phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

CHƯƠNG V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Ban kiểm soát có trách nhiệm trình báo cáo lên cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các báo cáo nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát, kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người quản lý khác của Công ty.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả trên lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của thành viên mà sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp hoặc phần lợi ích của thành viên Ban kiểm soát, những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát, những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát trong đó công ty cổ phần hoặc phần vốn góp hoặc phần lợi ích của thành viên Ban kiểm soát trong đó công ty cổ phần sở hữu cổ phần;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của thành viên mà những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát trong đó những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát cùng sở hữu hoặc sở hữu từ 10% vốn điều lệ.

2. Trước khi khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Ban kiểm soát phải kê khai lợi ích liên quan phải trình bày tại Điều 1 này và phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan, việc sửa đổi, bổ sung được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những thông tin có liên quan tới Công ty của mình để phục vụ lợi ích khác do Công ty hoàn lại.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty liên quan được Công ty nắm giữ cổ phần hoặc phần vốn góp từ 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch như trên, thành viên Ban kiểm soát phải trình bày rõ ràng tại các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và phải được chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông hoặc các thành viên Ban kiểm soát không được sử dụng hoặc tiết lộ thông tin nội bộ của Công ty.

CHƯƠNG VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát làm việc có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

**CHƯƠNG VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh bao gồm 07 chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 04 năm 2026.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Văn Minh



**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN BẮC MINH**

Số: *123* /TTr-HĐQT-SBM

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày *01* tháng *04* năm 2026

TỜ TRÌNH

**V/v: Miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị
nhiệm kỳ 2023-2028**

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026 - SBM

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội khóa XIV nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh được thông qua ngày 22/04/2025 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025;

Căn cứ Quy chế quản trị Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Bắc Minh;

Căn cứ Quyết định số 168/QĐ-HĐTV ngày 30/06/2025 của Hội đồng Thành viên Tổng Công ty Điện lực miền Bắc về việc cử Người đại diện phần vốn của EVNNPC tại Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh;

Căn cứ văn bản số 3165/EVNNPC-TCNS ngày 30/06/2025 của Chủ tịch Hội đồng Thành viên Tổng Công ty Điện lực miền Bắc về việc thay Người đại diện phần vốn của EVNNPC tại Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh.

Căn cứ đơn từ nhiệm của các thành viên Hội đồng quản trị: ông Lê Đình Lượng và Bà Thiều Thị Hằng My;

Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) SBM nhiệm kỳ 2023 - 2028 như sau:

1. Miễn nhiệm thành viên HĐQT

1.1. Ông Lê Đình Lượng - Chức vụ: Thành viên HĐQT

- Thời gian miễn nhiệm: 01/07/2025

- Lý do miễn nhiệm: Từ ngày 01/07/2025, Cổ đông là pháp nhân - Tổng công ty điện lực miền Bắc (EVNNPC) thôi cử ông Lê Đình Lượng làm Người đại diện phần vốn của EVNNPC tại Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Bắc Minh (SBM) và ông Lê Đình Lượng có đơn xin từ nhiệm Thành viên HĐQT SBM kể từ ngày 01/07/2025;

1.2. Bà Thiều Thị Hằng My - Chức vụ: Thành viên HĐQT



- Thời gian miễn nhiệm: 24/04/2026

- Lý do miễn nhiệm: Có đơn xin từ nhiệm vì lý do cá nhân

Căn cứ cơ sở trên, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm chức danh Thành viên HĐQT đối với Ông Lê Đình Lượng kể từ ngày 01/07/2025 và Bà Thiều Thị Hằng My kể từ ngày 24/04/2026.

2. Bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc bầu bổ sung 02 thành viên HĐQT để đảm bảo số lượng thành viên HĐQT của Công ty là 05 (năm) người theo quy định tại điều lệ và quy chế quản trị của công ty.

Trên đây là phương án về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Bắc Minh kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu.



Nguyễn Thị Thanh Hương





**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN BẮC MINH**
Số: BB-ĐHĐCĐ-SBM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỌP

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN BẮC MINH

I. Doanh nghiệp, thời gian, địa điểm, thành phần tham dự Đại hội

1. CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN BẮC MINH

Địa chỉ trụ sở chính: Số 3, An Dương, Phường Hồng Hà, TP. Hà Nội

Giấy chứng nhận ĐKKD số: 0102165522 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp thay đổi lần 12 ngày 25/11/2022.

2. Thời gian: 14h00', ngày 24 tháng 04 năm 2026

3. Địa điểm họp: Phòng họp Thăng Long, Tầng 2, Khách sạn Legend Westlake – Số 1-1A, Yên Phụ, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội.

4. Thành phần tham dự

4.1. Hội đồng quản trị (HĐQT):

- | | |
|------------------------------|----------------------------|
| - Bà: Nguyễn Thị Thanh Hương | - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT |
| - Ông: Lại Hợp Quốc | - Chức vụ: Thành viên HĐQT |
| - Bà: Thiều Thị Hằng My | - Chức vụ: Thành viên HĐQT |
| - Ông: Đỗ Minh Đức | - Chức vụ: Thành viên HĐQT |

Chiếm số lượng 4/5 tổng số Thành viên Hội đồng quản trị.

4.2. Ban kiểm soát (BKS):

- | | |
|-------------------------|----------------------------------|
| - Ông: Nguyễn Văn Minh | - Chức vụ: Trưởng ban kiểm soát. |
| - Ông: Nguyễn Quốc Thái | - Chức vụ: Thành viên |
| - Ông: Lê Lam Thanh | - Chức vụ: Thành viên |

Chiếm số lượng 3/3 tổng số Thành viên Ban kiểm soát.

4.3. Các cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh đến ngày 01 tháng 04 năm 2026.

II. Nội dung và diễn biến của Đại hội:

1. Tính hợp pháp của Đại hội

Đại hội đã nghe Ông: Lê Lam Thanh - Trưởng ban kiểm tra tư cách Cổ đông báo cáo kết quả kiểm tra tư cách Cổ đông:

- Tổng số Cổ đông của SBM tại ngày 01/04/2026 là Cổ đông (..... Cổ



đồng là tổ chức và cổ đông là cá nhân) đại diện cho tổng số cổ phần của Công ty. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.

- Tổng số đại biểu là Cổ đông sở hữu hoặc được ủy quyền tham dự có mặt là: **Cổ đông** (gồm cổ đông tham gia trực tiếp & cổ đông ủy quyền) đại diện cho **cổ phần** - chiếm tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp: phiếu biểu quyết.

Căn cứ Luật doanh nghiệp 2020 và Điều lệ Công ty, Đại hội cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Bắc Minh là hợp pháp và đủ điều kiện để tiến hành Đại hội.

2. Chủ tọa, thư ký đại hội và ban kiểm phiếu

Để điều hành hoạt động của Đại hội, Đại hội đồng Cổ đông đã nhất trí thông qua danh sách Đoàn Chủ tịch, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu như sau:

Đoàn chủ tịch

- | | |
|-------------------------------|--------------------------|
| 1. Bà: Nguyễn Thị Thanh Hương | - Chủ tịch Đoàn chủ tịch |
| 2. Ông: Lại Hợp Quốc | - Ủy viên |
| 3. Ông: Vũ Minh Tú | - Ủy viên |

Ban thư ký

- | | |
|--------------------------|--------------|
| 1. Ông: Nguyễn Quốc Thái | - Trưởng ban |
| 2. Ông: Vũ Văn Năm | - Ủy viên |

Ban Kiểm phiếu

- | | |
|-------------------------|--------------|
| 1. Ông: Nguyễn Tài Tuấn | - Trưởng ban |
| 2. Bà: Bùi Tuyết Vân | - Ủy viên |

Tổng số biểu quyết nội dung Chủ tọa, thư ký đại hội và ban kiểm phiếu

- | | |
|--------------------|---|
| - Tán thành: | 100 % tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp |
| - Không tán thành: | 0 % tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp |
| - Ý kiến khác: | 0 % tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp |

3. Thông qua chương trình Đại hội

Đại hội đã nghe Ông: Vũ Minh Tú - Thay mặt Đoàn chủ tịch đọc chương trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026, gồm:

- 1) Báo cáo công tác hoạt động của HĐQT năm 2025 và phương hướng hoạt động năm 2026;
- 2) Báo cáo kết quả SXKD năm 2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026;
- 3) Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025 và kế hoạch năm 2026;
- 4) Tờ trình thông qua BCTC kiểm toán năm 2025

- 5) Tờ trình thông qua việc lựa chọn Đơn vị kiểm toán BCTC năm 2026;
- 6) Tờ trình thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026
- 7) Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức, trích lập các quỹ;
- 8) Tờ trình về thù lao HĐQT, BKS năm 2025 và kế hoạch năm 2026;
- 9) Tờ trình thông qua các giao dịch Công ty với các bên liên quan
- 10) Tờ trình thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế quản trị, Quy chế Hoạt động HĐQT Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh
- 11) Tờ trình thông qua Quy chế Hoạt động BKS Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh
- 12) Tờ trình về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028.

Dại hội đã thống nhất nội dung chương trình nghị sự của Đại hội chính thức.

Tổng số biểu quyết thống nhất nội dung chương trình nghị sự của Đại hội:

- | | |
|--------------------|---|
| - Tán thành: | 100 % tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp |
| - Không tán thành: | 0 % tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp |
| - Ý kiến khác: | 0 % tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp |

4. Trình bày các báo cáo và tờ trình tại đại hội:

4.1. Ông: Lại Hợp Quốc - Thay mặt Đoàn chủ tịch thông qua Quy chế làm việc của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026

Đại hội biểu quyết tán thành thông qua với tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

4.2. Bà Nguyễn Thị Thanh Hương – Chủ tịch HĐQT, thay mặt HĐQT - Trình bày Báo cáo công tác hoạt động của HĐQT năm 2025 và phương hướng hoạt động năm 2026;

4.3. Ông Vũ Minh Tú - Giám đốc Công ty - Trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc về kết quả SXKD năm 2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026;

4.4. Ông: Nguyễn Văn Minh –Trưởng BKS - Trình bày Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026;

4.5. Bà: Bùi Tuyết Vân – Kế toán trưởng Công ty – Trình bày các Tờ trình:

- ✓ Tờ trình thông qua BCTC kiểm toán năm 2025;
- ✓ Tờ trình thông qua việc lựa chọn Đơn vị kiểm toán BCTC năm 2026;
- ✓ Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức, trích lập các quỹ;

- ✓ Tờ trình về thù lao HĐQT, BKS năm 2025 và kế hoạch năm 2026;
- ✓ Tờ trình thông qua các giao dịch Công ty với các bên liên quan;

4.6. Ông Vũ Minh Tú - Giám đốc Công ty - Trình bày các tờ trình và các nội dung khác:

- ✓ Tờ trình thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026
- ✓ Tờ trình thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế quản trị, Quy chế Hoạt động HĐQT Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh
- ✓ Tờ trình về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028.

4.7. Ông: Nguyễn Văn Minh –Trưởng BKS - Trình bày Tờ trình thông qua Quy chế Hoạt động BKS Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh;

5. Đại hội tiến hành thảo luận các nội dung:

Kết thúc phần trình bày các Báo cáo, Tờ trình, Bà Nguyễn Thị Thanh Hương – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty – thay mặt Đoàn chủ tịch điều hành chương trình thảo luận của các cổ đông:

.....

Kết thúc phần thảo luận, Đại hội tiến hành các thủ tục Bầu cử bầu bổ sung thành viên thành viên Hội đồng quản trị và biểu quyết thông qua các nội dung tại đại hội cổ đông thường niên năm 2026.

6. Biểu quyết thông qua các Báo cáo và Tờ trình tại Đại hội:

Kết quả chi tiết trong biên bản kiểm phiếu tại Đại hội. Sơ bộ nội dung biểu quyết như sau:

6.1. Thông qua Báo cáo công tác hoạt động của HĐQT năm 2025 và phương hướng hoạt động năm 2026.

Tán thành: Phiếu	Chiếm tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
Không tán thành: Phiếu	Chiếm tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
Ý kiến khác: Phiếu	Chiếm tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp

6.2. Thông qua Báo cáo của Ban giám đốc về kết quả SXKD năm 2025 và kế hoạch SXKD năm 2026

Tán thành: Phiếu	Chiếm tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
Không tán thành: Phiếu	Chiếm tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp

Ý kiến khác: Phiếu	Chiếm tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
--------------	-------------	---

6.3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026

Tán thành: Phiếu	Chiếm tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
Không tán thành: Phiếu	Chiếm tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
Ý kiến khác: Phiếu	Chiếm tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp

6.4. Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025

Tán thành: Phiếu	Chiếm tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
Không tán thành: Phiếu	Chiếm tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
Ý kiến khác: Phiếu	Chiếm tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp

6.5. Thông qua việc lựa chọn Đơn vị kiểm toán BCTC năm 2026

Tán thành: Phiếu	Chiếm tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
Không tán thành: Phiếu	Chiếm tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
Ý kiến khác: Phiếu	Chiếm tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp

6.6. Thông qua Tờ trình Phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức, trích lập các quỹ:

Tán thành: Phiếu	Chiếm tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
Không tán thành: Phiếu	Chiếm tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
Ý kiến khác: Phiếu	Chiếm tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp

6.7. Thông qua Tờ trình về thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2025 và kế hoạch thù lao năm 2026

Tán thành: Phiếu	Chiếm tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
Không tán thành: Phiếu	Chiếm tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
Ý kiến khác: Phiếu	Chiếm tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp

6.8. Tờ trình thông qua các giao dịch Công ty với các bên liên quan

Tán thành: Phiếu	Chiếm tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
Không tán thành: Phiếu	Chiếm tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
Ý kiến khác: Phiếu	Chiếm tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp

6.9. Tờ trình thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế quản trị, Quy chế Hoạt động HĐQT Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh

Tán thành: Phiếu	Chiếm tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
Không tán thành: Phiếu	Chiếm tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
Ý kiến khác: Phiếu	Chiếm tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp

6.10. Tờ trình thông qua Quy chế Hoạt động BKS Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh

Tán thành: Phiếu	Chiếm tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
Không tán thành: Phiếu	Chiếm tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
Ý kiến khác: Phiếu	Chiếm tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp

6.11. Thông qua Tờ trình của HĐQT về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028.

1/ Miễn nhiệm thành viên HĐQT:

Danh sách miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị gồm:

a. Ông Lê Đình Lượng - Chức vụ: Thành viên HĐQT

b. Bà Thiều Thị Hằng My - Chức vụ: Thành viên HĐQT

Tán thành: Phiếu	Chiếm tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
Không tán thành: Phiếu	Chiếm tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
Ý kiến khác: Phiếu	Chiếm tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp

2/ Bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028:

a. Danh sách ứng viên tham gia bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

nhiệm kỳ 2023 - 2028 gồm:

.....

b. Kết quả bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028

Theo kết quả kiểm phiếu, danh sách thành viên trúng cử bầu bổ sung vào HĐQT Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh nhiệm kỳ 2023 - 2028 như sau:

-
-

Kết quả chi tiết trong biên bản kiểm phiếu tại Đại hội.

Tán thành: Phiếu	Chiếm tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
Không tán thành: Phiếu	Chiếm tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
Ý kiến khác: Phiếu	Chiếm tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp

Các quyết định được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng

1) Báo cáo công tác hoạt động của HĐQT năm 2025 và phương hướng hoạt động năm 2026 với tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua là%;

2) Báo cáo kết quả SXKD năm 2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 với tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua là%;

3) Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025 và kế hoạch năm 2026 với tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua là%;

4) Tờ trình thông qua BCTC kiểm toán năm 2025 với tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua là%;

5) Tờ trình thông qua việc lựa chọn Đơn vị kiểm toán BCTC năm 2026 với tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua là%;

6) Tờ trình thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 với tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua là%;

7) Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức, trích lập các quỹ với tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua là%;

8) Tờ trình về thù lao HĐQT, BKS năm 2025 và kế hoạch năm 2026 với tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua là%;

9) Tờ trình thông qua các giao dịch Công ty với các bên liên quan với tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua là%;

10) Tờ trình thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế quản trị, Quy chế Hoạt động HĐQT Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh với tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua là%;

11) Tờ trình thông qua Quy chế Hoạt động BKS Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh với tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua là%;

12) Tờ trình về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028 với tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua là%.

7. Thông qua Biên bản, Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 và bế mạc đại hội

Ông: Nguyễn Quốc Thái - Trưởng ban thư ký, đọc Biên bản, Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026. Đại hội biểu quyết thông qua Biên bản Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026 với tỷ lệ thống nhất là 100%.

Bà Nguyễn Thị Thanh Hương - Thay mặt đoàn chủ tịch tuyên bố bế mạc Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026.

Đại hội kết thúc vào hồi 17 giờ 00 phút cùng ngày.

ĐOÀN CHỦ TỊCH

CHỦ TỊCH ĐOÀN

UỶ VIÊN

UỶ VIÊN

Nguyễn Thị Thanh Hương

Lại Hợp Quốc

Vũ Minh Tú

BAN THƯ KÝ

TRƯỞNG BAN

UỶ VIÊN

Nguyễn Quốc Thái

Vũ Văn Năm

NGHỊ QUYẾT

Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN BẮC MINH**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội khóa XIV Nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;;

Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội khóa XIV Nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày ngày 26/11/2019;

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh;

Biên bản họp số /BB-ĐHĐCĐ-SBM, ngày 24/04/2026 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026 Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo công tác hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT) năm 2025 và phương hướng hoạt động năm 2026 (Báo cáo kèm theo).

Điều 2. Thông qua Báo cáo của Ban giám đốc về kết quả SXKD năm 2025 và kế hoạch năm 2026 (Báo cáo kèm theo):

1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025:

TT	Nội dung	Kế hoạch năm điều chỉnh 2025	Thực hiện năm 2024	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ TH so với KH	Tỷ lệ TH so với cùng kỳ 2024
I	Sản lượng (10 ⁶ kWh)	221,23	220,6	227,2	102,7%	103%
1	Suối Sập 3	48,39	47,8	48,6	100,4%	101,7%
2	Tà Cọ	115,30	113,8	119	103,2%	104,6%
3	Thoong Gót	10,20	12,4	10,8	105,9%	87,1%
4	Nà Tầu	16,96	17,8	17,2	101,4%	96,6%
5	Nậm Công 3	30,38	28,9	31,6	104,0%	109,3%
II	Doanh thu (tỷ đồng)	285,81	281	289,1	101,2%	102,9%
1	Suối Sập 3	63,32	62,6	62,11	98,1%	99,2%

TT	Nội dung	Kế hoạch năm điều chỉnh 2025	Thực hiện năm 2024	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ TH so với KH	Tỷ lệ TH so với cùng kỳ 2024
2	Tà Cọ	149,99	145	152,4	101,6%	105,1%
3	Thoong Gót	10,89	13,4	11,34	104,1%	84,6%
4	Nà Tầu	20,61	22,2	21,13	102,5%	95,2%
5	Nậm Công 3	39,48	36,9	40,52	102,6%	109,8%
6	Doanh thu khác	1,52	0,9	1,6	105,4%	177,8%
III	Chi phí (tỷ đồng)	129,62	116,3	124,2	95,8%	106,8%
IV	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	140,48	150,8	146,5	104,3%	97%

2. Kế hoạch Sản xuất kinh doanh năm 2026

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Giá trị
1	Điện thương phẩm	kWh	193.528.294
2	Doanh thu	Đồng	257.524.080.133
3	Tổng chi phí	Đồng	139.497.726.702
4	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	118.026.353.431
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Đồng	14.883.108.809
6	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	103.143.244.622
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng/CP	2.290

Điều 3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025 và kế hoạch năm 2026 (Báo cáo kèm theo).

Điều 4. Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026

1. Các chỉ tiêu Kế hoạch SXKD chính năm 2026

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Giá trị
1	Điện thương phẩm	kWh	193.528.294
2	Doanh thu	Đồng	257.524.080.133
3	Tổng chi phí	Đồng	139.497.726.702
4	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	118.026.353.431
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Đồng	14.883.108.809
6	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	103.143.244.622
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng/CP	2.290

(Tờ trình kèm theo)

2. Đại Hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị, trên cơ sở đánh giá kết quả thực tế sản xuất kinh doanh 9 tháng năm 2026 và dự kiến kết quả thực hiện kế hoạch năm 2026, xem xét phê duyệt điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 đảm bảo tính khả thi và phù hợp với tình hình thực tế. Trường hợp quyết định thông qua phê duyệt điều chỉnh kế hoạch năm 2026, HĐQT có trách nhiệm công bố thông tin theo quy định pháp luật và báo cáo việc điều chỉnh kế hoạch năm 2026 tại cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất của Công ty.

Điều 5. Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025 (Tờ trình kèm theo).

Điều 6. Thông qua lựa chọn Đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 (Tờ trình kèm theo).

Điều 7. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức, trích lập các quỹ (tờ trình kèm theo):

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025

ĐVT: Việt Nam đồng

TT	Chi tiêu	Tỷ lệ %	Số tiền	Ghi chú
I	Lợi nhuận năm 2025			
1	Lũy kế LNST đến năm 2024 chuyển sang		73.334.354.264	
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2025		146.500.299.191	
	Lũy kế lợi nhuận sau thuế		219.834.653.455	
II	Phân phối lợi nhuận và chia cổ tức	100	219.834.653.455	
1	Quỹ đầu tư phát triển năm 2025	0	0	Tính đến ngày 01/04/2026, Quỹ đầu tư phát triển còn dư 8.069.702.570 đồng
2	Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2025	0,95%	2.083.783.026	Tính đến ngày 01/04/2026, Quỹ khen thưởng phúc lợi còn dư 566.214.805 đồng
3	Chia cổ tức năm 2025 bằng tiền với tỉ lệ 30% vốn điều lệ, trong đó:	61,47%	135.134.859.000	
	Trong đó:			

TT	Chi tiêu	Tỷ lệ %	Số tiền	Ghi chú
3.1	Đã tạm ứng cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 30% vốn điều lệ. Cụ thể như sau			
-	Tạm ứng cổ tức năm 2025 bằng tiền (với tỉ lệ 10% vốn điều lệ) theo nghị quyết số 80/NQ-HĐQT-SBM ngày 29/07/2025		45.044.953.000	Đã chi trả trong quý III/2025
-	Tạm ứng cổ tức năm 2025 đợt 2 bằng tiền (với tỉ lệ 10% vốn điều lệ) theo nghị quyết số 99/NQ-HĐQT-SBM ngày 31/10/2025		45.044.953.000	Đã chi trả trong quý IV/2025
-	Tạm ứng cổ tức năm 2025 đợt 3 bằng tiền (với tỉ lệ 10% vốn điều lệ) theo nghị quyết số 02/NQ-HĐQT-SBM ngày 12/01/2026		45.044.953.000	Đã chi trả trong quý I/2026
3.2	Còn lại phải chi trả		0	
	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	37,58%	83.021.487.192	

2. Kế hoạch năm 2026

Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị SBM căn cứ tình hình thực tế của Công ty xem xét tạm ứng cổ tức năm 2026 cho các cổ đông với mức cổ tức không quá 30% Vốn điều lệ, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 8. Thông qua Tờ trình về thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2025 và kế hoạch năm 2026 (tờ trình kèm theo).

1. Quyết toán thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2025

1.1. Thù lao HĐQT, BKS được ĐHĐ CD TN 2025 thông qua:

TT	Chức danh	Số lượng	Số tháng	Thù lao và chi phí khác (Đồng/người)		Tổng số tiền thù lao (Đồng)
				Thù lao	Chi phí khác	
I	Hội đồng quản trị					1.080.000.000
I	Thành viên HĐQT	5	12	3.000.000	15.000.000	1.080.000.000
II	Ban kiểm soát					485.700.000

1	Trưởng ban	1	12	25.475.000		305.700.000
2	Thành Viên	2	12	1.500.000	6.000.000	180.000.000
	Cộng					1.565.700.000

- Quyết định số 02/QĐ-HĐQT-SBM ngày 10/01/2025 của Hội đồng quản trị: Duyệt chi tiền thưởng (tương đương 01 tháng lương) cho HĐQT và BKS là 130.475.000 đồng.

- Các khoản bảo hiểm trích theo lương đối với Trưởng ban kiểm soát chuyên trách với tổng số tiền là 32.077.500 đồng.

1.2 Tổng chi trả thù lao và chi phí khác theo thực tế năm 2025:

- Tổng chi trả thù lao HĐQT, BKS là: 1.696.175.000 Đồng

+ Thù lao HĐQT là: 1.170.000.000 đồng

+ Thù lao BKS là: 526.175.000 đồng

- Các khoản bảo hiểm trích theo lương đối với Trưởng ban kiểm soát chuyên trách với tổng số tiền là 32.077.500 đồng.

2. Dự toán thù lao và chi phí khác của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2026:

2.1 Thù lao và chi phí khác:

TT	Chức danh	Số lượng	Số tháng	Thù lao và chi phí khác (Đồng/người)	Tổng số tiền thù lao (Đồng)
I	Hội đồng quản trị				3.543.460.800
1	Chủ tịch chuyên trách	1	12	95.288.400	1.143.460.800
2	Thành viên HĐQT	4	12	50.000.000	2.400.000.000
II	Ban kiểm soát				965.700.000
1	Trưởng ban	1	12	40.475.000	485.700.000
2	Thành viên	2	12	20.000.000	480.000.000
	Cộng				4.509.160.800

2.2 Tổng chi phí đóng nộp bảo hiểm năm 2026:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách: 57.213.288 đồng.

- Trưởng ban kiểm soát chuyên trách: 34.298.256 đồng.

Điều 9. Thông qua các giao dịch Công ty với các bên liên quan (Tờ trình kèm

theo).

Điều 10. Thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế quản trị, Quy chế Hoạt động HĐQT Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh (Tờ trình; Điều lệ Tổ chức và hoạt động; Quy chế quản trị; Quy chế hoạt động kèm theo).

Điều 11. Thông qua Quy chế Hoạt động BKS Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh (Tờ trình; Quy chế hoạt động kèm theo).

Điều 12. Thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028 (Tờ trình kèm theo)

1. Miễn nhiệm thành viên HĐQT:

Danh sách miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:

a. Ông Lê Đình Lượng - Chức vụ: Thành viên HĐQT

b. Bà Thiều Thị Hằng My - Chức vụ: Thành viên HĐQT

2. Bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028:

a. Danh sách ứng viên tham gia bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 - 2028 gồm:

b. Kết quả bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028

Theo kết quả kiểm phiếu, danh sách thành viên trúng cử bầu bổ sung vào HĐQT Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh nhiệm kỳ 2023 - 2028 như sau:

Điều 13. Nghị quyết này được Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026 thông qua toàn văn và có hiệu lực từ ngày ký. Hội đồng quản trị chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nội dung đã được các Cổ đông nhất trí thông qua tại Đại hội một cách hiệu quả./.

Nơi nhận:

- Các Cổ đông;
- HĐQT; BKS;
- Công ty SBM;
- Lưu.

**T/M ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TOẠ - CHỦ TỊCH HĐQT**

Nguyễn Thị Thanh Hương